

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK
MAYBANK SECURITIES LIMITED**

Số/No: **026**/26/CBTT-MSVN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2026
Ho Chi Minh city, 26 May 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi : Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To : Ho Chi Minh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK

Name of organization : *MAYBANK SECURITIES LIMITED*
Mã thành viên/Broker Code : 079
Địa chỉ/Address : VP-10-01, Tầng 10, Toà nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn,
Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
*VP-10-01, Floor 10, Pearl 5 Tower, 5 Le Quy Don,
Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
Điện thoại/ Tel. : 028. 44 555 888 (Ext: 8000) Fax : 028. 38 271 030
Email : info.MSVN@maybank.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank (“Công ty”) công bố các Thông báo phát hành và Bản cáo bạch đối với 13 chứng quyền có bảo đảm, cụ thể:

Maybank Securities Limited (“the Company”) hereby discloses the Issuance Notices and Prospectuses for the following 13 covered warrants:

- Chứng quyền FPT/MSVN/10M/0126 - *Warrant FPT/MSVN/10M/0126*
- Chứng quyền HPG/MSVN/7M/0126 - *Warrant HPG/MSVN/7M/0126*
- Chứng quyền HPG/MSVN/10M/0226 - *Warrant HPG/MSVN/10M/0226*
- Chứng quyền LPB/MSVN/7M/0126 - *Warrant LPB/MSVN/7M/0126*
- Chứng quyền LPB/MSVN/10M/0226 - *Warrant LPB/MSVN/10M/0226*
- Chứng quyền MSN/MSVN/7M/0126 - *Warrant MSN/MSVN/7M/0126*
- Chứng quyền MSN/MSVN/10M/0226 - *Warrant MSN/MSVN/10M/0226*
- Chứng quyền MWG/MSVN/10M/0126 - *Warrant MWG/MSVN/10M/0126*
- Chứng quyền STB/MSVN/7M/0126 - *Warrant STB/MSVN/7M/0126*
- Chứng quyền STB/MSVN/10M/0226 - *Warrant STB/MSVN/10M/0226*
- Chứng quyền VHM/MSVN/7M/0126 - *Warrant VHM/MSVN/7M/0126*

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm của Tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 03 đến 07 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có bảo đảm có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành và các chứng quyền có bảo đảm phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 117/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán gần nhất số 62/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 08 năm 2025)

**CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM
CHỨNG QUYỀN STB/MSVN/7M/0126**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số 112 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 / 5 / 2026)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền tại:

 Maybank Investment Bank	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK (Sau đây gọi là “Tổ chức phát hành” hoặc “MSVN”)		
	Địa chỉ trụ sở chính: VP-10-01, Tầng 10, Tòa nhà Pearl 5, số 5 Lê Quý Đôn, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
	Điện thoại: +84 28 44 555 888		Fax: +84 28 3827 1030
	Website: https://www.maybank-kimeng.com.vn		
Phụ trách công bố thông tin			
Họ và tên	: Nguyễn Võ Văn Hà	Điện thoại	: +84 28 44 555 888
Chức vụ	: Giám đốc Tài chính	Fax	: +84 28 3827 1030

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN MAYBANK**

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: 117/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán gần nhất số 62/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 08 năm 2025)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền có bảo đảm	:	Chứng quyền STB/MSVN/7M/0126
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	:	STB
Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Loại chứng quyền	:	Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện	:	Chứng quyền mà Người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn
Phương thức thực hiện chứng quyền	:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
Thời hạn của chứng quyền	:	07 tháng
Ngày phát hành dự kiến	:	Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	:	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn dự kiến	:	Trong tháng 12/2026 (07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)
Tỷ lệ chuyển đổi	:	6:1 (06 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu cơ sở)
Giá thực hiện/Khoảng giá thực hiện	:	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của Chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	:	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán

- Giá chào bán/Khoảng giá chào bán** : 1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
- Tổng số lượng chào bán** : 8.000.000 chứng quyền
- Tổng giá trị chào bán** : 8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chứng quyền chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- Công ty : Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Trụ sở chính : Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : +84 28 3824 5252 Số fax: +84 28 3824 5250
- Website : https://www.ey.com/vi_vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không có

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
1. Rủi ro liên quan đến Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	3
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm	4
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở	5
4. Các rủi ro khác.....	6
II.NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ..	7
1. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	7
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn.....	7
III.CÁC KHÁI NIỆM	8
1. Khái niệm.....	8
2. Thuật ngữ và viết tắt.....	10
IV.CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	11
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	11
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	13
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm	14
V.THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	15
1. Các thông tin chung về Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	15
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	33
3. Tình hình tài chính.....	35
VI.CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	37
1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm.....	37
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở.....	40
3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm.....	42
4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.....	43
5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm	44
6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm	44
7. Quyền của Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm.....	47
8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm	49
9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền có	

bảo đảm.....	49
10. Hoạt động tạo lập thị trường.....	51
VII.PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	53
VIII.QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	53
1. Quy trình quản trị rủi ro.....	53
2. Phương án phòng ngừa rủi ro.....	59
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của Tổ chức phát hành.....	65
IX.CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	66
1. NGÂN HÀNG LƯU KÝ.....	66
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	66
X.XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	66
XI.CAM KẾT.....	67
XII.PHỤ LỤC.....	67

(Phần còn lại của trang được chủ ý bỏ trống)

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là “**chứng quyền**”), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền (sau đây gọi tắt là “**Người sở hữu**”) không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, Người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

- **Rủi ro từ giao dịch của Tổ chức phát hành:** Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ, bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- **Rủi ro thanh toán:** Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi Tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro Tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- **Rủi ro chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết:** Chứng quyền sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) bao gồm:
 - Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
 - Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;



- Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán (“SGDCK”);
- Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;
- Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn.

Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước Ngày đáo hạn.

- **Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của Tổ chức phát hành:** Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan đến quyền lợi của Người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cần trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với Tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.
- **Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi:** Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với Người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.
- **Rủi ro không thẩm định, đánh giá Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** Tổ chức phát hành không tiến hành bất kỳ thẩm định hoặc đánh giá chính thức nào về hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Nhà đầu tư nên lưu ý rằng Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không tham gia vào việc thiết lập các điều khoản và điều kiện của chứng quyền. Hơn nữa, các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không có nghĩa vụ đối với nhà đầu tư khi thực hiện chứng quyền. Theo đó, quyết định đầu tư của nhà đầu tư phải dựa trên đánh giá và thẩm định độc lập của chính nhà đầu tư đối với chứng quyền và Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Việc đầu tư vào chứng quyền mà không có sự đánh giá và không đánh giá đầy đủ có thể dẫn đến những tổn thất mà lẽ ra có thể tránh được.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền có bảo đảm

- **Rủi ro đầu tư chung:** Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- **Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền:** Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần Ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến Ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.
- **Rủi ro về giá:** Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù Tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với UBCKNN, tuy nhiên, Tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của UBCKNN. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.
- **Rủi ro từ tính đòn bẩy:** Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.
- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của Tổ chức phát hành. Mặc dù Tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, Tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.
- Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở, bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

- Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở) có thể dẫn đến việc chứng tôi phải điều chỉnh

các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

- **Chấm dứt sớm do hoạt động của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và/hoặc các sự kiện khác:** Trong trường hợp chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch trong một khoảng thời gian không xác định hoặc Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở bị giải thể, phá sản hoặc bị tiếp quản, chứng quyền có thể bị ngừng giao dịch và đáo hạn trước Ngày đáo hạn. Do đó, khi xảy ra các sự kiện như vậy, chứng quyền có thể bị đáo hạn sớm mà không đạt được kỳ vọng của nhà đầu tư hoặc khiến nhà đầu tư chịu lỗ hoặc giảm lợi nhuận.
- **Tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan:** Mặc dù Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, quy tắc, quy định, hướng dẫn, yêu cầu hoặc quyết định có liên quan do các cơ quan hữu quan ở Việt Nam ban hành, áp dụng tùy từng thời điểm, nhưng không có sự đảm bảo nào về việc Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở sẽ tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định và yêu cầu đó. Hiệu suất kinh doanh của các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở có liên quan có thể bị ảnh hưởng do không tuân thủ luật pháp và quy định liên quan, do đó có thể ảnh hưởng đến giá trị và/hoặc hiệu quả hoạt động đầu tư chứng quyền tương ứng.

4. Các rủi ro khác

- **Rủi ro kinh tế:** Triển vọng tài chính và kinh doanh của các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở hoặc Tổ chức phát hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi và nghiêm trọng bởi sự thay đổi về những bất ổn kinh tế nơi Tổ chức phát hành có hoạt động kinh doanh. Khi tăng trưởng kinh tế chậm lại sẽ tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán, các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở và hoạt động đầu tư nói chung. Cụ thể, nền kinh tế toàn cầu đang đối diện với nhiều thách thức do thị trường tài chính chưa hoàn toàn hồi phục, cùng với các rủi ro địa chính trị leo thang ở một số khu vực trên thế giới. Điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến nền kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá của chứng khoán cơ sở và do đó ảnh hưởng đến giá của chứng quyền, ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.
- **Rủi ro chính trị:** Rủi ro do các sự kiện chính trị, những quyết định trong chính sách điều hành của chính phủ, những thay đổi trong luật lệ của chính phủ từ đó ảnh hưởng đến nền kinh tế, hoạt động của doanh nghiệp và lợi ích của nhà đầu tư.
- **Rủi ro luật pháp:** Tổ chức phát hành là một định chế tài chính hoạt động dưới sự quản lý chặt chẽ của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp cùng các văn bản hướng dẫn theo quy định của pháp luật. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập kinh tế toàn cầu, khung pháp lý về thị trường tài chính liên tục được rà soát, cập nhật và hoàn thiện để phù hợp với thông lệ quốc tế, việc

không kịp thời tiếp nhận, đánh giá và triển khai những quy định mới có thể khiến Tổ chức phát hành phải đối mặt với rủi ro pháp lý và rủi ro hoạt động.

- **Tính kịp thời và hạn chế của thông tin:** Một số thông tin nhất định của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở có thể được lấy hoặc trích xuất từ các nguồn của bên thứ ba như nhà cung cấp dịch vụ tin tức tài chính hoặc nhà cung cấp dữ liệu thông tin tài chính. Mặc dù vậy, không có sự đảm bảo nào về tính kịp thời, đầy đủ của các thông tin quan trọng của các Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở được lấy từ các nguồn bên thứ ba này. Do đó, nguy cơ chậm trễ trong việc truyền tải, thông tin không đầy đủ hoặc không có sẵn từ các nguồn bên thứ ba mà Tổ chức phát hành dựa vào nhằm mục đích tạo lập thị trường có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá của chứng quyền vì những thông tin và/hoặc giá này có thể không phải là thông tin và/hoặc giá hiện hành mới nhất. Tổ chức phát hành đã trích xuất thông tin và giá có liên quan từ các nguồn công khai hoặc bên thứ ba một cách thiện chí và do đó, chưa xác minh độc lập những thông tin đó. Các nhà đầu tư được yêu cầu tự tìm hiểu và khi thích hợp, cần được tư vấn trước khi đưa ra bất kỳ quyết định đầu tư nào.

Rủi ro về thuế: Nhà đầu tư cần lưu ý về quy định thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền. Trong trường hợp chứng quyền đáo hạn trong trạng thái có lãi, và nhà đầu tư giữ chứng quyền đến thời điểm đáo hạn và thực hiện quyền, nhà đầu tư có thể gặp phải rủi ro khi tiền thuế mà nhà đầu tư phải nộp có thể nhiều hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ Tổ chức phát hành cho chứng quyền này, căn cứ theo quy định pháp luật tại thời điểm áp dụng. Nếu nhà đầu tư chưa hiểu rõ các quy định thuế hoặc rủi ro có liên quan nêu trên, vui lòng tham khảo ý kiến của các cố vấn thuế độc lập trước khi đầu tư vào chứng quyền.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

Ông :	Philip Tan Puay Koon	Chức vụ :	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông :	Kim Thiên Quang	Chức vụ :	Tổng Giám đốc
Bà :	Nguyễn Võ Vân Hà	Chức vụ :	Giám đốc Tài chính
Bà :	Trần Ngọc Anh Đào	Chức vụ :	Giám đốc, Phòng Kiểm toán Nội bộ

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực, đầy đủ và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, Tổ chức tư vấn

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, trừ khi có quy định cụ thể hoặc ngữ cảnh yêu cầu phải được hiểu khác đi, những khái niệm, thuật ngữ và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

1. Khái niệm

Chứng quyền có bảo đảm/ Chứng quyền	là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện.
Chứng khoán cơ sở	là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
Tổ chức phát hành/ Công ty/ Tổ chức đăng ký chứng quyền/Tổ chức tạo lập thị trường	là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền. Trong Bản cáo bạch này, Tổ chức phát hành là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (gọi tắt là “MSVN”).
Ngân hàng lưu ký	là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do Tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của Tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
Điều lệ	là Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán Maybank đã được Hội đồng thành viên Công ty thông qua
Luật Chứng khoán	là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ
Luật Doanh nghiệp	là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung theo từng thời kỳ
Tập đoàn Maybank	là Malayan Banking Berhad và các công ty liên quan của Malayan Banking Berhad, bao gồm nhưng không giới hạn MSVN.
MIBGH	là Maybank IBG Holdings Limited

Phòng Sản phẩm cấu trúc	là phòng Sản phẩm cấu trúc của MSVN, chịu trách nhiệm chào bán và kinh doanh sản phẩm cấu trúc phái sinh, bao gồm chứng quyền tại MSVN.
Người sở hữu chứng quyền (Người sở hữu)	là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ chức phát hành và không phải là Tổ chức phát hành chứng quyền.
Giá thực hiện	là mức giá được Tổ chức phát hành dùng để xác định khoản tiền thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền.
Tỷ lệ chuyển đổi	là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Tỷ lệ chuyển đổi được làm tròn đến bốn chữ số thập phân sau dấu phẩy.
Ngày đáo hạn	là ngày mà Người sở hữu chứng quyền thực hiện chứng quyền và Tổ chức phát hành phải thanh toán đối với chứng quyền có lãi.
Chứng quyền đang lưu hành	là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi Người sở hữu chứng quyền.
Chứng quyền có lãi (ITM)	là chứng quyền mua có Giá thực hiện thấp hơn Giá thanh toán.
Chứng quyền lỗ (OTM)	là chứng quyền mua có Giá thực hiện cao hơn Giá thanh toán.
Chứng quyền hòa vốn (ATM)	là chứng quyền mua có Giá thực hiện bằng Giá thanh toán.
Delta	là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở Công thức: Delta = $\frac{\text{Mức độ thay đổi Giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi Giá chứng khoán cơ sở}}$
Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền (Giá thanh toán)	là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (5) ngày giao dịch liền trước Ngày đáo hạn, không bao gồm Ngày đáo hạn.
Số tiền thanh toán	là số tiền phải trả khi thực hiện hợp lệ các chứng quyền.

**2. Thuật ngữ và viết tắt**

BCTC	Báo cáo tài chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HDQT	Hội đồng Quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
MSVN/Tổ chức phát hành/ Công ty	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank
MTV	Một thành viên
QTRR	Quản trị rủi ro
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TMCP	Thương mại Cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSLĐ	Tài sản lưu động
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
USD	Đồng Đô-la Mỹ
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VND	Đồng Việt Nam
VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Mặc dù có những biến động kinh tế không thuận lợi của tình hình kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi mạnh mẽ với mức tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (“GDP”) năm 2025 tăng 8,02% so với năm 2024, đây là kết quả bứt phá trong giai đoạn 2011-2025, chỉ thấp hơn mức độ tăng trưởng của năm 2022. Tăng trưởng GDP quý I/2026 ước tăng 7,83% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2025 tăng 7,07%). Các chính sách vĩ mô linh hoạt, kịp thời giúp ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và duy trì động lực tăng trưởng đồng đều cho ba trụ cột nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ.

Tăng trưởng kinh tế vượt kỳ vọng

GDP của Việt Nam năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng khá 8,02% so với cùng kỳ năm trước, đưa Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng; tương đương 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm 2024. GDP bình quân đầu người năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 125,5 triệu đồng/người, tương đương 5.026 USD, tăng 326 USD so với năm 2024. Mặc dù đối mặt với những thách thức từ bối cảnh quốc tế và biến động tại khu vực Trung Đông, GDP Quý I/2026 của Việt Nam vẫn duy trì mức tăng trưởng ấn tượng, trong đó, ba khu vực kinh tế chủ chốt đều ghi nhận tăng trưởng với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Năm 2025: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%; đóng góp 5,3% nhờ mở rộng xuất khẩu nông – thủy sản và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. Quý I/2026: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,58%; đóng góp 5,60%.
- Năm 2025: Khu vực công nghiệp và xây dựng (thể hiện qua Chỉ số sản xuất công nghiệp – IIP) tăng 8,95%; đóng góp 43,62%; là động lực chính cho tăng trưởng chung. Quý I/2026: Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,92%; đóng góp 44,08%.
- Năm 2025: Khu vực dịch vụ tăng 8,62%; đóng góp 51,08%; thể hiện sức bật mạnh mẽ ở các ngành du lịch, bán lẻ, vận tải và tài chính – ngân hàng. Quý I/2026: Khu vực dịch vụ tăng 8,18%; đóng góp 50,32%.

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Năm 2025, Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp mặc dù chịu tác động bất lợi bởi các yếu tố thời tiết như bão, lũ, thiên tai tại nhiều địa phương trên cả nước, tuy nhiên nhờ sự can thiệp và hỗ trợ kịp thời của Nhà nước trong công tác ứng phó và khắc phục hậu quả, lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì tăng trưởng ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ xuất khẩu. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2025 ước tăng 3,48% so với năm trước, đóng góp 3,59% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 5,07% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,38%; ngành thủy sản tăng 4,41%, đóng góp 1,33%.

Sang Quý I/2026, Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng ổn định, sản lượng cây lâu năm đạt khá, chăn nuôi lợn tiếp tục phục hồi, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng cao nhờ ứng dụng khoa học công nghệ. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp Quý I/2026 tăng 3,36% so với cùng kỳ năm trước; đóng góp 4,01% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,22%, đóng góp 0,21%; ngành thủy sản tăng 4,51%, đóng góp 1,38%.

Công nghiệp và xây dựng

Năm 2025, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp tăng 8,80% so với năm trước; đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; là động lực chính cho tăng trưởng chung.

Quý I/2026, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp tăng 9,01% so với cùng kỳ năm trước (Quý I/2025 tăng 7,63%); đóng góp 38,34% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Sản xuất công nghiệp duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, hoạt động xây dựng khởi sắc nhờ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Ngành xây dựng tăng 8,36%; đóng góp 5,74%.

Thương mại và dịch vụ

Trong năm 2025, hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ diễn ra sôi động. Giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ năm 2025 ước tăng 8,62%. Hoạt động du lịch phục hồi mạnh mẽ, khách quốc tế đến Việt Nam trong năm 2025 cao nhất từ trước đến nay và đóng góp tích cực và tăng trưởng của khu vực dịch vụ.

Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế năm 2025 như: bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm 2024, đóng góp 10,62%; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,02%, đóng góp 3,34%. Quý I/2026 rơi vào cao điểm nhu cầu tiêu dùng vào dịp Tết Nguyên đán và khách quốc tế đến Việt Nam tăng cao góp phần thúc đẩy tăng trưởng của ngành thương mại và dịch vụ, trong đó ngành bán buôn và bán lẻ tăng 9,62% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 14,52%; ngành vận tải, kho bãi tăng 8,95%, đóng góp 6,95%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,70%, đóng góp 5,09%; ngành thông tin và truyền thông tăng 7,65%, đóng góp 4,21%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 7,49%, đóng góp 2,89%.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2025 đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2%; trong đó xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD (tăng 17,0%), nhập khẩu đạt 445,01 tỷ USD (tăng 19,4%), cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu khoảng 20,03 tỷ USD.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu hút Đầu tư trực tiếp nước ngoài (“FDI”) là một điểm sáng nổi bật. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam năm 2025 đạt mức 38,42 tỷ USD, tăng nhẹ 0,5% so với năm 2024; vốn FDI thực hiện năm 2025 ước đạt 27,6 tỷ USD, tăng gần 9% so với năm trước và là mức cao nhất trong vòng 05 năm. Quý I/2026 ghi nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt 5,41 tỷ USD; tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước.

An sinh xã hội

Lạm phát được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng (“CPI”) năm 2025 tăng 3,31% so với năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,21%, thấp hơn mức tăng của CPI bình quân chung, nguyên nhân đến từ giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Các chính sách an sinh xã hội tiếp tục được triển khai hiệu quả. Tính chung Quý I/2026, CPI tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,63%.

Năm 2025 và Quý I/2026, mặc dù còn nhiều thách thức và khó khăn, đặc biệt là những bất ổn địa chính trị do ảnh hưởng của tình hình xung đột tại Trung Đông gây tác động mạnh lên nền kinh tế Quý I/2026, bức tranh tổng thể đã khẳng định tính toàn diện và bền vững của tăng trưởng kinh tế Việt Nam, cho thấy Việt Nam đang bước vào chu kỳ tăng trưởng kinh tế mới với đóng góp đồng đều từ ba trụ cột nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ, dòng vốn FDI dồi dào, kiểm soát vĩ mô hiệu quả và mức độ tin cậy quốc tế gia tăng. Mục tiêu tăng trưởng hai con số được đặt ra dựa trên nền tảng chính trị vững, thể chế tốt hơn, quản trị hiện đại hơn, bộ máy hiệu quả hơn và năng lực quốc gia mạnh hơn.

(Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính)

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Trong năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam đã chứng kiến nhiều biến động mạnh mẽ. Cụ thể, VNIndex đã lao dốc 16,3% vào đầu tháng 4/2025 sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump công bố mức thuế suất đối ứng 46% đối với hàng hóa Việt Nam. Tuy nhiên, thị trường đã dần phục hồi và lấy lại phần lớn mức sụt giảm, được hỗ trợ bởi việc hạ nhiệt căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc sau đó. Vào tháng 10/2025, FTSE Russel đã công bố thị trường chứng khoán Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ các tiêu chí nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Đến tháng 4/2026, FTSE Russel chính thức xác nhận giữ nguyên lộ trình nâng hạng của Việt Nam. Sự kiện này là một cột mốc đáng ghi nhớ, đánh dấu những nỗ lực trong quá trình cải thiện và kiện toàn toàn diện nền tảng pháp lý và công nghệ của ngành chứng khoán, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển thị trường chứng khoán một cách minh bạch, đáp ứng các tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế. Kết phiến giao dịch năm 2025, VN-Index đóng cửa ở mức cao vượt bậc 1.784,49 điểm, tăng 40,87% so với đầu năm. Mức tăng trưởng này chỉ xếp sau năm 2017 (48,03%). Kết thúc Quý I/2026, VN-Index đạt 1674,49 điểm; giảm 6,2% so với cuối năm trước.

Bên cạnh những bút phá về chỉ số, thanh khoản thị trường cũng chứng kiến sự bùng nổ trong năm 2025 và Quý I/2026, từ sau thời điểm hệ thống KRX vận hành vào tháng 5 năm 2025, giá trị giao dịch bình quân trong năm 2025 đạt gần 29.500 tỷ đồng/phiên, tăng hơn 40% so với bình quân năm trước. Mức giao dịch bình quân Quý I/2026 đạt 35.004 tỷ đồng/phiên (tăng 19,9% so với bình quân năm trước).

MSVN đánh giá đà tăng của thị trường tiếp tục duy trì trong năm 2026. Triển vọng cho năm 2026 được hỗ trợ bởi các yếu tố sau:

- Chính sách tiền tệ duy trì ở trạng thái hỗ trợ, tập trung vào ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, điều hành linh hoạt tạo điều kiện thuận lợi cho định giá thị trường;
- Tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường dự kiến đạt 18–20% trong giai đoạn 2025-2026, nhờ tiêu dùng nội địa cải thiện và sự phục hồi từng bước của hoạt động xuất khẩu;
- Thanh khoản thị trường có xu hướng tăng, với dự báo đạt mức bình quân khoảng 40 nghìn tỷ đồng/phiên vào cuối năm 2026 (+35% YoY), nhờ tăng trưởng tín dụng trong nước và khả năng dòng vốn ngoại quay trở lại khi thị trường chính thức nâng hạng;
- Động lực tăng trưởng đến từ việc phục hồi ở khu vực doanh nghiệp tư nhân, cải thiện và củng cố nền tảng sản xuất kinh doanh, qua đó hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán;

Chất lượng các doanh nghiệp niêm yết ngày càng cải thiện, song hành cùng việc nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, minh bạch thông tin, khả năng quản trị rủi ro, áp dụng các tiêu chuẩn phát triển bền vững, góp phần thu hút dòng vốn ngoại.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là một loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Chứng quyền cung cấp cho nhà đầu tư một công cụ để tối ưu hóa nguồn vốn đầu tư thay vì tham gia đầu tư chứng khoán cơ sở. Chứng quyền có bảo đảm có một số ưu điểm đối với nhà đầu tư gồm: tận dụng đòn bẩy tài chính (chi phí đầu tư thấp, giá ban đầu mua chứng quyền nhỏ hơn nhiều lần so với giá mua chứng khoán cơ sở, tuy nhiên nhà đầu tư có thể đạt được tỷ lệ lợi nhuận như kỳ vọng nếu đầu tư vào chứng khoán cơ sở); mức lỗ tối đa được xác định trước; giao dịch và thanh khoản dễ dàng, tương tự như giao dịch một loại cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán (thời gian giao dịch, phương thức giao dịch, các loại lệnh áp dụng).

Với hiệu ứng đòn bẩy của chứng quyền, một thay đổi nhỏ trong giá trị của chứng khoán cơ sở có thể dẫn đến những thay đổi lớn hơn về giá trị của chứng quyền, làm tăng thêm lợi nhuận khi chứng khoán cơ sở biến động theo hướng có lợi cho nhà đầu tư. Hiệu ứng đòn bẩy cũng có thể dẫn đến tổn thất tiềm ẩn lớn hơn khi chứng khoán cơ sở có biến động giá trái với mong muốn của nhà đầu tư, tuy nhiên, tổn thất được giới hạn ở giá mua phải trả cho chứng quyền và mọi chi phí giao dịch liên quan.

MSVN là Tổ chức phát hành chứng quyền và đồng thời là nhà tạo lập thị trường đối với các chứng quyền do MSVN phát hành. MSVN tạo thanh khoản cho các chứng quyền này bằng cách cung cấp giá chào mua và giá chào bán cho chứng quyền trên hệ thống giao dịch của HOSE.

Chứng quyền chỉ phù hợp với những nhà đầu tư hiểu đầy đủ về rủi ro liên quan và chuẩn bị chấp nhận việc mất hoàn toàn quyền đăng ký hoặc giá mua đã trả cho chứng quyền. Nhà đầu tư nên tìm hiểu hoặc cùng cố vấn của mình xem xét cẩn thận tính phù hợp của chứng quyền trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**1. Các thông tin chung về Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm****1.1. Quá trình hình thành và phát triển****a) Maybank IBG Holdings Limited**

Maybank IBG Holdings Limited (được gọi tắt là “MIBGH”) là công ty mẹ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank (được gọi tắt là “MSVN”) và các công ty thành viên tại sáu (6) quốc gia Đông Nam Á cùng với Hồng Kông, Ấn Độ và Vương quốc Anh.

Trước đây được biết đến với tên gọi Maybank Kim Eng Holdings Limited, MIBGH là pháp nhân được thành lập sau thương vụ mua lại Kim Eng Holdings Limited – công ty môi giới chứng khoán niêm yết đầu tiên tại Singapore vào năm 2011.

Thông qua các công ty thành viên, MIBGH cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính, bao gồm: tư vấn và sắp xếp nợ thông qua Sukuk/trái phiếu, tài trợ dự án, tài chính đòn bẩy và cho vay hợp vốn, tài chính doanh nghiệp, thị trường vốn cổ phần, tư vấn mua bán và sáp nhập, tư vấn ngành, cổ phiếu phái sinh, môi giới và nghiên cứu chứng khoán tổ chức và bán lẻ.

Chủ sở hữu của MIBGH, Malayan Banking Berhad, là ngân hàng lớn nhất Malaysia tính theo vốn hóa thị trường và tổng tài sản, đồng thời là ngân hàng lớn thứ tư Đông Nam Á tính theo tài sản, với mạng lưới toàn cầu gồm 2.597 chi nhánh tại 18 quốc gia. Tập đoàn Maybank là một trong hai thương hiệu Malaysia và là tổ chức tài chính duy nhất của Malaysia được xếp hạng trong 500 thương hiệu giá trị nhất thế giới của Brand Finance. Đây cũng là công ty Malaysia được xếp hạng cao nhất ở vị trí thứ 103 trong Danh sách các công ty tốt nhất thế giới năm 2024 của tạp chí Time.

Sứ mệnh “**Dịch vụ Tài chính Nhân văn**” (Humanising Financial Services) của Tập đoàn Maybank được thể hiện thông qua mục tiêu trở thành tổ chức tài chính có tác động tích cực nhất, mang đến các giải pháp tài chính hiệu quả, trách nhiệm cho khách hàng và đối tác.

b) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của UBCKNN và chính thức đi vào hoạt động tháng 4 năm 2008.

Sau khi Tập đoàn Maybank mua lại toàn bộ cổ phần của Kim Eng Holdings Limited, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCKNN ngày 10 tháng 8 năm 2012 với 49% cổ phần được kiểm soát bởi Tập đoàn Maybank thông qua MIBGH.

Ngày 03 tháng 01 năm 2014, Công ty chính thức được UBCKNN chấp thuận chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn với tên gọi Công ty Trách nhiệm

Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK, và trở thành công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, sau hơn (mười) 10 năm sáp nhập hoàn toàn vào Tập đoàn Maybank, Công ty được UBCKNN chấp thuận đổi tên thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank, theo Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK. Với tên gọi mới, Công ty cam kết tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ và không ngừng nỗ lực để hướng đến trở thành một công ty chứng khoán đi đầu trong các chương trình phát triển bền vững tại Việt Nam.

Trong suốt hơn mười tám (18) năm qua, Công ty đã xây dựng được sự hiện diện mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam với trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh và năm (5) chi nhánh tại Hà Nội và một số tỉnh/thành khác. Số lượng nhân sự của Công ty là 262 người tính đến ngày 31/03/2026. Từ mức vốn điều lệ 200.000.000.000 VND (*Hai trăm tỷ Đồng Việt Nam*) ban đầu, đến nay vốn điều lệ của Công ty đạt 2.200.000.000.000 VND (*Hai nghìn hai trăm tỷ Đồng Việt Nam*), tăng gấp 11 lần. Việc tăng vốn là một trong những tiền đề mạnh mẽ giúp Công ty nâng cao vị thế cạnh tranh, triển khai thêm nhiều sản phẩm tài chính hấp dẫn, đặc biệt là đẩy mạnh hơn nữa các sản phẩm chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm và mảng kinh doanh trái phiếu.

Ngoài ra, Công ty trở thành thành viên của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam từ năm 2017 và là thành viên của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam từ năm 2022.

Giải thưởng:

Trong suốt mười tám (18) năm hoạt động tại thị trường Việt Nam, MSVN tự hào về những nỗ lực để tạo dựng niềm tin với các nhà đầu tư, đối tác trong và ngoài nước. Chúng tôi tin rằng, niềm tin từ các nhà đầu tư và đối tác là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

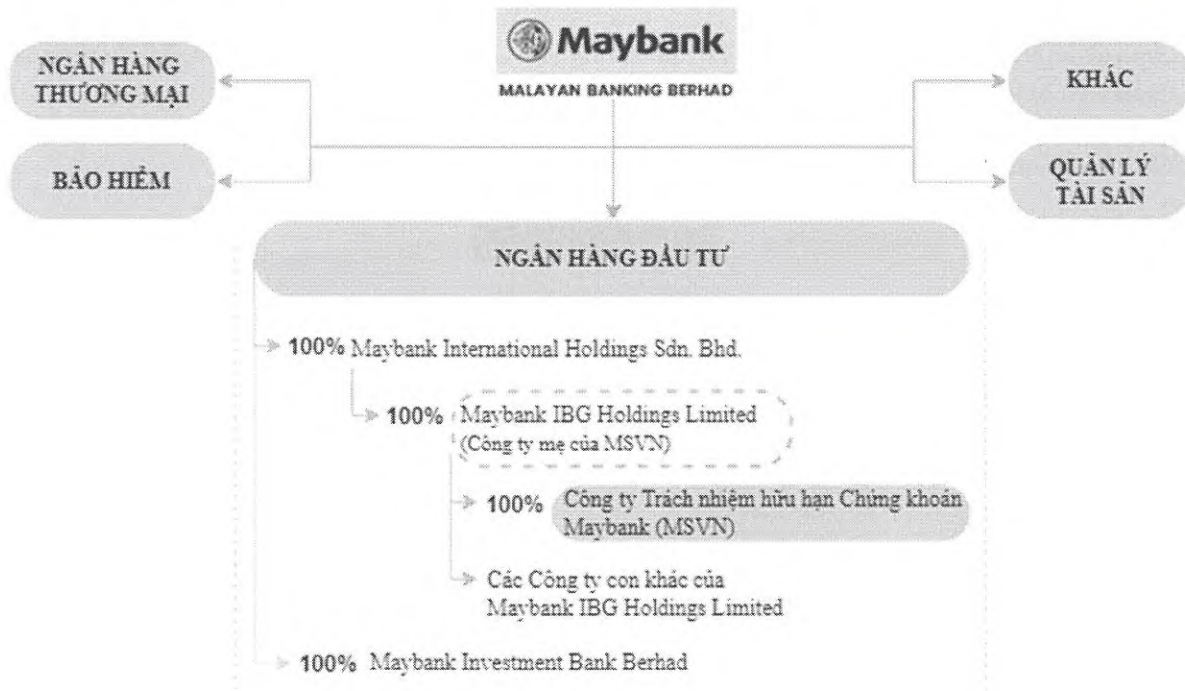
Trong những năm qua, Công ty đã liên tục được vinh danh ở nhiều giải thưởng uy tín, ở nhiều mảng hoạt động kinh doanh như:

Khối kinh doanh	Giải thưởng
Toàn Công ty	<ul style="list-style-type: none">• Top 50 Doanh nghiệp FDI tiêu biểu tại Việt Nam tại giải thưởng Rồng Vàng cho “Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam” do Tạp chí Kinh tế Việt Nam (VnEconomy) bình chọn, trong các năm từ 2011 – 2025.• Giải thưởng “Top 10 sản phẩm - dịch vụ Tin & Dùm năm 2023 - nhóm ngành Tài chính Ngân hàng” do Tạp chí Tư vấn Tiêu & Dùm bình chọn, trong các năm từ 2012 – 2023.• Xếp hạng 2 Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023.

Khối kinh doanh	Giải thưởng
Khối Khách hàng Cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> • Giải thưởng “Nhà Môi giới Khách hàng cá nhân Tốt nhất trong khu vực châu Á” do Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn, trong các năm từ 2013 – 2021, 2023. • Giải thưởng “Nhà Môi giới Khách hàng cá nhân Tốt nhất tại Việt Nam” do Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn, trong các năm từ 2011 – 2016, 2021, 2023. • Giải thưởng “Chuyên viên môi giới tốt nhất Việt Nam” tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. • Xếp hạng 2 Công ty chứng khoán nước ngoài tốt nhất Việt Nam về dịch vụ môi giới tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. • Giải thưởng “Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu năm 2024” do Báo Đầu tư cùng Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam trao tặng. • Giải thưởng “Sản phẩm Công nghệ & Chuyển đổi số tiêu biểu năm 2025” do Báo Tài chính – Đầu tư cùng Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam trao tặng tại Diễn đàn Cấp cao Cổ vấn tài chính Việt Nam (VWAS) 2025.
Khối Khách hàng Tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> • Xếp hạng đứng đầu Châu Á cho “Công ty Chứng khoán Cung cấp Dịch vụ cho các Thị trường Cận biên” do Tạp chí Institutional Investor bình chọn, năm 2023.
Khối Phân tích	<ul style="list-style-type: none"> • Xếp hạng 3 Công ty chứng khoán tốt nhất về phân tích và nghiên cứu ESG tại Việt Nam tại Asiamoney Brokers Poll năm 2023. • Vị trí thứ 2 cho Đội ngũ Nghiên cứu Châu Á (Asia Research Team) 2024 trên Bảng xếp hạng Môi giới Địa phương do Institutional Investor Research bình chọn.
Khối Tư vấn & Ngân hàng Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> • Giải thưởng “Nhà cho vay hợp vốn hàng đầu tại Việt Nam” do Hiệp hội Thị trường cho vay châu Á – Thái Bình Dương (APLMA) bình chọn, trong các năm từ 2021 – 2024. • Giải thưởng “Thương vụ Trái phiếu Tốt nhất thị trường Việt Nam” tại hạng mục Tài chính bền vững thuộc hệ thống giải Tripple A Awards 2025 do Tạp chí The Asset (Hong Kong).

1.2. Cơ cấu tổ chức Tập đoàn Maybank

Mô hình tổ chức của MSVN trong Tập đoàn Maybank theo sơ đồ sau:



Malayan Banking Berhad

Malayan Banking Berhad là tổ chức niêm yết của Tập đoàn Maybank và cũng là ngân hàng lớn nhất Malaysia tính theo vốn hóa thị trường và tổng tài sản. Thông qua các công ty con, Tập đoàn Maybank cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ, bao gồm ngân hàng thương mại (tiêu dùng và doanh nghiệp), ngân hàng đầu tư (bao gồm môi giới chứng khoán), ngân hàng Hồi giáo, bảo hiểm, dịch vụ ủy thác và quản lý tài sản.

Maybank International Holdings Sdn. Bhd

Công ty Maybank International Holdings Sdn. Bhd., được thành lập tại Malaysia, là công ty mẹ của Maybank IBG Holdings Limited, được giao chức năng giám sát khu vực đối với MIBGH và các công ty con của MIBGH, bao gồm cả MSVN.

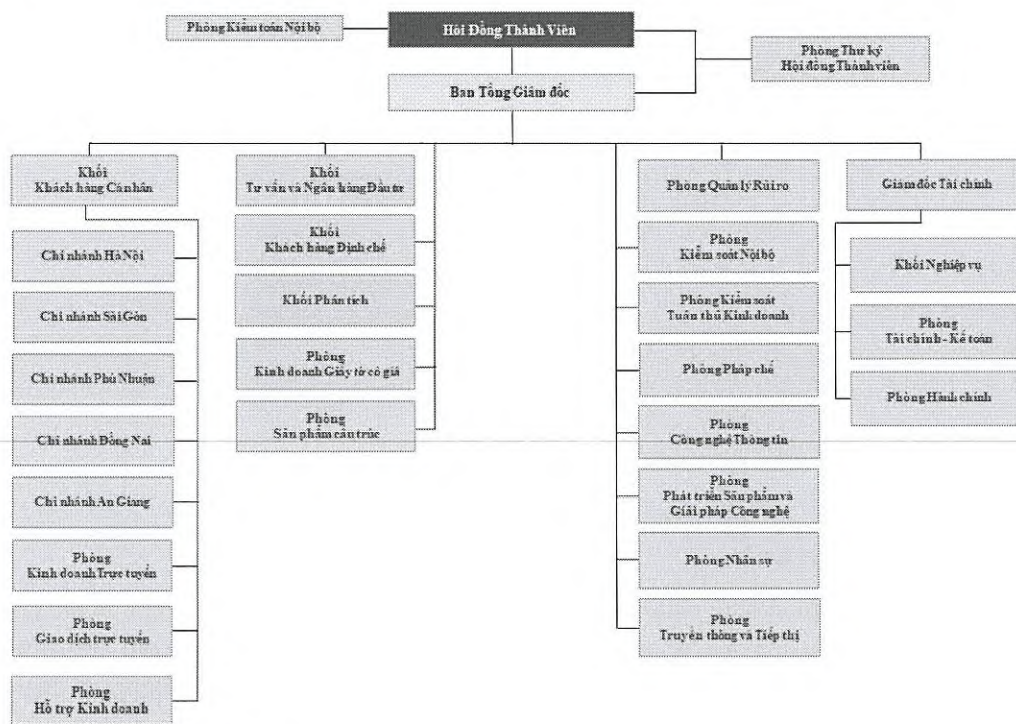
Maybank Investment Bank Berhad

Maybank Investment Bank Berhad, công ty con do Malayan Banking Berhad sở hữu 100%, cung cấp danh mục dịch vụ ngân hàng đầu tư toàn diện. Các dịch vụ bao gồm: tư vấn tài chính doanh nghiệp, thị trường nợ, thị trường vốn cổ phần, môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ cổ phiếu, phái sinh cổ phiếu và hàng hóa, giao dịch cho khách hàng tổ chức, và nghiên cứu.

Maybank IBG Holdings Limited – Công ty mẹ của MSVN

Maybank IBG Holdings Limited là công ty mẹ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Maybank và các công ty thành viên tại sáu (6) quốc gia Đông Nam Á cùng với Hồng Kông, Ấn Độ và Vương quốc Anh. Thông qua các công ty thành viên, MIBGH cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính, bao gồm: tư vấn và sắp xếp nợ thông qua Sukuk/trái phiếu, tài trợ dự án, tài chính đòn bẩy và cho vay hợp vốn, tài chính doanh nghiệp, thị trường vốn cổ phần, tư vấn mua bán và sáp nhập, tư vấn ngành, cổ phiếu phái sinh, môi giới và nghiên cứu chứng khoán tổ chức và bán lẻ.

1.3. Cơ cấu tổ chức Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank



1.3.1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên bao gồm các thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm. Hội đồng thành viên nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty, trừ các trường hợp mà pháp luật và Điều lệ Công ty quy định phải được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

1.3.2. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Quản lý Rủi ro và (các) Giám đốc Khối kinh doanh. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty dưới sự giám sát của Hội đồng thành viên và thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật.

1.3.3. Phòng Thư ký Hội đồng thành viên

Phòng Thư ký Hội đồng thành viên có chức năng chính là hỗ trợ Hội đồng thành viên nhằm đảm bảo hoạt động và quyết định của Hội đồng thành viên tuân thủ Điều lệ Công ty và theo quy định hiện hành, đồng thời thực hiện vai trò cầu nối truyền đạt các quyết định của Hội đồng thành viên đến người phụ trách có liên quan để thực hiện.

1.3.4. Phòng Kiểm toán Nội bộ

Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật, bao gồm các nội dung chính như sau:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên.
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ.
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản.
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh.

1.3.5. Khối Khách hàng cá nhân**a. Hội sở và các Chi nhánh:**

Khối Khách hàng Cá nhân Hội sở và các Chi nhánh chịu trách nhiệm như sau:

- Môi giới chứng khoán: Cung cấp thông tin, báo cáo về phân tích thị trường do Khối Phân tích cung cấp bao gồm các chiến lược, danh mục đầu tư cho khách hàng; thực hiện đặt lệnh mua, bán chứng khoán khi khách hàng yêu cầu.
- Quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán khách hàng: Hỗ trợ khách hàng quản lý danh mục đầu tư và tài sản trên tài khoản giao dịch chứng khoán, cập nhật các hệ số rủi ro, các thông tin thực hiện quyền đối với cổ phiếu khách hàng đang nắm giữ, các chính sách ưu đãi của Công ty về phí dành cho khách hàng.
- Giao dịch ký quỹ: Cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ của Công ty cho khách hàng theo quy định của pháp luật và UBCKNN.

b. Phòng Kinh doanh Trực tuyến:

Phòng kinh doanh Trực tuyến chịu trách nhiệm:

- Phát triển các khách hàng chủ động giao dịch; giải đáp các thắc mắc về sản phẩm, dịch vụ, và chăm sóc khách hàng thông qua các kênh trực tuyến và tại văn phòng của Công ty.
- Phát triển khách hàng và hoạt động kinh doanh dựa trên các nền tảng số.
- Nghiên cứu trải nghiệm khách hàng và đề nghị các cải thiện nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng trên tất cả các nền tảng mà Công ty cung cấp.

c. Phòng Giao dịch Trực tuyến:

Phòng Giao dịch Trực tuyến chịu trách nhiệm quản lý và phát triển các nền tảng giao dịch trực tuyến của MSVN, bao gồm KE Trade (Web Trading) và Maybank Trade VN (App Trading):

- Nghiên cứu, mô tả và phối hợp với các nhà cung cấp để xây dựng và triển khai những tính năng mới, giúp khách hàng tiếp cận sản phẩm và thị trường nhanh chóng, chính xác.
- Thiết kế và cải tiến giao diện giao dịch theo hướng thân thiện, dễ sử dụng, phù hợp với xu hướng số hóa và hành vi người dùng hiện đại.
- Phối hợp chặt chẽ với Phòng Công nghệ thông tin (“CNTT”) để đảm bảo hệ thống giao dịch luôn vận hành ổn định, chuẩn xác và an toàn.

- Kết nối với các Khối, Phòng nội bộ nhằm tích hợp thêm các tính năng về tiện ích, các thông tin về thị trường, sản phẩm mới của thị trường cũng như các chương trình ưu đãi của MSVN đến khách hàng.

d. Phòng Hỗ trợ Kinh doanh:

Phòng Hỗ trợ Kinh doanh chịu trách nhiệm:

- Giải đáp các thắc mắc của khách hàng khi khách hàng đến văn phòng, chi nhánh của Công ty.
- Cung cấp các chứng từ, giấy tờ theo yêu cầu của khách hàng đối với tài khoản của khách hàng.
- Hỗ trợ các hoạt động lưu ký, nộp rút, chuyển khoản tiền và chứng khoán tại quầy dành cho khách hàng đến văn phòng, chi nhánh của Công ty.
- Hỗ trợ khách hàng mở tài khoản, thay đổi thông tin, giải đáp thắc mắc, xử lý khiếu nại và cung cấp thông tin, đăng ký sử dụng sản phẩm, dịch vụ và giao dịch.
- Quản lý hồ sơ và dữ liệu: Lưu trữ, cập nhật thông tin khách hàng, hợp đồng và các giao dịch liên quan.
- Quản lý tổng đài (Call Center) của Công ty nhằm duy trì kênh liên lạc với khách hàng qua điện thoại để nâng cao trải nghiệm dịch vụ của khách hàng.

- Thực hiện cập nhật các thông tin hữu ích cho khách hàng từ phòng nghiên cứu và phân tích cũng như các phòng ban khác thông qua hệ thống email để truyền tải thông tin đến khách hàng.
- Phối hợp cùng các hoạt động marketing của Công ty thông qua tổng đài, email và các kênh truyền thông khác theo yêu cầu.

1.3.6. Khối Tư vấn & Ngân hàng đầu tư

- Tư vấn tài chính cho doanh nghiệp (mua bán và sáp nhập doanh nghiệp; tái cấu trúc doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp...).
- Tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp, dự án qua các công cụ vốn trên thị trường tài chính và thị trường chứng khoán.
- Tư vấn niêm yết, chào bán cổ phiếu, tìm kiếm và đàm phán đối tác chiến lược.

1.3.7. Khối Khách hàng Định chế

- Dịch vụ môi giới và giao dịch chứng khoán cho khách hàng tổ chức trong và ngoài nước: nghiệp vụ tư vấn và môi giới cổ phiếu, trái phiếu, giao dịch lô lớn.
- Cung cấp giải pháp giao dịch phù hợp và theo yêu cầu: mua bán, giao dịch, lưu ký, thanh toán bù trừ hay các sản phẩm khác phù hợp với chiến lược đầu tư của từng khách hàng định chế theo quy định pháp luật.
- Dịch vụ tiếp xúc doanh nghiệp: thiết lập quan hệ giữa doanh nghiệp và khách hàng định chế; tổ chức các chuyến thăm và làm việc cho khách hàng định chế với doanh nghiệp và bộ ban ngành Chính phủ; tổ chức các chương trình cho khách hàng định chế tìm hiểu, xúc tiến cơ hội hợp tác, đầu tư vào Việt Nam.

1.3.8. Khối Phân tích

- Phân tích, đánh giá tổ chức niêm yết chứng khoán, mã chứng khoán, phương án phát hành chứng khoán nhằm hỗ trợ các bộ phận kinh doanh nhận diện cơ hội đầu tư, kinh doanh cũng như nhận diện rủi ro liên quan.
- Lập báo cáo phân tích doanh nghiệp/tổ chức niêm yết làm cơ sở cho các Khối, Phòng khác thực hiện các công việc liên quan.
- Xây dựng mô hình đánh giá, chấm điểm doanh nghiệp/tổ chức niêm yết, cổ phiếu, trái phiếu phục vụ cho việc thiết kế sản phẩm môi giới, tư vấn đầu tư, giao dịch ký quỹ và quản trị rủi ro.
- Nghiên cứu và lập các mô hình, báo cáo kinh tế vĩ mô làm cơ sở định hướng chiến lược cho các đơn vị kinh doanh, quản trị rủi ro của Công ty.

- Lập các báo cáo phân tích ngành, mã chứng khoán nhằm hỗ trợ báo cáo đầu tư định kỳ cho nhà đầu tư.

1.3.9. Phòng Kinh doanh Giấy tờ có giá

- Thực hiện đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá theo quy định, tạo ra lợi nhuận thông qua nắm giữ, quản lý và quản trị rủi ro giấy tờ có giá.
- Cung cấp các gói sản phẩm tài chính chuyên nghiệp theo quy định.
- Phát triển các sản phẩm tài chính mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng và sự phát triển của thị trường tài chính cũng như sự thay đổi của các quy định hiện hành về giấy tờ có giá.
- Quản lý, giám sát và chỉ được thực hiện các hoạt động kinh doanh liên quan đến nghiệp vụ giấy tờ có giá.

1.3.10. Phòng Sản phẩm cấu trúc

- Lên kế hoạch và hồ sơ phát hành sản phẩm chứng quyền có bảo đảm theo định hướng của Công ty.
- Thực hiện vận hành (tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, báo cáo) đối với các chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành trong vòng đời của sản phẩm.
- Nghiên cứu, phân tích, đề xuất và triển khai các chiến lược kinh doanh dựa trên phân tích thị trường, các mô hình định lượng và các yếu tố khác.

1.3.11. Phòng Quản lý Rủi ro

- Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty.
- Xác định rủi ro của Công ty.
- Đo lường rủi ro.
- Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện rủi ro.
- Báo cáo và xử lý rủi ro một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của Công ty tại mọi thời điểm.

1.3.12. Phòng Kiểm soát Nội bộ

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty.

- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên Công ty và đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền của Công ty.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
- Bảo đảm việc tách biệt tài sản của khách hàng và Công ty.
- Bảo đảm việc bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng.
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
- Thực hiện những nhiệm vụ về kiểm soát tuân thủ khác theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc.

1.3.13. Phòng Kiểm soát Tuân thủ Kinh doanh

Chịu trách nhiệm trong việc xác định và quản trị rủi ro tuân thủ thuộc các Khối kinh doanh, bao gồm các nội dung chính như sau:

- Cung cấp hỗ trợ tư vấn cho các Khối kinh doanh về bất kỳ vấn đề tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Hợp tác với các đơn vị thuộc các Khối kinh doanh để hoàn thành phân tích các yêu cầu liên quan đến quy định mới từ các văn bản pháp luật, đánh giá các vấn đề mà đơn vị cần thay đổi, cải tiến, điều chỉnh nhằm đảm bảo tuân thủ.
- Phối hợp với các Khối kinh doanh để hoàn thành các đánh giá rủi ro liên quan đến sản phẩm mới cũng như thực hiện các kiểm tra, đánh giá rủi ro tuân thủ định kỳ.
- Báo cáo đến Phòng Kiểm soát Nội bộ tất cả các vi phạm hoặc các vấn đề không tuân thủ được phát hiện liên quan đến các Khối, đơn vị kinh doanh.

1.3.14. Phòng Pháp chế

- Rà soát và ban hành mẫu hợp đồng và các tài liệu pháp lý của Công ty đảm bảo tính pháp lý của các văn bản này cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- Cung cấp ý kiến tư vấn pháp lý theo yêu cầu của các phòng ban, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thành viên; hỗ trợ đánh giá các rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Hỗ trợ và theo dõi các thủ tục kiện tụng tại tòa án, trọng tài đối với các tranh chấp phát sinh liên quan đến Công ty (nếu có).
- Hỗ trợ các thủ tục xin cấp phép, điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của pháp luật tại các cơ quan có thẩm quyền.

1.3.15. Phòng Công nghệ Thông tin

- Xây dựng và vận hành hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu giao dịch chứng khoán thông suốt, bảo mật.
- Giám sát và ngăn ngừa các rủi ro về mất an toàn thông tin, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu và quy định về bảo mật hệ thống.
- Phát triển và tích hợp hệ thống mới với các công cụ hiện có để nâng cao hiệu quả làm việc.
- Đề xuất các giải pháp công nghệ phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

1.3.16. Phòng Phát triển Sản phẩm và Giải pháp Công nghệ

Chịu trách nhiệm thiết kế, phát triển và triển khai các sản phẩm số cốt lõi phục vụ hoạt động kinh doanh và vận hành. Đảm nhiệm việc xây dựng hệ thống giao dịch trực tuyến (mobile và web), phát triển các hệ thống quản trị nội bộ, cũng như tích hợp, kết nối với hệ thống giao dịch của các SGDCK. Ngoài ra, Phòng còn đóng vai trò nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới nhằm tối ưu vận hành, hỗ trợ phát triển kinh doanh và nâng cao trải nghiệm người dùng, góp phần thúc đẩy chiến lược chuyển đổi số của Công ty.

1.3.17. Phòng Nhân sự

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tìm kiếm và lựa chọn ứng viên phù hợp với nhu cầu của Công ty nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và chiến lược phát triển.
- Xây dựng và triển khai chế độ lương, thưởng, phúc lợi nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhân viên; giám sát việc thực hiện các chính sách nhân sự, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.
- Tổ chức đào tạo, nâng cao kỹ năng cho nhân viên nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc.
- Đánh giá hiệu suất làm việc của nhân viên, đề xuất các phương án cải thiện.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp.
- Tổ chức các hoạt động nội bộ nhằm tăng cường sự gắn kết giữa các nhân viên.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội và các chính sách liên quan.

- Giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động, xử lý tranh chấp và khiếu nại của nhân viên (nếu có).

1.3.18. Phòng Truyền thông và Tiếp thị

- Xây dựng và quản lý chiến lược thương hiệu tổng thể của Công ty, bao gồm việc lập kế hoạch và triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận diện và giá trị thương hiệu trên thị trường.
- Xây dựng và định hướng chiến lược truyền thông toàn diện, bao gồm truyền thông đối ngoại, quan hệ công chúng, phát triển mối quan hệ với báo chí, truyền thông nội bộ và thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp; từ đó duy trì hình ảnh tích cực của Công ty và gia tăng mức độ gắn kết của nhân viên.
- Lập kế hoạch và triển khai các dự án truyền thông – marketing, quảng bá thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ của Công ty đến khách hàng (mục tiêu và tiềm năng) thông qua và các kênh báo chí, truyền thông.
- Hỗ trợ các khối/phòng ban trong toàn hệ thống MSVN trong việc xây dựng kế hoạch marketing riêng cho từng lĩnh vực hoạt động, cũng như các chiến dịch truyền thông dành cho các giao dịch lớn, nổi bật của Công ty.

1.3.19. Khối Nghiệp vụ

a. Phòng Thanh toán

- Thực hiện các bút toán nộp tiền, rút tiền, chuyển tiền nội bộ giữa các tiểu khoản theo yêu cầu của khách hàng.
- Giám sát các giao dịch để phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan.
- Theo dõi số dư tài khoản của khách hàng để phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán đối chiếu rà soát.

b. Phòng Lưu ký Chứng khoán

- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến lưu ký chứng khoán theo quy trình lưu ký chứng khoán của MSVN và quy chế lưu ký do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) ban hành.
- Thực hiện các nghiệp vụ thực hiện quyền theo quy trình thực hiện quyền của MSVN và quy chế thực hiện quyền do VSDC ban hành.
- Giám sát hoạt động thanh toán bù trừ: Đảm bảo các hoạt động thanh toán bù trừ liên quan đến chứng khoán đúng theo quy chế thanh toán bù trừ do VSDC ban hành.
- Chế độ báo cáo: Thực hiện các báo cáo liên quan do Phòng Lưu ký Chứng khoán phụ trách theo đúng quy chế thành viên của VSDC ban hành.

1.3.20. Phòng Tài chính – Kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán: Xây dựng quy trình hạch toán kế toán theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo tính chính xác và kịp thời trong báo cáo tài chính định kỳ.
- Quản lý tài chính: Theo dõi, kiểm soát việc sử dụng nguồn lực tài chính và tài sản của Công ty, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch tài chính hàng năm.
- Quản lý nguồn vốn và công nợ: Kiểm tra, đối chiếu công nợ, đề xuất phương án cơ cấu nguồn vốn, đảm bảo huy động vốn hợp lý cho hoạt động kinh doanh.
- Quản lý nghĩa vụ thuế: Thực hiện kê khai, quyết toán thuế và kiểm tra việc tuân thủ chính sách thuế trong toàn Công ty.
- Bảo quản và lưu trữ hồ sơ kế toán: Đảm bảo chứng từ, hồ sơ kế toán được lưu trữ theo đúng quy định.

1.3.21. Phòng Hành chính

- Quản lý và sử dụng con dấu của Công ty theo phân công nội bộ và quy định pháp luật.
- Nhận và gửi các văn bản, công văn đến và đi của Công ty, quản lý và lưu trữ các văn bản ban hành của Công ty.
- Theo dõi và thanh toán các chi phí thuộc phòng Hành chính quản lý.
- Cung cấp và quản lý công vụ làm việc, quản lý phương tiện vận chuyển của Công ty, cung cấp cơ sở vật chất và bảo trì văn phòng, quản lý tài sản cố định.
- Hỗ trợ các yêu cầu mua hàng và tìm nguồn cung ứng.

1.4. Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn góp của Công ty trở lên và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**a) Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn góp của Công ty trở lên, cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

Tại thời điểm Bản cáo bạch này, MSVN được Maybank IBG Holdings Limited sở hữu 100% vốn, với thông tin như sau:

Tên Thành viên (Chủ sở hữu)	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
Maybank IBG Holdings Limited	50 North Canal Road #03-01 Singapore 059304, Singapore	100%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Không có.

(Công ty TNHH Chứng khoán Maybank hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do đó không có cổ đông sáng lập và không áp dụng các quy định về việc hạn chế chuyên nhượng cổ phần theo Luật Doanh nghiệp).

b) Danh sách người có liên quan

STT	Tên	Chức vụ/Mối quan hệ với Công ty
A	CÁ NHÂN	
I	HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN	
1	Philip Tan Puay Koon	Chủ tịch Hội đồng thành viên (Thành viên độc lập Hội đồng Thành viên)
2	Lok Eng Hong	Thành viên Hội đồng thành viên
3	Tengku Ariff Azhar Bin Tengku Mohamed	Thành viên Hội đồng thành viên
4	Nguyễn Thế Thọ	Thành viên độc lập Hội đồng thành viên
5	Nguyễn Chí Dũng	Thành viên độc lập Hội đồng thành viên
II	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
1	Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Bảo Toàn	Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân
3	Nguyễn Võ Vân Hà	Giám đốc Tài chính
III	KẾ TOÁN TRƯỞNG	
1	Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán trưởng
IV	NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN	
1	Nguyễn Võ Vân Hà	Giám đốc Tài chính
V	QUẢN LÝ KHÁC ĐƯỢC HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN BỔ NHIỆM	
1	Mạc Thị Mận	Giám đốc Chi nhánh Phú Nhuận
2	Hoàng Thanh Tuấn	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
3	Nguyễn Thị Hà Linh	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai
4	Nguyễn Hồ Bảo Trân	Giám đốc Chi nhánh An Giang
5	Lưu Văn Hải	Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn
6	Trần Ngọc Anh Đào	Giám đốc, Phòng Kiểm toán Nội bộ
7	Nguyễn Ninh Phương Thảo	Giám đốc, Phòng Kiểm soát Nội bộ

STT	Tên	Chức vụ/Mối quan hệ với Công ty
B	TỔ CHỨC	
1	Maybank IBG Holdings Limited	Công ty mẹ
2	Ngân Hàng Malayan Banking Berhad	Đơn vị chủ quản và Chủ sở hữu cao nhất

1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

a) Danh sách công ty mẹ của Tổ chức phát hành và/hoặc công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ của Tổ chức phát hành: Maybank IBG Holdings Limited, với các thông tin chi tiết đã được đề cập tại Mục V.1.4.a bên trên.

b) Danh sách công ty con của Tổ chức phát hành và/hoặc công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

1.6. Thông tin về Ban điều hành của Tổ chức phát hành

a) Cơ cấu Ban điều hành

STT	Tên	Chức vụ
A	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
1	Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Bảo Toàn	Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân
3	Bà Nguyễn Võ Vân Hà	Giám đốc Tài chính
B	KẾ TOÁN TRƯỞNG	
1	Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán trưởng

b) Thông tin về các thành viên của Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

(i) Tổng Giám đốc – Ông Kim Thiên Quang

Trình độ học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh – chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng Quốc Tế, Đại Học Châu Âu (European University).

**Quá trình làm việc:**

Thời gian	Vị trí công tác
2015 – nay	Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2014 – 2015	Phó Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2010 – 2014	Giám Đốc, Khối Khách hàng Cá nhân – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2009 – 2010	Giám Đốc Môi giới, Hội sở – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2007 – 2009	Trưởng phòng Môi giới – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2006 – 2007	Chuyên gia Môi giới & Tư vấn đầu tư cao cấp – Công ty TNHH Chứng khoán ACB

(ii) Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân – Ông Nguyễn Bảo Toàn

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2021 – nay	Giám đốc, Khối Khách hàng Cá nhân – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2020 – 2021	Phó Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân – Khu vực phía Nam - Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2012 – 2020	Giám đốc Chi nhánh Phú Nhuận – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2011 – 2012	Phó Giám đốc Chi nhánh Phú Nhuận – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2008 – 2009	Trưởng phòng Môi giới – Công ty Cổ phần Chứng khoán Vincom
2006 – 2008	Phó Trưởng phòng Môi giới – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt

(iii) Giám đốc Tài Chính – Bà Nguyễn Võ Vân Hà

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kinh tế Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Paris Dauphine.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Giám đốc Tài chính – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank

Thời gian	Vị trí công tác
2016 – 2023	Giám đốc Cấp cao, Trưởng phòng nhượng quyền phân tích tài chính, lập ngân sách và lập kế hoạch – Ngân hàng Citibank Việt Nam
2016	Trưởng phòng Phân tích Tài chính, Lập ngân sách và Kế hoạch – Công ty TNHH Tư Nhân Bảo Đảm Prudential Việt Nam
2009 – 2016	Kiểm soát viên Tài chính kiêm Tổng thư ký ALCO – Hong Leong Bank Việt Nam
2005 – 2009	Giám sát Kiểm toán, Dịch vụ Tài chính – Price Waterhouse Coopers (PwC) Việt Nam

(iv) Kế toán trưởng – Bà Trần Thị Ngọc Hương

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2021 – nay	Kế toán trưởng – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2018 – 2021	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2012 – 2017	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2011 – 2012	Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2008 – 2010	Chuyên viên Kế toán – Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam
2004 – 2007	Kế toán viên – Công Ty TNHH Liên Doanh Việt Thái Plastchem

1.7. Thông tin về nhân sự quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền**a) Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Ông Nguyễn Anh Tuấn**

Trình độ học vấn: Tiến sĩ Kinh tế – Trường Đại học Kinh tế Vác-sa-va (SGH), Ba Lan.

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 001030/QLQ do UBCKNN cấp.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2020 – 2023	Giám đốc Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng

Thời gian	Vị trí công tác
2019 – 2020	Trưởng phòng Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
2015 – 2019	Giám đốc Rủi ro và Tuân thủ – Công ty Chứng khoán IB
2011 – 2014	Thư ký HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
2007 – 2011	Giám đốc Rủi ro và Kiểm soát nội bộ/ Giám đốc ISO/ Thư ký HĐQT – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
2006 – 2007	Cán bộ Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng VIB Việt Nam
2006	Thư ký Thương mại Đại sứ quán Ba Lan tại Hà Nội

Ông Nguyễn Anh Tuấn là chuyên gia uy tín trong lĩnh vực quản lý rủi ro tài chính. Ông Tuấn có học vị Tiến sĩ Kinh tế tại Ba Lan và hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành tại các tổ chức tài chính lớn như Chứng khoán Maybank, OCB và IB. Trong quá trình công tác, ông Tuấn từng đảm nhiệm nhiều vị trí trọng yếu, bao gồm Giám đốc Rủi ro, Phó Tổng Giám đốc và Thư ký Hội đồng Quản trị.

Với sự am hiểu sâu sắc về quản lý rủi ro nội bộ, tuân thủ và vận hành hệ thống quản trị rủi ro, ông Tuấn có đầy đủ năng lực chuyên môn và độ tin cậy cao để đảm nhiệm công tác giám sát và quản trị rủi ro đối với sản phẩm chứng quyền một cách chặt chẽ và hiệu quả.

b) Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm cấu trúc – Bà Hoàng Ngọc Trâm

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế và Tài chính – Đại học RMIT.

Chứng chỉ: Chứng chỉ phân tích tài chính Quốc tế – Chartered Financial Analyst (“CFA”).

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002467/QLQ do UBCKNN cấp.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm cấu trúc – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank
2020 – 2023	Nhân viên phòng Tự doanh – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

Bà Hoàng Ngọc Trâm là chuyên viên cao cấp trong lĩnh vực sản phẩm cấu trúc và đầu tư tài chính. Bà Trâm tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và Tài chính tại Đại học RMIT, cơ sở đào tạo theo chuẩn quốc tế, đồng thời sở hữu chứng chỉ CFA cùng chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Với kinh nghiệm làm việc tại Phòng Tự doanh của Công ty Chứng khoán BIDV và hiện là chuyên viên cao cấp tại Chứng khoán Maybank, bà Trâm có sự am hiểu sâu sắc về thị trường tài chính, đặc

biệt trong thiết kế, phát triển và quản lý các sản phẩm cấu trúc phức tạp. Nền tảng chuyên môn vững chắc kết hợp với các chứng chỉ nghề nghiệp uy tín trong nước và quốc tế đã góp phần khẳng định năng lực và uy tín của bà Trâm trong việc phát triển, vận hành và quản trị rủi ro hiệu quả đối với sản phẩm chứng quyền trên thị trường.

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

2.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

MSVN được phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm các nghiệp vụ và dịch vụ:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tụ doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Ngoài các nghiệp vụ nêu trên, Công ty còn cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.

Thông tin về thị phần của Công ty:

Trong các nghiệp vụ, Công ty chỉ có mảng Môi giới chứng khoán có thông tin về thị phần, cụ thể như sau:

Quý I/2026:

- Môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết tại HOSE: 1,50% (năm ngoài top 10);
- Môi giới cổ phiếu niêm yết tại HNX: năm ngoài top 10;
- Môi giới cổ phiếu thị trường Upcom: năm ngoài top 10;
- Môi giới chứng khoán phái sinh tại HNX: năm ngoài top 10.

Năm 2025:

- Môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết tại HOSE: 1,34% (năm ngoài top 10);
- Môi giới cổ phiếu niêm yết tại HNX: năm ngoài top 10;
- Môi giới cổ phiếu thị trường Upcom: năm ngoài top 10;
- Môi giới chứng khoán phái sinh tại HNX: năm ngoài top 10.

2.2 Các tranh chấp/ kiện tụng

Tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, MSVN không có các tranh chấp/kiện tụng đối với các tổ chức, cá nhân có ảnh hưởng đến quyền lợi của MSVN.

2.3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai (2) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai (2) năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	Lũy kế đến Quý I/2026
Tổng giá trị tài sản	5.702.270.772.034	6.812.860.503.252	19,48%	6.777.012.954.976
Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	815.624.849.656	897.349.259.627	10,02%	289.292.395.965
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	272.214.270.116	228.681.293.749	(15,99%)	56.035.518.235
Lợi nhuận khác	(625.091)	(32.574.542)	5.111,17%	-
Lợi nhuận trước thuế	272.213.645.025	228.648.719.207	(16,00%)	56.035.518.235
Lợi nhuận sau thuế	221.044.401.150	179.066.233.903	(18,99%)	45.013.766.583

(Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 kiểm toán của MSVN và BCTC Quý I năm 2026 của MSVN)

2.4 Các chứng quyền mà công ty đã phát hành

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại chứng quyền	Thời hạn	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi*	Giá thực hiện* (Đồng)	Tổng số lượng chào bán	Tình trạng	Số lượng đang niêm yết
Đợt 1										
1	Chứng quyền FPT/0125/C/EU/Cash/MSVN	CFPT2525	Mua	06 tháng	25/03/2026	10:1	103.000	10.000.000	Đã đáo hạn	-
2	Chứng quyền HPG/0125/C/EU/Cash/MSVN	CHPG2535	Mua	06 tháng	25/03/2026	2:1	29.700	10.000.000	Đã đáo hạn	-
3	Chứng quyền MWG/0125/C/EU/Cash/MSVN	CMWG2521	Mua	06 tháng	25/03/2026	5:1	91.000	10.000.000	Đã đáo hạn	-

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại chứng quyền	Thời hạn	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi*	Giá thực hiện* (Đồng)	Tổng số lượng chào bán	Tình trạng	Số lượng đang niêm yết
4	Chứng quyền STB/0125/C/EU/Cash/MSVN	CSTB2529	Mua	06 tháng	25/03/2026	2:1	65.500	10.000.000	Đã đáo hạn	-
5	Chứng quyền VPB/0125/C/EU/Cash/MSVN	CVPB2525	Mua	06 tháng	25/03/2026	2:1	31.700	10.000.000	Đã đáo hạn	-
6	Chứng quyền FPT/0225/C/EU/Cash/MSVN	CFPT2526	Mua	09 tháng	25/06/2026	10:1	115.300	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000
7	Chứng quyền HPG/0225/C/EU/Cash/MSVN	CHPG2536	Mua	09 tháng	25/06/2026	2:1	32.900	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000
8	Chứng quyền MWG/0225/C/EU/Cash/MSVN	CMWG2522	Mua	09 tháng	25/06/2026	5:1	87.100	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000
9	Chứng quyền STB/0225/C/EU/Cash/MSVN	CSTB2530	Mua	09 tháng	25/06/2026	2:1	67.800	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000
10	Chứng quyền VPB/0225/C/EU/Cash/MSVN	CVPB2526	Mua	09 tháng	25/06/2026	2:1	32.600	10.000.000	Đang niêm yết	10.000.000

*Tỷ lệ chuyển đổi và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm phát hành

3. Tình hình tài chính

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thực hiện nộp các khoản phải nộp theo luật định.

- **Tổng dư nợ vay**

Tổng dư nợ vay (tài chính, trái phiếu, vay,...) tại ngày 31/03/2026: 3.266.407.700.000 đồng.

- ✓ Nợ quá hạn: Không có.
- ✓ Tổng dư nợ bảo lãnh: Không có.

• **Tình hình công nợ**

Tình hình công nợ tại ngày 31/03/2026:

- ✓ Tổng các khoản phải thu và cho vay: 5.570.693.010.816 đồng.
- ✓ Tổng nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay): 3.367.938.962.955 đồng.

• **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về an toàn tài chính		
- Giá trị vốn khả dụng (đồng)	3.141.488.367.217	3.107.014.924.355
- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (đồng)	341.773.658.969	364.032.657.260
- Tỷ lệ vốn khả dụng: Giá trị vốn khả dụng/ Tổng rủi ro	919%	853%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,29	1,94
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	2,29	1,94
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,43	0,51
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,75	1,03
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	27,10%	19,96%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,96%	5,41%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	4,09%	2,86%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	33,37%	25,48%

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)*	N/A	N/A

(*) MSVN hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, nên không có chỉ tiêu EPS

(Nguồn: BCTC năm 2024, năm 2025 kiểm toán của MSVN)

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm

1.1 Thông tin về chứng quyền phát hành

Tên chứng quyền có bảo đảm	Chứng quyền STB/MSVN/7M/0126
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	STB
Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà Người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại Ngày đáo hạn
Phương thức thực hiện chứng quyền	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
Thời hạn của chứng quyền	07 tháng
Ngày phát hành dự kiến	Trong tháng 5/2026 (đảm bảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Ngày phát hành chính thức sẽ được công bố cụ thể tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN)
Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Hai (02) ngày làm việc trước Ngày đáo hạn
Ngày đáo hạn dự kiến	Trong tháng 12/2026 (07 tháng kể từ Ngày phát hành chính thức)
Tỷ lệ chuyển đổi	6:1 (06 chứng quyền đổi 01 cổ phiếu cơ sở)
Giá thực hiện/khoảng giá thực hiện	Trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành. Giá thực hiện cụ thể sẽ được công bố tại Bản

	thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	Tối thiểu 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán
Giá chào bán/khoảng giá chào bán	1.000 – 3.000 VND. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tổng số lượng chào bán	8.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	8.000.000.000 – 24.000.000.000 VND. Tổng giá trị chào bán cụ thể sẽ được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN
Tài sản bảo đảm thanh toán	Tiền, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ chức phát hành ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký

Phương pháp tính giá chào bán

Giá chào bán chứng quyền được tính theo công thức Black Scholes như sau:

Giá lý thuyết của chứng quyền mua:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C : Giá lý thuyết của chứng quyền mua

$N(d_1), N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy

X : Giá thực hiện của chứng quyền

S : Giá chứng khoán cơ sở hiện tại

- T : Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến Ngày đáo hạn chứng quyền/365
- r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)
- σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)
- k : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền

Ví dụ chi tiết các tham số áp dụng vào công thức:

Giá chứng khoán cơ sở (S)	Giá cổ phiếu STB tại thời điểm định giá
Giá thực hiện ¹ (X)	48.000 VND
Lãi suất phi rủi ro ² (do Tổ chức phát hành tự xác định) (r_c)	Trong khoảng 3%-6%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở ³ (do Tổ chức phát hành xác định) (σ)	20% - 100%
Thời gian còn lại đến Ngày đáo hạn (T)	0,583 (năm)
Tỷ lệ chuyển đổi ⁴ (k)	6

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

$Delta_{CALL}$: Giá trị delta của chứng quyền mua;

$N(d_1)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes.

¹ Đây chỉ là giá tham khảo. Giá thực hiện sẽ được Tổ chức phát hành xác định vào ngày chào bán chính thức sau khi Tổ chức phát hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền của UBCKNN, và sẽ được ghi rõ trong Bản thông báo phát hành của chứng quyền. Giá thực hiện sẽ bảo đảm nằm trong khoảng biên độ từ 20% thấp hơn đến 20% cao hơn so với giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày công bố Bản thông báo phát hành

² Lãi suất phi rủi ro: do Tổ chức phát hành xác định dựa trên lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam kỳ hạn 10 năm. Thông số có thể thay đổi trong biên độ 1% để dự trù cho thay đổi lãi suất trong tương lai

³ Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở: được Tổ chức phát hành xác định dựa trên độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và áp thêm một biên dự phòng dành cho các khoản chi phí hoạt động, chi phí vốn cho việc phát hành chứng quyền (bao gồm tài sản bảo đảm thanh toán và nguồn vốn để mua chứng khoán cơ sở cho mục đích phòng ngừa rủi ro), và các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh trong quá trình thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

⁴ Tỷ lệ chuyển đổi: là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Ví dụ, Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền STB là 6, có nghĩa là nhà đầu tư phải có 6 chứng quyền thì mới có quyền mua 1 cổ phiếu STB tại mức giá thực hiện vào ngày thực hiện quyền.

1.2 Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó

Không có.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở**2.1 Thông tin chung về chứng khoán cơ sở**

Tên chứng khoán cơ sở	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Mã chứng khoán cơ sở	STB
Vốn hóa tại ngày 15/04/2026 (tỷ đồng)	121.219,37
Khối lượng giao dịch khớp lệnh trung bình phiên 12 tháng	11.369.930 cổ phiếu/ngày
Giá đóng cửa cao nhất 52 tuần (đồng)	67.800
Giá đóng cửa thấp nhất 52 tuần (đồng)	38.300
Ngày niêm yết lần đầu	12/7/2006
P/E tại ngày 15/04/2026	20,41
Dao động bình quân của giá trong 6 tháng gần nhất (%)	42,200%

Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối tháng của chứng khoán cơ sở trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất

Tháng	Giá đóng cửa ngày giao dịch cuối tháng (Đồng)
05/2025	40.700
06/2025	46.700
07/2025	49.950
08/2025	55.600
09/2025	56.900
10/2025	55.500
11/2025	48.600
12/2025	58.000
01/2026	63.000
02/2026	65.500
03/2026	62.200
04/2026	67.500

(Nguồn: HOSE)



2.2 Thông tin về Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

- Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
- Lĩnh vực hoạt động chính: Ngân hàng
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.885.215.716 cổ phiếu

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	Quý I/2026
Tổng giá trị tài sản	748.095	917.120	22,59%	859.572
Vốn chủ sở hữu	54.972	59.867	8,90%	61.477
Thu nhập lãi thuần	24.532	26.681	8,76%	6.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.633	1.689	(35,85)%	522
Lợi nhuận trước thuế	12.720	7.628	(40,03)%	2.106
Lợi nhuận sau thuế	10.087	5.939	(41,12)%	1.584
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ VCSH bình quân	20,03%	10,34%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025, BCTC hợp nhất Quý I năm 2026 của STB, MSVN tổng hợp)

Các chỉ số tài chính của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong hai (2) năm gần nhất

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Dư nợ cho vay khách hàng/Tổng nợ phải trả	0,77	0,71
- Dư nợ cho vay/Tổng tài sản	0,71	0,66
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,93	0,93
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	12,61	14,32
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	41,12%	22,26%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	20,03%	10,34%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,42%	0,71%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng thu nhập hoạt động	35,18%	18,53%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng)	4.751	3.150

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của STB, MSVN tổng hợp)

Tổ chức phát hành cam kết không phải là người có liên quan của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở theo các quy định của pháp luật liên quan.

3. Thời gian phân phối chứng quyền có bảo đảm

Lịch phân phối chứng quyền có bảo đảm của MSVN dự kiến như sau:

Bước	Diễn giải	Thời gian thực hiện (dự kiến)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chào bán chứng quyền có bảo đảm.	T
2	MSVN công bố Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền trên trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống SGDCK.	Trong vòng T + 24 giờ
3	MSVN công bố Bản thông báo phát hành chứng quyền và Bản cáo bạch trên trang thông tin điện tử Công ty, hệ thống SGDCK. MSVN công bố Bản thông báo phát hành trên một (1) tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (3) số liên tiếp.	Trong vòng T + 7 ngày làm việc
4	MSVN bắt đầu phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, trong đó đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là ba (3) ngày.	Trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu Bước 3
5	MSVN hoàn tất phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư.	Tối thiểu ba (3) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu Bước 4
6	MSVN báo cáo kết quả phân phối cho UBCKNN.	Trong vòng mười (10) ngày kể ngày hoàn tất từ Bước 5

Ghi chú:

- Thời gian phân phối cụ thể được công bố tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN.
- Tài sản bảo đảm thanh toán được MSVN ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành và dự kiến phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy bỏ niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của MSVN hay của bất cứ bên thứ ba khác.
- Việc phân phối chứng quyền đến nhà đầu tư chỉ được thực hiện sau khi Công ty bảo đảm người mua tiếp cận được Bản cáo bạch, các nội dung hướng dẫn theo Bản thông báo phát hành chứng quyền của Công ty.

4. Đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm

4.1 Thông báo phát hành chứng quyền

Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có hiệu lực, Tổ chức phát hành phải công bố Bản thông báo phát hành trên một (1) tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba (3) số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổ chức phát hành, Sở giao dịch chứng khoán. Bản cáo bạch chính thức phải được đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổ chức phát hành và Sở giao dịch chứng khoán.

4.2 Cách thức đăng ký mua chứng quyền

Nhà đầu tư có thể đăng ký mua chứng quyền tại Hội sở và tất cả các Chi nhánh của MSVN và/hoặc trên ứng dụng giao dịch của MSVN sau khi tiếp cận Bản cáo bạch chào bán chứng quyền và các nội dung hướng dẫn tại Bản thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm của MSVN.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền

4.3 Phương thức thanh toán mua chứng quyền

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thanh toán tiền mua chứng quyền bằng cách chuyển khoản 100% giá trị mua vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản : Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
- Số tài khoản : 8640059540
- Tại : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền nêu trên. Tổ chức phát hành cam kết chỉ sử dụng tiền từ tài khoản phong tỏa nói trên sau khi UBCKNN có văn bản xác nhận kết quả phân phối chứng quyền có bảo đảm, hoặc UBCKNN đăng trên trang thông tin điện tử của mình về việc đã nhận đủ tài liệu báo cáo kết quả phát hành chứng quyền nói trên.

4.4 Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình, và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của SGDCK sau khi chứng quyền được niêm yết.

4.5 Phương án phân phối chứng quyền trong trường hợp số lượng đăng ký mua lớn hơn số lượng chào bán

Số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ xác định như sau:

$$\text{Số chứng quyền nhà đầu tư được mua} = \text{Số chứng quyền chào bán} \times \frac{\text{Số chứng quyền từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền các nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

Số lượng chứng quyền tính theo công thức trên sẽ được làm tròn xuống đơn vị 100 chứng quyền cho từng nhà đầu tư, theo nguyên tắc tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá số lượng chứng quyền chào bán. Trường hợp sau khi phân bổ theo nguyên tắc trên cho tất cả các nhà đầu tư, vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền còn lại này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh của MSVN.

4.6 Xác nhận kết quả phân phối chứng quyền

Trong vòng ba (3) ngày làm việc sau ngày kết thúc đợt chào bán, MSVN sẽ gửi thông báo xác nhận kết quả đặt mua chứng quyền tới nhà đầu tư theo thông tin cung cấp của nhà đầu tư. Kết quả phân phối chứng quyền chính thức sẽ do VSDC thực hiện phân bổ trực tiếp vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư đã đăng ký tại Phiếu đăng ký đặt mua chứng quyền có bảo đảm

5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm

- Chứng quyền có bảo đảm bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc trong các trường hợp sau:

- Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
- Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;
- Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;
- Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn.

Chứng quyền có bảo đảm được hủy bỏ niêm yết tự nguyện trong trường hợp: Tổ chức niêm yết sở hữu toàn bộ số chứng quyền có bảo đảm chưa lưu hành sau ngày niêm yết tối thiểu 30 ngày.

6. Thực hiện chứng quyền có bảo đảm

6.1 Trường hợp thanh toán bằng tiền

a) Quy trình thực hiện

Quy trình thanh toán bằng tiền được áp dụng theo Quy chế của VSDC và quy định của HOSE, được thực hiện như sau (T = Ngày đáo hạn):

- Ngày T – 15:

Tổ chức đăng ký chứng quyền công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng để hủy niêm yết và thực hiện thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền gửi cho HOSE. Căn cứ công bố thông tin của Tổ chức đăng ký chứng quyền, HOSE ra văn bản hủy niêm yết chứng quyền.

- **Ngày T – 2:**

Là ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền. HOSE sẽ hủy bỏ niêm yết chứng quyền sau ngày này.

- **Ngày T (Ngày đáo hạn, cũng là Ngày đăng ký cuối cùng):**

- Tổ chức đăng ký chứng quyền gửi Thông báo Giá thanh toán chứng quyền cho VSDC .

- VSDC nhận Thông báo Giá thanh toán, đối chiếu với Giá thực hiện:

- Nếu **Giá thanh toán** \leq **Giá thực hiện**: VSDC gửi Thông báo hủy đợt chốt danh sách cho HOSE và các thành viên lưu ký. Quy trình dừng tại đây.

- Nếu **Giá thanh toán** $>$ **Giá thực hiện**: VSDC lập Danh sách Người sở hữu chứng quyền có lãi (ITM) và gửi cho các thành viên lưu ký chậm nhất một (1) ngày làm việc sau ngày T.

- **Ngày T + 1 đến T + 2:** VSDC gửi thông báo về việc chốt danh sách Người sở hữu chứng quyền để thực hiện chứng quyền cho HOSE và các thành viên lưu ký. VSDC, các thành viên lưu ký và Tổ chức đăng ký chứng quyền phối hợp để lập và xác nhận danh sách Người sở hữu chứng quyền.

- **Ngày T + 3:** Tổ chức đăng ký chứng quyền xác nhận danh sách tổng hợp Người sở hữu chứng quyền với VSDC và chuyển tiền thanh toán vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.

- **Ngày T + 4:** VSDC thông báo cho thành viên lưu ký xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền và thực hiện phân bổ tiền thanh toán vào tài khoản của thành viên lưu ký có liên quan.

- **Ngày T + 5:** Ngày thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền. Thành viên lưu ký phân bổ trực tiếp số tiền thanh toán vào tài khoản của Người sở hữu chứng quyền.

b) Cách tính số tiền thanh toán cho nhà đầu tư

Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, việc thanh toán bằng tiền cho Người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.

Trong trường hợp Số tiền thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng 0 (chứng quyền lỗ hoặc chứng quyền hòa vốn), tất cả các chứng quyền sẽ được coi là đã đáo hạn, tất cả các quyền của Người sở hữu chứng quyền cũng như nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với các chứng quyền đó sẽ chấm dứt. Người sở hữu chứng quyền sẽ không được quyền nhận bất kỳ khoản thanh toán nào từ Tổ chức phát hành đối với chứng quyền.

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền mua là số tiền thanh toán khi Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, trong trường hợp chứng quyền có lãi, được tính theo công thức như sau:

$$\text{Số tiền thanh toán ròng} = \left[\frac{\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}}{\text{Tỷ lệ chuyển đổi}} \right] - \text{Phí thực hiện (nếu có)}$$

Giá thanh toán chứng quyền là bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong năm (5) ngày giao dịch liền trước Ngày đáo hạn, không bao gồm Ngày đáo hạn.

Ví dụ:

Giá thực hiện chứng quyền : 80.000 VND

Giá thanh toán chứng quyền : Bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong năm (5) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

Ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền : 10/12/2025

Ngày đáo hạn chứng quyền : 12/12/2025

Ngày tính giá thanh toán chứng quyền : 05/12, 08/12, 09/12, 10/12, 11/12.

Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong các ngày này là:

Ngày	Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở (Đồng)
05/12	80.500
08/12	81.000
09/12	82.000
10/12	81.500
11/12	82.000
Trung bình giá 5 ngày	81.400

Giá thanh toán chứng quyền : 81.400 VND

Tỷ lệ chuyển đổi : 8 : 1 (8 chứng quyền lấy 1 cổ phiếu)

Số tiền thanh toán : $(81.400 - 80.000) / 8 = 175$ VND/ chứng quyền

Số tiền thanh toán ròng: là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào Ngày đáo hạn.

6.2 Các biện pháp xử lý trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trong trường hợp Tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, Tổ chức phát hành bảo đảm sử dụng các nguồn để thanh toán và thực hiện nghĩa vụ đối với Người sở hữu chứng quyền như sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh.
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký. Theo quy định hiện tại, Tổ chức phát hành phải duy trì tài sản bảo đảm thanh toán là tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi hoặc thư bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, giá trị là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành và dự kiến phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy bỏ niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Tổ chức phát hành hay của bất cứ bên thứ ba khác.

Trường hợp không có đủ tài sản để thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền thì Người sở hữu chứng quyền sẽ được coi là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ chức phát hành. Việc xử lý sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

7. Quyền của Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

- Quyền của Người sở hữu chứng quyền mua: Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của Chứng khoán cơ sở (Giá thanh toán) cao hơn Giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp Tổ chức phát hành hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; quyền lợi của Người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan về hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp.
- Trong trường hợp chứng quyền hủy bỏ niêm yết do:
 - Tổ chức phát hành bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;
 - Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền được cho là có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư;
 - Chứng khoán cơ sở bị hủy bỏ niêm yết;

Quy trình thực hiện chứng quyền trong các trường hợp bị hủy bỏ niêm yết nêu trên:

- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có Quyết định hủy bỏ niêm yết chứng quyền, Tổ chức phát hành sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ niêm yết chứng quyền, cách thức xác định Giá thanh toán chứng quyền cho Người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực.
- Kể từ ngày công bố thông tin nêu trên đến ngày liền trước ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực, Tổ chức phát hành sẽ thực hiện mua lại các chứng quyền đang lưu hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại được xác định theo mức giá thị trường và tuân thủ theo quy chế của SGDCK.

- Kể từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực, đối với các chứng quyền còn lưu hành, Tổ chức phát hành phối hợp với VSDC thanh toán tiền cho nhà đầu tư vẫn nắm giữ chứng quyền. Việc thanh toán tiền được thực hiện theo Quy chế của VSDC.

Cách tính Giá thanh toán chứng quyền cho Người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực được áp dụng theo công thức Black Scholes:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C	:	Giá thanh toán của chứng quyền mua tại ngày hủy bỏ niêm yết
$N(d_1), N(d_2)$:	Xác suất phân phối chuẩn tích lũy
X	:	Giá thực hiện của chứng quyền
S	:	Giá chứng khoán cơ sở
T	:	Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365
r_c	:	Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)
σ	:	Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)
k	:	Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

Δ_{CALL}	:	Giá trị delta của chứng quyền mua
$N(d_1)$:	Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes

- Trong các trường hợp cần thiết theo yêu cầu của SGDCK cần áp dụng các biện pháp xử lý đặc biệt, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền thực hiện từ nguồn tài sản bao gồm:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký.

Việc thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền đối với các biện pháp xử lý đặc biệt được xác định trên cơ sở số lượng chứng quyền sở hữu và giá trị chứng quyền, trong đó giá trị chứng quyền được tính trên cơ sở giá đóng cửa vào ngày xảy ra sự kiện phải thanh toán, hay giá đóng cửa gần nhất so với ngày xảy ra sự kiện (nếu không thể xác định được giá đóng cửa tại ngày xảy ra sự kiện phải thanh toán) bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm

8.1 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do các sự kiện sau đây của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:

- (a) Chia cổ tức bằng tiền mặt;
- (b) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
- (c) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- (d) Phát hành cổ phiếu mới.

8.2 Cách thức điều chỉnh

Cách thức điều chỉnh Giá thực hiện và Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh như sau:

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền /Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).

Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến hàng đơn vị, Tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến 4 chữ số thập phân sau dấu phẩy (hoặc Giá thực hiện điều chỉnh và Tỷ lệ chuyển đổi điều chỉnh sẽ theo hướng dẫn tại Quy chế của SGDCK tại thời điểm thực hiện).

Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của SGDCK, Tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền có bảo đảm

9.1 Phí, lệ phí và giá dịch vụ

Khi đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư có thể phải trả các khoản phí bao gồm nhưng không giới hạn các khoản phí sau:

- Phí môi giới;
- Phí giao dịch;
- Phí lưu ký, thực hiện và chuyển khoản; và
- Chi phí thực hiện.

Mức giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại SGDCK Việt Nam và các công ty con, VSDC được quy định tại Thông tư số 83/2024/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/11/2024 và Quyết định số 1541/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29/04/2025. Căn cứ vào mức giá quy định, các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quyết định mức giá dịch vụ cụ thể phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật về giá và pháp luật có liên quan.

9.2 Thuế

Theo Công văn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền, nhà đầu tư sẽ phải nộp thuế khi giao dịch chứng quyền như sau:

a) Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 77/2025/TT-BTC ngày 30/07/2025 của Bộ Tài chính, các hoạt động liên quan đến đầu tư, phát hành, chào bán chứng quyền có bảo đảm, giao dịch tạo lập thị trường thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**(i) Đối với doanh nghiệp trong nước:**

Thu nhập từ chứng quyền của doanh nghiệp trong nước chịu thuế TNDN với thuế suất 20% theo quy định của pháp luật.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền và chứng khoán cơ sở cuối năm tài chính không được tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

(ii) Đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (nhà thầu nước ngoài):

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền chịu thuế với thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần tương tự như cách tính thuế thu nhập cá nhân nêu dưới đây.

Công ty chứng khoán, Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ số thuế này trước khi thanh toán cho nhà đầu tư.

Mức thuế suất nêu trên có thể được thay đổi theo quy định pháp luật áp dụng tại thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng hay thực hiện quyền.

c) Thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”)

(i) Trường hợp trước Ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền:

Số thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân với thuế suất 0,1%.

Trong đó: Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là giá khớp lệnh của chứng quyền trên SGDCK nhân (x) Số lượng chứng quyền.

(ii) Trường hợp trước thời hạn, chứng quyền bị huỷ niêm yết:

Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Giá chuyển nhượng chứng quyền được tính như sau:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực); hoặc
- Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố nhân (x) Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy bỏ niêm yết có hiệu lực).

(iii) Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền:

Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền mặt, thu nhập của nhà đầu tư chịu thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Trong đó, giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần bằng Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (/) cho Tỷ lệ chuyển đổi).

Công ty chứng khoán, Ngân hàng lưu ký nơi nhà đầu tư là cá nhân mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế này trước khi thanh toán cho nhà đầu tư.

Mức thuế suất nêu trên có thể được thay đổi theo quy định pháp luật áp dụng tại thời điểm nhà đầu tư chuyển nhượng hay thực hiện quyền.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, Tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

10.1 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng năm (5) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền; hoặc
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, Tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn;
- Giá đặt lệnh phải bảo đảm không vượt tỷ lệ chênh lệch giá (5%);
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, Tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán); và
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (1) phút.

10.2 Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, Tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (5) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của Tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Khi số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp Tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán, hoặc khi giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Khi giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Khi giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với Giá thực hiện), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...; hoặc
- Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

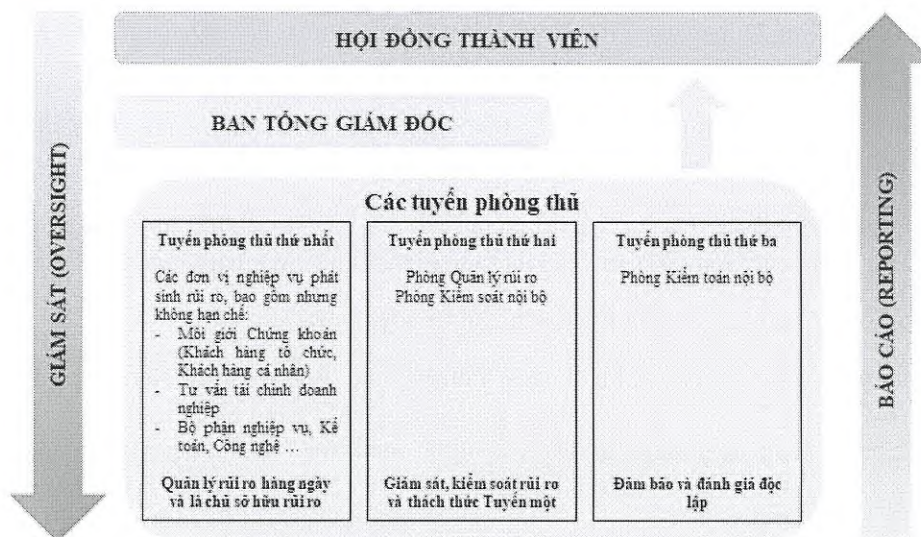
1. Việc thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:
 - Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
 - Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký;
 - Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).
2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho Người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro của Công ty được thiết kế rõ ràng, hiệu quả, chặt chẽ, quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, phân định rõ các tuyến phòng thủ và trách nhiệm của từng tuyến. Cơ cấu tổ chức về quản trị rủi ro bao gồm:

- Hội đồng thành viên
- Ban Tổng Giám đốc
- Tuyến 1: các phòng ban, đơn vị sở hữu trực tiếp rủi ro hoặc đơn vị tiếp nhận rủi ro.
- Tuyến 2: Phòng Quản lý rủi ro, Phòng Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát, kiểm soát rủi ro và đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro của Tuyến 1 nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty.
- Tuyến 3: Phòng Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp, tính đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của các chính sách, quy trình rủi ro được thiết lập cũng như việc tuân thủ, kiểm soát rủi ro của các Tuyến 1 và Tuyến 2.



a) Vai trò và trách nhiệm của Ban quản lý cấp cao

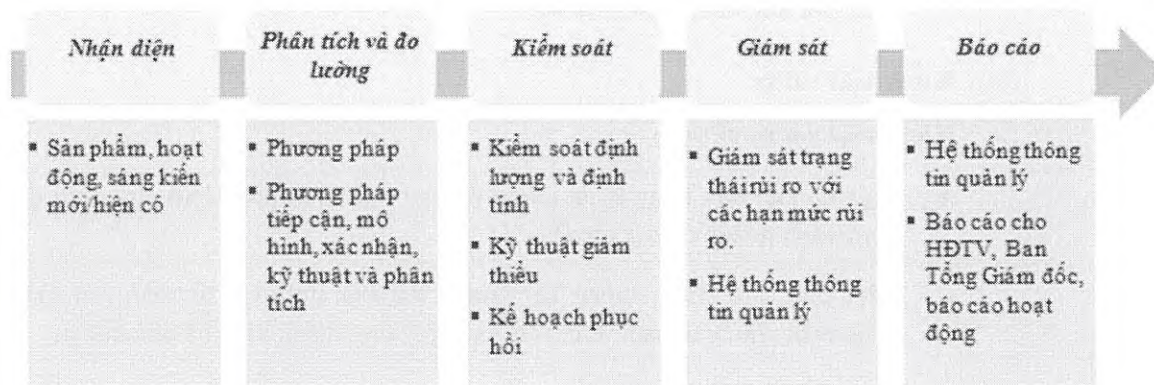
Chức năng	Vai trò và trách nhiệm
Hội đồng thành viên	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đảm bảo MSVN duy trì lượng vốn phù hợp cho hồ sơ rủi ro và kế hoạch kinh doanh của MSVN. ▪ Phê duyệt các kế hoạch và mục tiêu kinh doanh phù hợp với khẩu vị rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro của MSVN. ▪ Quyết định chiến lược quản trị rủi ro, khung quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, mức chấp nhận rủi ro và hạn mức khẩu vị rủi ro. ▪ Xem xét và đánh giá tính đầy đủ của khung QTRR, chính sách QTRR trong nhận biết, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả. ▪ Xem xét các báo cáo định kỳ của ban Tổng Giám đốc về mức độ rủi ro, danh mục rủi ro và các hoạt động quản trị rủi ro. ▪ Quyết định hoặc phủ quyết các giao dịch tín dụng, giao dịch thị trường vốn nằm trong thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
Ban Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Xem xét, giám sát và đánh giá mức độ rủi ro và đánh giá khả năng chịu rủi ro, bao gồm tất cả các loại rủi ro chính của tổ chức (bao gồm nhưng không giới hạn ở tín dụng, thị trường, quản lý tài sản nợ, tài trợ, hoạt động, pháp lý, công nghệ thông tin/mạng, danh tiếng, vốn, rủi ro chiến lược và các rủi ro mới nổi khác) của MSVN, nếu có. ▪ Thiết lập các tiêu chuẩn chấp nhận rủi ro phù hợp cho các hoạt động kinh doanh của MSVN. ▪ Xem xét các báo cáo rủi ro định kỳ, đánh giá các mức độ rủi ro khác nhau phát sinh từ các mảng kinh doanh của MSVN và xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp. ▪ Quyết định hoặc phủ quyết các giao dịch trên thị trường vốn theo quy định của MSVN. ▪ Đảm bảo rằng các phê duyệt tín dụng tuân thủ các chính sách nội bộ và quy định có liên quan. ▪ Đánh giá yêu cầu về vốn và cam kết trước khi thực hiện phê duyệt các giao dịch tín dụng và giao dịch trên thị trường vốn cũng như đảm bảo rằng các khoản tín dụng gia tăng và giao dịch trên thị trường vốn tuân thủ chính sách nội bộ và quy định của MSVN.

b) Các tuyến phòng thủ

Chức năng	Vai trò và trách nhiệm
Tuyến 1	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Sở hữu và quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh hàng ngày, bao gồm cả việc chấp nhận rủi ro. Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày bao gồm nhận diện rủi ro, đánh giá rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro, giám sát rủi ro, báo cáo về mức độ rủi ro và đảm bảo rằng các hoạt động này nằm trong các chiến lược rủi ro, mức chấp nhận rủi ro, khẩu vị rủi ro, khung kiểm soát nội bộ, chính sách và quy trình. ▪ Thực hiện nghiệp vụ theo đúng quy trình, quy định đã được phê duyệt. ▪ Thúc đẩy quản trị rủi ro hiệu quả bằng cách triển khai áp dụng đầy đủ và hiệu quả khung kiểm soát nội bộ, chính sách, quy trình, quy định, bao gồm cả việc theo dõi và báo cáo về rủi ro của từng đơn vị, bộ phận chức năng. ▪ Cung cấp cho đơn vị sở hữu rủi ro các thực tiễn rõ ràng trong quản trị rủi ro.
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Chịu trách nhiệm thiết lập khung, chính sách và quy trình nội bộ để nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu, giám sát và báo cáo về các loại rủi ro phải quản lý. ▪ Xây dựng cơ cấu để quản trị rủi ro và giám sát khung kiểm soát nội bộ bao gồm theo dõi và báo cáo mức độ rủi ro của MSVN.
Tuyến 2	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đánh giá, phân tích các đánh giá rủi ro và tính hiệu quả của Tuyến 1 trong việc quản trị rủi ro. ▪ Hỗ trợ tăng trưởng tài sản bền vững và chất lượng với lợi nhuận tối ưu thông qua các chức năng quản lý tín dụng cụ thể như đánh giá tín dụng, phê duyệt và giám sát. ▪ Truyền thông về các chiến lược rủi ro và xây dựng, duy trì nhận thức rủi ro trong tổ chức. ▪ Đảm bảo tuân thủ các luật, quy định, chính sách nội bộ, thủ tục và các giới hạn (bao gồm cả giới hạn rủi ro). Điều này bao gồm duy trì các chính sách và thủ tục để phát hiện và giảm thiểu rủi ro không tuân thủ và để đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của các chính sách và thủ tục đó dựa trên các hoạt động đang diễn ra.
Tuyến 3	<p>Cung cấp sự đảm bảo hợp lý thông qua đánh giá, xem xét và xác nhận độc lập những nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Khung, chính sách và các công cụ kiểm soát nội bộ đủ mạnh và phù hợp với các tiêu chuẩn của pháp luật. ▪ Việc kiểm soát để giảm thiểu rủi ro được thực hiện đầy đủ và hiệu quả bởi Tuyến 1. ▪ Việc giám sát của Tuyến 2 với Tuyến 1 là đầy đủ.

c) Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền tại MSVN

Quy trình quản trị rủi ro cho chứng quyền tại MSVN được thực hiện theo các bước sau:

(i) **Nhận diện rủi ro**

Sau đây là các rủi ro trọng yếu liên quan đến việc phát hành và kinh doanh chứng quyền đã được nhận diện:

Rủi ro về vốn: Rủi ro khi MSVN không đáp ứng được yêu cầu về vốn theo quy định của pháp luật khi kinh doanh chứng quyền.

Rủi ro thanh khoản: Rủi ro khi MSVN không đủ nguồn lực về tài chính để thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong hoạt động kinh doanh chứng quyền.

Rủi ro thị trường: Rủi ro đến từ biến động của giá chứng quyền có bảo đảm và giá của chứng khoán là tài sản cơ sở cho chứng quyền.

Rủi ro thanh khoản thị trường: Rủi ro đến từ hạn mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với một số mã chứng khoán niêm yết là tài sản cơ sở cho chứng quyền do MSVN phát hành. Hạn mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể khiến MSVN không có khả năng mua thêm cổ phiếu cơ sở để đáp ứng nhu cầu phòng ngừa rủi ro chứng quyền của MSVN khiến việc phòng ngừa rủi ro không hiệu quả.

Rủi ro pháp lý: Rủi ro khi MSVN vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.

Rủi ro hoạt động: Rủi ro mất mát phát sinh do quy trình, con người và hệ thống nội bộ không đầy đủ hoặc không hoạt động hoặc do các sự kiện bên ngoài.

(ii) **Phân tích và đo lường rủi ro**

MSVN xác định mức độ trọng yếu của từng rủi ro dựa trên hai tiêu chí:

- Mức độ tác động đến danh tiếng, tài chính, khả năng cung cấp dịch vụ, tính tuân thủ và nhân sự của Công ty khi từng rủi ro xảy ra;
- Xác suất xảy ra của từng rủi ro.

(iii) Kiểm soát rủi ro**Kiểm soát rủi ro về vốn:**

- Nguyên tắc: duy trì tỷ lệ an toàn vốn cao hơn mức pháp luật quy định đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền.
- Cách thức thực hiện: Phòng Tài chính - Kế toán tính tỷ lệ an toàn vốn và đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo hạn mức đã được Hội đồng thành viên đã phê duyệt.

Kiểm soát rủi ro thị trường:

- Nguyên tắc: duy trì các rủi ro thị trường nằm trong hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.
- Cách thức thực hiện:
 - Phòng Quản lý Rủi ro trình Hội đồng thành viên phê duyệt các hạn mức rủi ro thị trường.
 - Phòng Sản phẩm cấu trúc kiểm soát các rủi ro thị trường trong phạm vi hạn mức đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.
 - Phòng Sản phẩm cấu trúc theo dõi tỷ lệ Delta, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ tối thiểu do UBCKNN quy định. Mua, bán chứng quyền, chứng khoán cơ sở khi cần thiết để đảm bảo tỷ lệ, cụ thể được đề cập tại Mục 2.3 phía dưới.

Kiểm soát rủi ro thanh khoản:

- **Nguyên tắc chung:** duy trì dự trữ thanh khoản đáp ứng các nhu cầu thanh toán của MSVN.
- **Cách thức thực hiện:** Phòng Tài chính - Kế toán duy trì dự trữ thanh khoản trên các mức được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Kiểm soát rủi ro thanh khoản thị trường:

- Không phát hành chứng quyền mà tài sản cơ sở là chứng khoán đã hết hạn mức sở hữu nhà đầu tư nước ngoài.
- Phòng Sản phẩm cấu trúc theo dõi về tỷ lệ sở hữu nước ngoài còn lại đối với các mã chứng khoán là tài sản cơ sở của các chứng quyền đã phát hành.
- Phòng Sản phẩm cấu trúc tiến hành phân tích thanh khoản để đảm bảo khả năng phòng ngừa rủi ro đối với quá trình biến động trong ngày của chứng khoán cơ sở của các chứng quyền phát hành

**Kiểm soát rủi ro pháp lý:**

Cách thức thực hiện: Tất cả hồ sơ phát hành đều phải được rà soát bởi các phòng ban có liên quan đến phát hành chứng quyền và phải được nội bộ phê duyệt trước khi được gửi đi.

Kiểm soát rủi ro hoạt động:

Cách thức thực hiện: Phòng Sản phẩm cấu trúc tuân thủ theo Khung Quản lý rủi ro phi tài chính, Chính sách Quản lý rủi ro Phi tài chính, Quy trình Quản lý rủi ro phi tài chính. Theo đó, Phòng Sản phẩm cấu trúc tuân thủ và duy trì các quy trình hành động sau:

- **Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA):** Duy trì việc tự đánh giá hàng năm các rủi ro tiềm ẩn, hiệu quả của các công cụ quản lý rủi ro và rủi ro còn lại để có chiến lược phòng ngừa rủi ro phù hợp.
- **Chỉ số rủi ro chính (KRI):** Áp dụng các KRI để theo dõi, giám sát biến động của các rủi ro có rủi ro còn lại ở mức trung bình và cao.
- **Quản lý sự cố và thu thập dữ liệu (IMDC):** Báo cáo kịp thời, đầy đủ về các rủi ro hoạt động phát sinh trong quá trình vận hành hàng ngày vào hệ thống thu thập dữ liệu về các rủi ro hoạt động.
- **Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh (BCP):** Có kế hoạch và duy trì kế hoạch hoạt động kinh doanh liên tục hiệu quả đối với sản phẩm chứng quyền. Kế hoạch của phòng phải phù hợp với kế hoạch duy trì hoạt động chung của cả công ty bao gồm cả việc diễn tập hàng năm.

(iv) Giám sát hoạt động quản trị rủi ro

Khi có rủi ro xảy ra, các đơn vị, cá nhân có liên quan sẽ thực hiện theo các quy định về quản trị rủi ro áp dụng hiện hành bao gồm:

- **Rủi ro thị trường:** Khung Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, Chính sách Quản lý sổ kinh doanh, Quy trình Quản lý Sổ kinh doanh.
- **Rủi ro pháp lý:** Khung Quản lý rủi ro pháp lý.
- **Rủi ro hoạt động:** Khung Quản lý rủi ro phi tài chính và Chính sách Quản lý rủi ro Phi tài chính, Quy trình Quản lý rủi ro phi tài chính và Quy trình Quản lý tính liên tục kinh doanh.
- **Rủi ro tuân thủ:** Khung Quản lý rủi ro tuân thủ.
- **Các rủi ro khác:** Khung Quản lý rủi ro doanh nghiệp.

(v) Theo dõi rủi ro và báo cáo rủi ro

Phòng Sản phẩm cấu trúc có trách nhiệm theo dõi các vị thế rủi ro thị trường, biến động thị trường và gửi số liệu về Phòng Quản lý Rủi ro.

Phòng Quản lý Rủi ro có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu về các rủi ro xảy ra, các vị thế rủi ro thị trường, các rủi ro liên quan đến hoạt động chứng quyền cho:

- Khối Quản lý rủi ro của Tập đoàn Maybank;



- Ban Tổng Giám đốc;
- Hội đồng thành viên của MSVN.

d) Kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ:

Phòng Sản phẩm cấu trúc phối hợp với các phòng ban liên quan kiểm soát các rủi ro trong phạm vi hạn mức đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

e) Tổ chức đánh giá tín dụng:

Không có.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro

2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Mục đích phòng ngừa rủi ro nhằm đảm bảo khả năng thanh toán cho Người sở hữu chứng quyền, hạn chế những tổn thất do rủi ro gây ra một cách hiệu quả.

2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro

Nhiệm vụ của các bộ phận liên quan:

a) Cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Phân cấp thẩm quyền quyết định các nội dung về rủi ro của MSVN được quy định đầy đủ trong Khung quản lý rủi ro doanh nghiệp, Khung quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, Chính sách quản lý sổ kinh doanh và các quy định khác có liên quan. Các cấp phê duyệt tại MSVN bao gồm:
 - Hội đồng thành viên;
 - Ban Tổng Giám đốc;
 - Giám đốc Quản lý rủi ro hoặc người được ủy quyền.
- Các cấp có thẩm quyền thực hiện phê duyệt theo đúng thẩm quyền, quy định pháp luật và chịu trách nhiệm về các quyết định về rủi ro trong nghiệp vụ chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.
- Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Khung quản trị rủi ro doanh nghiệp, Khung quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, Chính sách quản lý sổ kinh doanh và các quy định khác có liên quan.

b) Phòng Quản lý rủi ro:

- Đóng vai trò là Tuyến 2 trong cơ cấu quản trị rủi ro chứng quyền, có trách nhiệm giám sát, kiểm soát rủi ro và đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro của Tuyến 1 nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty.
- Có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu về các rủi ro xảy ra, các vị thế rủi ro thị trường, các rủi ro liên quan đến hoạt động chứng quyền cho:

- Khối Quản lý rủi ro của Tập đoàn Maybank;
 - Ban Tổng giám đốc;
 - Hội đồng thành viên của MSVN.
- Đánh giá độc lập, cho ý kiến về rủi ro của các cổ phiếu cơ sở được Phòng Sản phẩm cấu trúc lựa chọn cho từng đợt phát hành chứng quyền.
- Theo dõi độc lập, phối hợp với Phòng Sản phẩm cấu trúc đề xuất phương án xử lý khi có vi phạm về tỷ lệ phòng ngừa rủi ro.
- c) Phòng Pháp chế:**
- Phối hợp với các đơn vị liên quan như Phòng Sản phẩm cấu trúc và Phòng Quản lý rủi ro nhằm đánh giá, tư vấn và xác định các rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình phát hành chứng quyền có bảo đảm.
 - Chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng để cập nhật, phân tích và đánh giá những thay đổi trong hệ thống pháp luật theo từng thời kỳ, liên quan đến hoạt động phát hành và triển khai sản phẩm chứng quyền có bảo đảm tại MSVN, nhằm đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế rủi ro pháp lý trong thực tiễn triển khai.
- d) Phòng Kiểm soát nội bộ:**
- Đóng vai trò là Tuyến 2 trong cơ cấu quản trị rủi ro chứng quyền, có trách nhiệm giám sát, kiểm soát rủi ro tuân thủ và đánh giá hiệu quả kiểm soát rủi ro tuân thủ của Tuyến 1 nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tại Công ty.
 - Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, các chính sách, quy trình nội bộ của hoạt động kinh doanh chứng quyền.
 - Đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình vận hành chứng quyền nhằm đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh chứng quyền được thực hiện một cách minh bạch, nhất quán và đúng quy định pháp luật.
- e) Phòng Sản phẩm cấu trúc – Bộ phận trực tiếp quản trị rủi ro trong việc phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:**
- Là Tuyến 1 trong cơ cấu quản trị rủi ro chứng quyền, trực tiếp sở hữu và tiếp nhận rủi ro.
 - Chủ động nghiên cứu, đề xuất và triển khai phương án phát hành chứng quyền có bảo đảm theo từng giai đoạn cụ thể, nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, đáp ứng mục tiêu chiến lược của Công ty, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy trình, quy định nội bộ.
 - Thực hiện việc nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động nghiệp vụ; xây dựng và đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro một cách kịp thời, hiệu quả.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình triển khai sản phẩm; tham mưu các giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo sản phẩm chứng quyền có bảo đảm được triển khai một cách an toàn và tối ưu.
- Tham gia phối hợp xử lý khi phát sinh rủi ro trong hoạt động giao dịch hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm; đảm bảo việc thực hiện đúng phạm vi chức năng, trách nhiệm được phân công.
- Khi phát hiện dấu hiệu hoặc nguy cơ rủi ro trong quá trình tác nghiệp, có trách nhiệm thông tin, báo cáo kịp thời đến các đơn vị liên quan để cùng phối hợp xử lý.
- Chủ động triển khai các hoạt động phòng ngừa rủi ro theo đúng quy định pháp luật, quy trình nội bộ và hướng dẫn của các đơn vị chức năng chuyên trách.
- Thực hiện việc lưu trữ đầy đủ, chính xác và đúng quy định đối với toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền có bảo đảm.
- Thực hiện đầy đủ các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

f) Nhân sự trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

(i) Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Ông Nguyễn Anh Tuấn

Trình độ học vấn: Tiến sĩ Kinh tế – Trường Đại học Kinh tế Vác-sa-va (SGH), Ba Lan.

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 001030/QLQ do UBCKNN cấp.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Phó Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH Chứng khoán Maybank
2020 – 2023	Giám đốc Quản lý Rủi ro – Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng
2019 – 2020	Trưởng phòng Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
2015 – 2019	Giám đốc Rủi ro và Tuân thủ – Công ty Chứng khoán IB
2011 – 2014	Thư ký HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc/Quyền Tổng Giám đốc – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
2007 – 2011	Giám đốc Rủi ro và Kiểm soát nội bộ/ Giám đốc ISO/ Thư ký HĐQT – Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
2006 – 2007	Cán bộ Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng VIB Việt Nam

Thời gian	Vị trí công tác
2006	Thư ký Thương mại Đại sứ quán Ba Lan tại Hà Nội

(ii) Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm cấu trúc – Bà Hoàng Ngọc Trâm

Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế và Tài chính – Đại học RMIT.

Chứng chỉ: Chứng chỉ Phân tích Tài chính Quốc tế – Chartered Financial Analyst (CFA)

Chứng chỉ hành nghề: Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ số 002467/QLQ do UBCKNN cấp.

Quá trình làm việc:

Thời gian	Vị trí công tác
2023 – nay	Chuyên viên cao cấp phòng Sản phẩm cấu trúc – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Maybank
2020 – 2023	Chuyên viên phòng Tự doanh – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

MSVN áp dụng phương pháp phòng ngừa rủi ro trung hòa Delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, MSVN sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của Tổ chức phát hành là trung hòa Delta (Delta = 0) khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

2.4. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

Tổ chức phát hành thực hiện phòng ngừa rủi ro cho các chứng quyền phát hành bằng cách:

- Mua hoặc bán chứng khoán cơ sở của chứng quyền; và/hoặc
- Mua hoặc bán các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền do tổ chức khác phát hành.

2.5. Vị thế phòng ngừa rủi ro

- Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro

Hệ số phòng ngừa rủi ro được Tổ chức Phát hành áp dụng là Hệ số Delta.

Delta: Là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.

Delta được tính dựa theo công thức Black Scholes như sau

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

$Delta_{CALL}$: Giá trị delta của chứng quyền mua

$N(d1)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với $d1$ được xác định theo công thức định giá Black Scholes

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Trong đó:

X : Giá thực hiện của chứng quyền

S : Giá chứng khoán cơ sở

r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)

σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)

T : Thời gian còn lại của chứng quyền (tính theo năm)

Chi tiết cách xác định các tham số đưa vào công thức:

Tham số	Cơ sở tính toán	Ví dụ
Giá chứng khoán cơ sở (S)	Là giá trị biến đổi	46.500 VND
Giá thực hiện (X)	Là giá trị cố định lấy theo giá thực hiện mà Tổ chức phát hành công bố trong Bản thông báo phát hành chứng quyền. Giá thực hiện này được điều chỉnh khi có sự kiện doanh nghiệp của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	48.000 VND
Lãi suất phi rủi ro (r_c)	Là giá trị cố định, nhưng có thể được điều chỉnh khi Lợi suất Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm thay đổi trên 1%	Trong khoảng 3%-6%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (do Tổ chức phát hành xác định) (σ)	Là giá trị cố định, nhưng có thể được điều chỉnh khi độ biến động giá chứng khoán cơ sở có thay đổi lớn. Được xác định dựa trên cơ sở độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và áp thêm kỳ vọng tương lai về biến động giá chứng khoán cơ sở	20% - 100%
Thời gian còn lại đến Ngày đáo hạn (T)	Là giá trị biến đổi. Giá trị này được tính theo năm, và giảm dần theo thời gian còn lại của chứng quyền. Giá trị này bằng 0 tại thời điểm đáo hạn.	0,583 (năm)

- Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền xác định theo phương án phòng ngừa rủi ro của Tổ chức phát hành.

**Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:**

$$P = \text{Delta}_{CALL} \times OI / k$$

Trong đó:

- P : Số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền
- Delta_{CALL} : Hệ số phòng ngừa rủi ro delta của chứng quyền mua, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức Black Scholes
- OI : Được tính bằng số lượng chứng quyền đang lưu hành của đợt phát hành cộng với số lượng chứng quyền đã bán từ tài khoản tự doanh của Tổ chức phát hành nhưng chưa được VSDC thực hiện bút toán ghi sổ vào tài khoản của nhà đầu tư trừ đi chứng quyền chờ về tài khoản tự doanh của Tổ chức phát hành
- k : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền

Giá lý thuyết của chứng quyền mua theo Công thức Black Scholes:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

- C : Giá lý thuyết của chứng quyền mua
- $N(d_1), N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy
- X : Giá thực hiện của chứng quyền
- S : Giá chứng khoán cơ sở hiện tại
- T : Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến Ngày đáo hạn chứng quyền/365
- r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm)
- σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm)
- k : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền

Giá trị hệ số Delta của chứng quyền mua theo mô hình Black Scholes:

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

Δ_{CALL}	:	Giá trị delta của chứng quyền mua
$N(d_1)$:	Xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes

Công thức quy đổi vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo số lượng chứng khoán cơ sở khi sử dụng chứng quyền do các tổ chức phát hành khác để làm tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:

$$Q_{\text{thực tế}} = Q_s + Q_{cwo}/K_{cwo}$$

Trong đó:

$Q_{\text{thực tế}}$:	Số lượng chứng khoán cơ sở quy đổi cho việc phòng ngừa rủi ro
Q_s	:	Số lượng chứng khoán cơ sở
Q_{cwo}	:	Số lượng chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức phát hành khác
K_{cwo}	:	Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở phát hành bởi tổ chức phát hành khác

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền có bảo đảm của Tổ chức phát hành

Bộ phận Sản phẩm cấu trúc của MSVN chịu trách nhiệm tổ chức triển khai toàn bộ hoạt động liên quan đến sản phẩm chứng quyền, bao gồm: lựa chọn chứng khoán cơ sở, thực hiện tạo lập thị trường hàng ngày và phối hợp với Phòng Quản lý rủi ro để thiết lập, giám sát và vận hành các biện pháp quản trị rủi ro đối với từng mã chứng quyền phát hành. Đội ngũ nhân sự phụ trách có chuyên môn phù hợp, được đào tạo bài bản về nghiệp vụ định giá, quản trị danh mục và vận hành sản phẩm cấu trúc theo quy định pháp luật và thông lệ thị trường.

MSVN có năng lực tài chính ổn định, các chỉ tiêu an toàn vốn luôn duy trì ở mức cao theo yêu cầu của cơ quan quản lý, đảm bảo khả năng thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến chứng quyền đối với nhà đầu tư. Đồng thời, hệ thống công nghệ hiện đại của Công ty đáp ứng yêu cầu vận hành tạo lập thị trường và giao dịch chứng quyền với khối lượng lớn, bảo đảm khả năng cung ứng thanh khoản cho nhà đầu tư trong suốt thời gian tồn tại của chứng quyền.

Các đợt phát hành chứng quyền MSVN đã thực hiện:

Đợt 1 (tháng 09/2025): Phát hành 10 mã chứng quyền trên các chứng khoán cơ sở FPT, HPG, MWG, STB, và VPB, với tổng khối lượng chào bán là 100.000.000 (một trăm triệu) chứng quyền (Chi tiết như nêu tại Điều 2.4 Mục V phía trên).

**IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN****1. NGÂN HÀNG LƯU KÝ**

Ngân hàng lưu ký	:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán	:	Quyết định số 16/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003
Địa chỉ	:	Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOSố 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 28 3821 8812
Website	:	https://bidv.com.vn/
Đại diện ký theo Quyết định	:	Quyết định ủy quyền số 3825/QĐ-BIDV ngày 30/05/2025 của Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Tổ chức phát hành cam kết về việc Tổ chức phát hành không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký theo quy định của pháp luật chứng khoán.

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty	:	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Trụ sở chính	:	Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	:	+84 28 3824 5252
Website	:	https://www.ey.com/vi_vn

X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, tư vấn và các hoạt động khác và có thể có thông tin quan trọng về Công ty và/hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến các Công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Chúng tôi cam kết không phải người có liên quan với Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa và Tổ chức kiểm toán.

XI. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2026

Ph
NGÂN HÀNG LƯU KÝ

ru
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

Musee
Kim Thiên Quang

XII. PHỤ LỤC

1. Giấy phép thành lập và hoạt động của Tổ chức phát hành;
2. Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
3. Quyết định của Tổng Giám đốc về việc thay đổi thông tin chứng quyền có bảo đảm;
4. Quyết định của Tổng Giám đốc về việc thay đổi thời gian phát hành, niêm yết, đáo hạn chứng quyền có bảo đảm;
5. Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán;
6. Điều lệ của Tổ chức phát hành;
7. Báo cáo tài chính năm 2025 kiểm toán của Tổ chức phát hành.

The granting of a certificate of warrant offering by the State Securities Commission (“SSC”) only means that the Issuer’s application for registration of the warrant offering has fully satisfied the conditions and procedures prescribed by relevant laws, it implies neither a guarantee of the contents of the Prospectus, nor that the investment in warrants will be guaranteed or fully settled, nor any guarantee of the objectives, investment strategy, and business plan of the Issuer.

Investors are recommended to carefully read and understand the contents of the Prospectus, especially the risk warning part on pages 07 to 12 of this Prospectus, and pay attention to taxes, fees, charges, and service prices when trading covered warrants.

The price of covered warrants may change depending on the market conditions, investors may suffer loss of invested capital and may lose all invested capital.

The information on the Issuer's performance and the previously issued covered warrants (if any) is for reference only and is not an indication that the investment will be profitable for investors.

PROSPECTUS

MAYBANK SECURITIES LIMITED


(License for establishment and operation of a securities company No.: 117/GP-UBCK issued by the President of State Securities Commission on 3 January 2014 and the most recent License on amending License for establishment and operation of a securities company No.: 62/GPDC-UBCK issued by the President of State Securities Commission on 06 August 2025)

COVERED WARRANTS ISSUANCE

WARRANT STB/MSVN/7M/0126

(Certificate of warrant offering No. 112/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on 21 May 2026)

This Prospectus and additional documents will be made available from the date SSC issues the Covered warrant certificate of issuance at:

	MAYBANK SECURITIES LIMITED <i>(herein referred to as the “Issuer” or “MSVN”)</i>				
	Head Office: VP-10-01, 10th Floor, Pearl 5 Building, No. 5 Le Quy Don, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 28 44 555 888 Fax: +84 28 3827 1030 Website: https://www.maybank-kimeng.com.vn				
In charge of information disclosure					
Full name	:	Nguyen Vo Van Ha	Telephone	:	+84 28 44 555 888
Title	:	Chief Financial Officer	Fax	:	+84 28 3827 1030

MAYBANK SECURITIES LIMITED

(License for establishment and operation of a securities company No.: 117/GP-UBCK issued by the President of State Securities Commission on 3 January 2014 and the most recent License on amending License for establishment and operation of a securities company No.: 62/GPDC-UBCK issued by the President of State Securities Commission on 06 August 2025)

COVERED WARRANT OFFERING

Name of covered warrant	:	Warrant STB/MSVN/7M/0126
Name (code) of the underlying securities	:	STB
Issuer of underlying securities	:	Sai Gon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
Type of warrant	:	Call warrant
Exercise style	:	A warrant in which the holder can only exercise the rights on the expiry date
Exercise method	:	The covered warrant is cash-settled
Tenure	:	7 months
Expected issuance date	:	In May 2026 (<i>Ensure that it is within 15 days from the date that SSC grants the Certificate of Registration for the offering of covered warrants. The official issuance date will be announced in the Covered Warrant Issuance Notification of MSVN</i>)
Expected last trading date	:	Two (02) working days before the Expiry date
Expected expiry date	:	In December 2026 (<i>7 months after the official issuance date</i>)
Conversion ratio	:	6:1 (6 warrants exchanged for 01 underlying share)
Exercise price/ Expected exercise price range	:	In the range of 20% lower to 20% higher than the reference price of the underlying securities on the date of disclosure of the MSVN Covered Warrants Issuance Notification. The specific exercise price will be announced in the MSVN Covered Warrants Issuance Notification.

PROSPECTUS
COVERED WARRANTS OFFERING



Investment Bank

Value of collateral asset	:	At least 50% of the value of warrants expected to be offered
Offering price/ Expected offering price range	:	VND 1,000 – 3,000. The specific offering price will be announced in the MSVN Covered Warrants Issuance Notification.
Total number of warrants offered	:	8,000,000 warrants
Expected value of warrants offered	:	VND 8,000,000,000 – 24,000,000,000. The specific total offering value will be announced in the MSVN Covered Warrants Issuance Notification.

UNDERWRITER: None

AUDIT FIRM

Company	:	Ernst & Young Viet Nam Limited
Head office	:	No. 2, Hai Trieu Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone	:	+84 28 3824 5252 Fax: +84 28 3824 5250
Website	:	https://www.ey.com/vi_vn

CONSULTING ORGANIZATIONS: None

TABLE OF CONTENTS

PROSPECTUS	0
COVERED WARRANT OFFERING.....	1
AUDIT FIRM	2
CONTENT OF THE PROSPECTUS	7
I. RISK FACTORS	7
1. Risks relating to the covered warrants Issuer	7
2. Risks associated with the covered warrants.....	9
3. Risks associated with the underlying securities.....	10
4. Other risks.....	11
II. KEY PERSONS RESPONSIBLE FOR THE PROSPECTUS CONTENT	12
1. Covered warrants Issuer.....	12
2. Underwriter, Consulting Organizations	12
III. DEFINITIONS.....	13
1. Definitions	13
2. Terms and abbreviations:.....	15
IV. INVESTMENT OPPORTUNITIES	16
1. Overview of the Vietnamese economy	16
2. Vietnam’s financial market and investment opportunities	19
3. Opportunity to invest in covered warrants.....	20
V. INFORMATION ABOUT THE ISSUER OF THE COVERED WARRANTS.....	21
1. General information about the Issuer of the Covered Warrants	21
i. Formation and development	21
ii. Corporate structure of Maybank Group.....	25
iii. Organizational and management structure of the Company.....	26

iv.	List of capital contributors holding 5% or more of the Company's contributed capital and related persons; List of founding shareholders and their respective shareholding ratios	32
v.	List of parent companies and subsidiaries of the Issuer, companies controlling or holding controlling shares of the Issuer, and companies which the Issuer controls or in which the Issuer holds controlling shares	33
vi.	Information about the Board of executive (Board of Management and Chief Accountant) of the Issuer	34
2.	Information about business operations of the covered warrant Issuer.....	37
i.	Business operations.....	37
ii.	Disputes/ lawsuits	38
iii.	Statement of profit or loss for the last two (02) years and accumulated to the most recent quarter.....	38
iv.	Warrants issued by the Company	39
3.	Financial conditions	40
VI.	INFORMATION ABOUT THE COVERED WARRANTS.....	42
1.	General information about the covered warrant	42
i.	Details of the issued warrants	42
ii.	Information about previous issuances of the same warrants	44
2.	Information about the underlying securities	45
3.	Warrants distribution period	47
4.	Covered warrants subscription.....	48
i.	Warrants issuance notification.....	48
ii.	Place of registration for warrants purchase.....	48
iii.	Payment method to buy warrants.....	49
iv.	Treatment of Unsubscribed Covered Warrants	49

v.	Plan for distribution of the warrants in case the number of the warrants subscribed is more than the number of the warrants offered for sale	49
vi.	Confirmation of warrant allocation results.	50
5.	Cancellation of the offering of covered warrants	50
6.	Exercise of the covered warrants	50
i.	In the case of payment in cash	50
ii.	Measures to handle in case of the Issuer’s insolvency	53
7.	Rights of the covered warrant holders	53
8.	Adjustment of the warrants.....	56
i.	Cases of adjustment of the warrants	56
ii.	Adjustment method.....	56
9.	Taxes, fees, charges and service fees arising from the transaction or exercise of warrants.....	56
i.	Fees, charges and service fees	56
ii.	Taxes.....	57
10.	Market making activities	58
VII.	PAYMENT GUARANTEE PLAN FOR HOLDERS OF COVERED WARRANTS	60
VIII.	COVERED WARRANTS RISK MANAGEMENT	60
1.	Risk Management Process at MSVN.....	60
i.	Risk identification.....	64
ii.	Risk analysis and measurement.....	65
iii.	Risk control.....	65
iv.	Risk monitoring	66
v.	Risk reporting	67
2.	Hedging Plan.....	67

PROSPECTUS
COVERED WARRANTS OFFERING



Investment Bank

i.	Purpose.....	67
ii.	Hedging implementation structure.....	67
iii.	General Hedging Principles.....	71
iv.	Hedging securities:	71
v.	Hedging position:.....	71
3.	Experience in Covered Warrants Issuance	74
IX.	PARTNERS RELATED TO THE OFFERING	75
1.	DEPOSITORY BANK	75
2.	AUDIT FIRM	75
X.	CONFLICT OF INTEREST	75
XI.	COMMITMENT	76
XII.	APPENDICES	77

(The rest of the page is intentionally left blank)

CONTENT OF THE PROSPECTUS

I. RISK FACTORS

Investors should carefully read this Prospectus and accompanying documents to thoroughly understand the contents of Covered Warrants (herein referred to as “warrants”), the risks associated with investing in warrants, and at the same time evaluate the suitability of the investment in warrant products with their investment objectives and financial situation. Investors are advised to consult with financial advisors, stockbrokers or analysts to gain a comprehensive understanding of how to invest in warrant products.

Warrants are derivative structured products, complex in nature and not suitable for inexperienced investors. We do not encourage investors to participate in investment without fully understanding the product and are not ready to accept the investment risks outlined below.

We do not commit to conducting investigations and researching related to the Issuer of the underlying securities. Warrant holders should not construe the warrants issuance as a call recommendation by us regarding the underlying securities. In addition, warrant holders should note that the companies or organizations of the underlying securities or other related entities are not involved in the preparation of this Prospectus.

1. Risks relating to the covered warrants Issuer

- **Risks from the Issuer’s transactions:** The Issuer may at any time purchase or buy-back the warrants in the market, which can be held, cancelled or resold. The Issuer may engage in transactions to hedge risks, and these transactions may affect the price of the underlying securities, thereby indirectly affecting the price of the warrants.
- **Settlement risk:** Investors should note that in the process of issuing warrants, even though strict solvency standards must always be adhered to by the Issuer, there is always a risk that the Issuer may face liquidity issue or become insolvent, impacting its ability to fulfill its obligations to investors. In the event the Issuer becomes insolvent or has insufficient assets to pay for the exercise of the warrants, the rights and interests of warrant holders shall be settled in accordance with the relevant laws.
- **Warrants delisting risk:** Covered warrants shall be subject to mandatory delisting in the cases stipulated in Clause 6, Article 120 of Decree No. 155/2020/ND-CP (and its amendments and supplements), including:

- The underlying security is delisted, or the securities index cannot be determined;
- The registration dossier for the offering of covered warrants contains misleading information or omits material information that may affect investment decisions and cause damage to investors; or where it is discovered that the issuer has failed to provide the required payment security deposit or does not have a payment guarantee from a bank;
- The issuing organization violates risk-hedging obligations or seriously violates market-making obligations, resulting in the termination of its market-making activities in accordance with the regulations of the Stock Exchange;
- The listed organization has its operating license in the relevant specialized field revoked;
- The warrants have completed the exercise of rights or have reached maturity.

Therefore, there is a risk that the warrants will be delisted before the expiry date.

- **Risk from the exercise of discretion by the Issuer:** Warrant holders should note that we may exercise our discretion in the conduct of our business in accordance with the terms of this Prospectus and may impact the price of the warrants. In case of an acquisition or change in corporate structure affecting the rights and interests of the warrant holders, we reserve the right to engage in activities related to the warrants that we deem appropriate. The Issuer is committed to making prudent decisions. In the event the relevant parties fail to fulfill their obligations towards the Issuer, the performance of the warrants may be affected.
- **Risk associated with conflict of interests:** The Issuer engages in various activities which may create a conflict of interest with warrant holders. The Issuer may always issue and list other warrants, which may affect the price of these warrants.
- **Risk of not evaluating or conducting due diligence on the Issuer of the underlying securities:** The Issuer does not conduct any due diligence or evaluation of the business operations and prospects of the Issuer of the underlying securities. Investors should note that the Issuer of the underlying securities is not involved in the establishment of the terms and conditions of the warrants. In addition, the Issuer of the underlying securities has no obligation to investors when they are exercising the warrants. Therefore, investors should conduct an independent due diligence and base their decisions on their own evaluation of the warrants as well as the Issuer of the underlying securities. Investing in warrants without adequate evaluation may result in losses that could have otherwise been avoided.

2. Risks associated with the covered warrants

- **General investment risk:** Investors should possess knowledge about the warrant valuation methods and should only make trading decisions with careful considerations. Warrants are considered to be suitable only for those who fully understand the risks and related price mechanisms. An investment in warrants is not equivalent to an investment in the underlying securities. Although profits from an investment in warrants are closely linked to the price of the underlying securities, the change in the warrant price may not correspond in magnitude and direction to the change in the price of underlying securities. The high leverage of warrants means that warrant holders are exposed to a higher investment risk compared to investing the same value in the underlying securities.
- **Maturity risk:** Warrants have an expiry date so their price may decrease as the expiry date approaches, and the warrant price may fall considerably. If an investor holds the warrants until expiry date and the settlement price is less than or equal to the exercise price, the price of the warrants will be zero, in this case, such investor will incur a loss equal to the amount paid to purchase the warrants. Therefore, before deciding to invest in warrants, investors need to carefully study the price movement of the underlying securities during the warrant's maturity.
- **Price risk:** It is the risk caused by changes in the warrant's price. The change in the price of warrants depends on various factors including the price of the underlying securities, the price fluctuation of the underlying securities, the maturity of the warrants, interest rate, and dividend of the underlying securities. Among these, the most important factor is the price of the underlying security. In addition, the price of warrants is affected by the supply and demand of the warrants market. Even though the Issuer usually issues the number of warrants according to the volume registered with the State Securities Commission, the Issuer may however increase the volume of warrants through additional issuances, as long as the warrants issuance limit is within the maximum issuance limit prescribed by the State Securities Commission. The additional issuance may affect the price of the warrants.
- **Leverage risk:** Investing in warrants is only affected by the change in price of the underlying securities, not equal to investing directly in the underlying securities. Hence, the investors may take advantage of the leverage of warrants, in that they can benefit from the entire price change of the underlying securities while only paying for part of the value of the underlying

securities. In addition, the price fluctuation of the warrants on the market may be greater than that of underlying securities, so the investors may enjoy greater profits or suffer greater losses than investing in the underlying securities.

- **Liquidity risk:** This risk occurs when an investor cannot sell warrants at a desired price due to a shortage of liquidity in the market for those warrants. The liquidity of a warrant depends on the market supply and demand and how effectively the Issuer acts as market maker. Although the Issuer commits to perform market making activities and provide liquidity for the warrants market, the Issuer does not guarantee that the warrants market will be active.
- Investors in the warrants do not have as many rights as the holders of the underlying securities, which include but are not limited to the right to attend the General Meeting of Shareholders, right to dividends, right to purchase additional issued shares, or other rights related to the underlying securities.

3. Risks associated with the underlying securities

- Certain corporate actions (including issuance of bonus shares or distribution of funds by the company, split or consolidation of the underlying securities or restructuring events affecting the company) may lead us to adjust the terms of warrants. However, we are not obliged to adjust the terms and conditions of warrants for every corporate action or event that may affect the underlying securities. Any adjustment or decision not to adjust may have an impact on the price of warrants. The adjustment to warrants will be made in accordance with the law. In addition, certain events (such as the underlying securities being delisted or suspended from trading) will lead to the delisting and suspension of warrants in accordance with the law.
- **Early termination due to actions of the Issuer of the underlying securities and/or other events:** In the event the underlying securities are delisted or suspended from trading for an indefinite time period, or the Issuer of the underlying securities is subjected to liquidation, bankruptcy or taken-over, the warrants may cease to be traded and be terminated prior to the expiry date. Therefore, upon the occurrence of such events, warrants may be early terminated before the investors' expectations is realized, causing investors to suffer a loss or a reduced profit.
- **Compliance with the law and relevant regulations:** While the Issuer of the underlying securities is required to fully comply with the relevant laws, rules, regulations, guidelines, requirements or provisions issued and imposed by the relevant authorities in Vietnam from

time to time, it is not guaranteed that the Issuer of the underlying securities will fully comply with those laws, regulations or requirements. The business performance of the relevant issuer of the underlying securities may be affected due to non-compliance with relevant laws and regulations, which may consequently affect the value and/or performance of the corresponding warrants.

4. Other risks

- **Economic risk:** The financial and business outlook of the underlying securities issuers or the Issuer may be adversely and significantly impacted by economic uncertainties in the regions where the Issuer operates. An economic slowdown generally has a negative effect on the stock market, on the issuers of underlying securities, and on investment activities as a whole. Specifically, the global economy is currently facing numerous challenges due to the incomplete recovery of financial markets, coupled with escalating geopolitical risks in certain regions around the world. These factors may directly or indirectly affect Vietnam's economy and financial markets, which in turn could negatively impact the price of the underlying securities and, consequently, the price of the Covered Warrants, thereby affecting investors' returns.
- **Political risk:** Risks arising from political events, government policy decisions, and changes in laws and regulations, which may in turn affect the economy, business operations, and the interests of investors.
- **Legal risk:** The Issuer operates under the strict supervision of the Securities Law, the Enterprises Law, and relevant guiding documents in accordance with applicable laws and regulations. In the context of Vietnam's increasing integration into the global economy, the legal framework governing the financial market is continuously reviewed, updated, and improved to align with international practices. Failure to promptly adopt, assess, and implement new regulations may expose the Issuer to legal risks and business operations risks.
- **Timeliness and limitation of information:** Certain information of the Issuer of the underlying securities may be obtained or extracted from third-party sources such as financial news service provider or financial information data provider. There is no assurance on the timeliness and completeness of critical or material information of the Issuer of the underlying securities which was obtained from these third-party sources. Hence, the risk of delay in the transmission, incompleteness or unavailability of information by the third-party sources

relied on by the Issuer for the purposes of market making may adversely affect the price of the warrants since the information and/or prices may not be the latest information and/or prices. The Issuer has, in good faith, extracted relevant information and prices from the public or third-party sources and therefore has not independently verified such information. Investors are required to make their own enquiries, and where appropriate, obtain advice before making any investment decision.

- **Tax-related risk:** Investors should be aware of tax regulations when exercising the warrants. In the event the warrants expire in-the-money, and investors hold the warrants until maturity and exercise them, investors may face the risk that payable tax may, according to the tax regulations applicable at the time being, be larger than the payment that investors may receive from the Issuer. If investors are in doubt about tax law or this type of risk, please consult independent tax advisers before investing in warrants.

II. KEY PERSONS RESPONSIBLE FOR THE PROSPECTUS CONTENT

1. Covered warrants Issuer

Mr.	: Philip Tan Puay Koon	Title	Chairman of Board of Members
Mr.	: Kim Thien Quang	Title	Chief Executive Officer
Ms.	: Nguyen Vo Van Ha	Title	Chief Financial Officer
Ms.	: Tran Ngoc Anh Dao	Title	Head, Internal Audit Department

We guarantee that the information and data contained in this Prospectus are accurate, truthful complete and we undertake the responsibility for the accuracy, truthfulness, completeness of the information and data, following the facts that we are aware of or having been adequately and carefully investigated and collected.

2. Underwriter, Consulting Organizations

Not applicable.

III. DEFINITIONS

In this Prospectus, unless otherwise specifically provided or the context requires otherwise, the following definitions, terms and abbreviations shall have meanings as follows:

1. Definitions

- Covered Warrant(s)/ Warrant(s)** : is a type of security with collateral, issued by a securities company, that entitles the holder to receive the cash difference between the exercise price and the settlement price at the time of exercise;
- Underlying securities** : are the securities used as the underlying asset of the warrants;
- Issuer of the underlying securities** : is the organization that issues the securities used as the underlying assets of the warrants;
- Issuer/ Company/ Warrant registration organization / Market-making organization** : is the securities company that issues the warrants. In this Prospectus, the Issuer is Maybank Securities Limited (hereinafter referred to as “MSVN”);
- Equity and Commodity Derivatives (“ECD”)** : is the ECD Department of MSVN, which is responsible for offering and trading structured derivative products, including Covered Warrants, at MSVN;
- Charter** : is the Charter of Maybank Securities Limited. as approved by the Company’s Board of Members;
- Securities Law** : is the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam, and its amendments and supplements from time to time;
- Enterprises Law** : is the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020 of the National Assembly of the Socialist Republic of

Viet Nam, and its amendments and supplements from time to time;

- Depository bank** : is the bank that performs depository service and supervises assets deposited by the Issuer to guarantee payment for the issued warrants and is not a related party to the Issuer in accordance with regulations of securities law;
- Warrant holder(s)** : is the investor(s) who owns the Warrants and is the partially secured creditor(s) of the Issuer and is not the Issuer of the warrants;
- Exercise price** : is the price which is used by the Issuer to determine the payment to a warrant holder;
- Conversion ratio/ Exercise ratio** : is the ratio of the warrants required to convert into one unit of the underlying securities. The conversion ratio is rounded to four decimal places;
- Expiry date** : is the day on which a warrant holder can exercise the warrant and the issuer must make payment for warrants that are in the money;
- Outstanding warrants** : are the warrants that have not expired and are held by the warrant holder(s);
- In-the-money (ITM) warrants** : are the call warrants that have an Exercise price lower than the settlement price;
- Out-of-the-money (OTM) warrants** : are the call warrants that have an Exercise price higher than the settlement price;
- At-the-money (ATM) warrants** : are the call warrants that have an Exercise price equal to the settlement price;

Delta : is the change in the price of the warrant corresponding to the change in the price of the underlying securities

Formula:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Degree of change in the price of the Warrant}}{\text{Degree of change in the price of the Underlying securities}}$$

Warrant settlement price upon exercise : is the average closing price of the Underlying securities for the five (05) trading days immediately preceding the Expiry date, excluding the Expiry date;

Cash settlement amount : is the amount of cash to be paid on valid exercise of the warrants;

Maybank Group : means Malayan Banking Berhad and the companies affiliated with Malayan Banking Berhad, including but not limited to MSVN;

MIBGH : means Maybank IBG Holdings Limited;

2. Terms and abbreviations:

FS	Financial statements
IT	Information technology
CW	Covered Warrant
GDP	Gross domestic product
HNX	Hanoi Stock Exchange
HOSE	Ho Chi Minh City Stock Exchange
MSVN/Issuer/ Company	Maybank Securities Limited
RM	Risk management
SE	Stock Exchange
Ltd	Limited liability

JSC	Joint Stock Company
SSC	State Securities Commission of Vietnam
OE	Owner's equity
VSDC	Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
VND	Vietnam dong
USD	US Dollar

IV. INVESTMENT OPPORTUNITIES

1. Overview of the Vietnamese economy

Despite unfavorable economic fluctuations in the global economy, Vietnam's economy continued to recover strongly, with 2025 GDP growing by 8.02% year-on-year — a breakthrough result within the 2011–2025 period, second only to the growth rate recorded in 2022. Accordingly, estimated GDP growth in the first quarter of 2026 increased by 7.83% year-on-year (Q1/2025 increased by 7.07%). Timely and flexible macroeconomic policies contributed to stabilizing the macroeconomy, controlling inflation, and sustaining balanced growth across all three key sectors: agriculture, industry, and services.

Economic Growth Surpasses Expectations

Vietnam's gross domestic product (GDP) in 2025 increased by 8.02% compared to the same period last year, placing the country among the fastest-growing economies in Southeast Asia. GDP at current prices in 2025 is estimated to reach VND 12,847.6 trillion, equivalent to USD 514 billion, an increase of USD 38 billion compared to 2024. GDP per capita in 2025 at current prices is estimated at VND 125.5 million per person, equivalent to USD 5,026, up USD 326 compared to 2024. Despite facing challenges from the international environment and fluctuations in the Middle East region, Vietnam's GDP in Q1/2026 still maintained impressive growth, in particular, all three key economic sectors posted positive growth:

- In 2025: The agriculture, forestry and fisheries sectors grew by 3.78%, contributing 5.3% supported by expanded agro-aquatic exports and the application of high technology in production. Q1/2026: The agriculture, forestry and fisheries sectors grew by 3.58%, contributing 5.60%.
- In 2025: The industry and construction sector, as measured by the Industrial Production Index (IIP), rose by 8.95% year-on-year, contributing 43.62% and serving as the main

driver of overall economic growth. Q1/2026: The industry and construction sector grew by 8.92%, contributing 44.08%.

- In 2025: The services sector expanded by 8.62%, contributing 51.08% and reflecting strong momentum in tourism, retail, transportation, and finance–banking industries. Q1/2026: The services sector grew by 8.18%, contributing 50.32%.

Agriculture, forestry and fisheries

In 2025, the agriculture, forestry and fisheries sectors, although adversely affected by weather-related factors such as storms, floods, and natural disasters in many localities nationwide, due to the timely intervention and support from the State in response and recovery efforts, the agriculture, forestry, and fisheries sector still maintained stable growth, meeting domestic consumption demand and supporting exports. Agriculture posted a value-added growth of 3.48% year-on-year, contributing 3.59% to the overall increase in the economy’s total value-added. Forestry grew by 5.07%; however, due to its small share, it contributed only 0.38%. Fisheries increased by 4.41%, contributing 1.33%.

In Q1/2026, the agriculture, forestry and fisheries sector maintained stable growth. Output of perennial crops was fairly strong, pig farming continued to recover, and aquaculture production increased significantly due to the application of science and technology.

The value added of the agriculture sector in Q1/2026 rose by 3.36% compared to the same period last year, contributing 4.01% to the overall increase in total value added to the economy; the forestry sector grew by 3.22%, contributing 0.21%; and the fisheries sector grew by 4.51%, contributing 1.38%.

Industry and Construction

In 2025, the industrial sector’s value added increased by 8.80% over the last year, contributing 35.15% into the growth rate of total value added of the entire economy and serving as the main driver of overall growth.

In Q1/2026, the total value added of the industrial sector increased by 9.01% year-on-year (Q1/2025 increased by 7.63%), contributing 38.34% to the overall increase in total value added of the economy. Industrial production maintained a positive growth trend, while construction activities improved thanks to accelerated disbursement of public investment capital. The construction sector grew by 8.36%, contributing 5.74%.

Trade and Services

In 2025, trade, tourism and services activities remained vibrant. The value add to the service sector in 2025 is estimated to increase by 8.62%. Tourism activities recovered strongly, with the number of international visitors to Vietnam in 2025 reaching an all-time high, making a positive contribution to the growth of the service sector.

Several major market service industries, which account for a large proportion and make significant contributions to the growth rate of total value added of the entire economy in 2025, include: wholesale and retail trade, up 8.52% compared to 2024, contributing 10.62%; transportation and warehousing, up 10.99%, contributing 8.69%; financial, banking, and insurance activities, up 7.82%, contributing 5.72%; and accommodation and food services, up 10.02%, contributing 3.34%. In Q1/2026, peak consumer demand during the Lunar New Year and a surge in international arrivals to Vietnam helped drive growth in the trade and services sectors. Specifically, wholesale and retail grew by 9.62% year-on-year, contributing 14.52%; transportation and warehousing increased by 8.95%, contributing 6.95%; financial, banking, and insurance activities rose by 7.70%, contributing 5.09%; information and communications grew by 7.65%, contributing 4.21%; accommodation and food services increased by 7.49%, contributing 2.89%.

The total import and export turnover of goods in 2025 reached USD 930.05 billion, up 18.2% year-on-year; of which exports reached USD 475.04 billion (up 17.0%) and imports reached USD 445.01 billion (up 19.4%), resulting in a trade surplus of approximately USD 20.03 billion.

Foreign Direct Investment (FDI)

FDI attraction was a notable highlight. Total registered foreign investment in Vietnam in 2025 reached USD 38.42 billion, slightly up 0.5% year-on-year; realized FDI in 2025 is estimated at USD 27.6 billion — increasing by nearly 9% compared to the previous year and representing the highest level in the past five years. In Q1/2026, realized FDI in Vietnam was estimated at 5.41 billion USD, an increase of 9.1% year-on-year.

Social Welfare

Inflation remained under control. The average Consumer Price Index (CPI) in 2025 increased by 3.31% year-on-year, while core inflation rose by 3.21%, lower than the overall average CPI increase; this is due to the fact that prices of food, foodstuffs, household electricity, healthcare services, and education services—although contributing to CPI growth—belong to categories that are excluded from the core inflation basket. Social welfare policies continued to be implemented

effectively. Overall in Q1/2026, the CPI rose by 3.51% year-on-year; core inflation increased by 3.63%.

In 2025 and Q1/2026, despite the many challenges and difficulties, particularly geopolitical instability caused by conflicts in the Middle East, which had a strong impact on the Q1/2026 economy, the overall picture reaffirmed the comprehensive and sustainable nature of Vietnam's economic growth, showing that Vietnam is entering a new cycle of economic growth with balanced contributions from all three pillars — agriculture, industry, and services — alongside strong FDI inflows, effective macroeconomic management and an increasing level of international confidence. The double-digit growth target is set on the foundation of strong political stability, improved institutions, more modern governance, a more efficient administrative apparatus, and strengthened national capacity.

(Source: General Statistics Office of Vietnam – Ministry of Finance)

2. Vietnam's financial market and investment opportunities

In 2025, Vietnam's stock market has witnessed significant volatility. In early April 2025, the VNIndex plunged by 16.3% following President Donald Trump's announcement of a 46% retaliatory tariff on Vietnamese goods. However, the market gradually recovered and recouped most of its losses, supported by easing trade tensions between the U.S. and China. In October 2025, FTSE Russell announced that Vietnam's stock market had met all the official criteria for upgrading from Frontier Market status to Secondary Emerging Market status. In April 2026, FTSE Russell officially confirmed that Vietnam's upgrade roadmap remains unchanged. This event is a memorable milestone, marking the efforts made in comprehensively improving and strengthening the legal and technological foundations of the securities industry, with the aim of developing the stock market in a transparent manner and in line with international standards and best practices.

As of the end of 2025, the VN-Index rose to 1,784.49 points, marking a 40.87% increase compared to the beginning of the year. This growth rate ranks second only to 2017 (48.03%). At the end of Q1/2026, the VN-Index stood at 1,674.49 points, down 6.2% compared to the end of the previous year.

Alongside these index breakthroughs, market liquidity also experienced a surge in 2025 and Q1/2026, following the launch of the KRX system in May 2025. The average trading value for the year 2025 reached nearly VND 29.5 trillion per session, an increase of more than 40% compared

to the previous year's average. The average trading value in Q1/2026 reached VND 35 trillion per session, up 19.9% compared to the previous year's average.

MSVN assess that the market's upward momentum in 2025 is likely to continue into 2026. The outlook for 2026 is supported by the following factors:

- Monetary policy is expected to remain easing, focusing on macroeconomic stability, inflation control, and flexible management and creating favorable conditions for market valuation;
- Overall market earnings growth is projected to reach 18–20% during 2025–2026, supported by improving domestic consumption and the gradual recovery of export activities;
- Market liquidity is expected to trend higher, with average daily trading value forecast to reach around VND 40 trillion per session by the end of 2026 (+35% YoY), driven by domestic credit growth and the potential return of foreign capital as the market is officially upgraded;
- Growth momentum stems from the recovery of the private enterprise sector and the improvement and strengthening of production and business foundations, thereby supporting and promoting the development of the stock market;
- The quality of listed companies continues to improve, alongside enhanced corporate governance, greater information transparency, stronger risk management capabilities, and the adoption of sustainable development standards, contributing to the attraction of foreign capital inflows.

3. Opportunity to invest in covered warrants

Covered warrants are a type of security with collateral issued by a securities company, that are listed and traded on HOSE. Warrants provide investors with a tool to optimize capital allocation rather than directly investing in underlying securities. They offer investors several advantages, including: leveraged exposure (as the initial cost of purchasing a warrant is significantly lower than purchasing the underlying stock, while still allowing investors to achieve comparable profit potential); the maximum loss is predetermined; trading and liquidity are also seamless, as warrants are traded on the stock exchange in the same manner as stocks (with identical trading hours, execution methods, and applicable order types).

With the warrant leverage effect, a small change in the value of the underlying securities can result in larger changes in the value of the warrants, magnifying the gains when the underlying securities

move in investors' favor. Leverage effect can also result in greater potential losses when the underlying securities experience price movements against investors' favor, however, the losses are capped to the purchase price paid for the warrants and any relevant transaction costs.

MSVN is the Issuer of the warrants and is also the market maker for the warrants issued by MSVN. MSVN provides liquidity for these warrants by providing bid and ask prices for the warrants on HOSE's trading system.

Warrants are suitable only to investors who fully understand the risk involved and are prepared to sustain a complete loss of the subscription or purchase price paid for the warrants. Investors should carefully research or consider, with their adviser, the suitability of the warrants before making investment decisions.

V. INFORMATION ABOUT THE ISSUER OF THE COVERED WARRANTS

1. General information about the Issuer of the Covered Warrants

i. Formation and development

a. Maybank IBG Holdings Limited

Maybank IBG Holdings Limited (referred to as “**MIBGH**”) is the parent company of Maybank Securities Limited (hereinafter referred to as “**MSVN**”) and its group entities operating across 6 Southeast Asian countries, as well as in Hong Kong, India, and the United Kingdom.

Formerly known as Maybank Kim Eng Holdings Limited, MIBGH was established following the acquisition of Kim Eng Holdings Limited—the first listed securities brokerage firm in Singapore—in 2011.

Through its subsidiaries, MIBGH offers a comprehensive range of financial services, including debt advisory and arrangement via Sukuk/bonds, project financing, leveraged and syndicated lending, corporate finance, equity capital markets, mergers and acquisitions advisory, sector advisory, equity derivatives, institutional and retail securities brokerage, and research.

MIBGH's ultimate holding company, Malayan Banking Berhad, is Malaysia's largest bank by market capitalisation and total assets, and Southeast Asia's fourth largest bank by assets, with a global network of 2,597 branches in 18 countries. It is only one of two Malaysian brands and the only financial institution from Malaysia to be ranked in Brand

Finance's world's 500 most valuable brands. It is also the highest ranked Malaysian company at #103 on Time's World's Best Companies 2024.

Maybank's mission of "Humanising Financial Services" is demonstrated through its pursuit to be the most positively impactful financial institution, offering values-based solutions to redefine banking and customer experience.

b. Maybank Securities Limited

Maybank Securities Limited, formerly known as Kim Eng Vietnam Securities Joint Stock Company, was established under License for Establishment and Operation No. 71/UBCK-GP dated 14 December 2007 by the SSC and officially started operations in April 2008. After the Maybank Group acquired all shares of Kim Eng Holdings Limited, the Company was renamed Maybank Kim Eng Securities Joint Stock Company under the Amended License No. 105/GPDC-UBCKNN dated 10 August 2012, with 49% of shares controlled by Maybank Group through MIBGH.

On 03 January 2014, the Company was officially approved by the SSC to convert its corporate structure from a joint stock company to a limited liability company under the name Maybank Kim Eng Securities Limited under License for Establishment and Operation No. 117/GP-UBCK and became the first 100% foreign-owned securities company in Vietnam.

On 23 March 2022, after more than 10 years of complete merger into Maybank Group, the Company was approved by the SSC to change its name to Maybank Securities Limited, pursuant to Amended License No. 30/GPDC-UBCK. With its new name, the Company is committed to continuously investing, improving service quality and constantly striving to become a leading securities company in sustainable development programs in Vietnam.

Over the past 18 years, the Company has established a strong presence in the Vietnamese market with its headquarters in Ho Chi Minh City and 5 branches in Hanoi and several other provinces/cities, and 262 employees as of 31 March 2026. From the initial charter capital of VND 200,000,000,000 (Two hundred billion Vietnamese Dong), the Company's charter capital has reached to VND 2,200,000,000,000 (Two thousand two hundred billion Vietnamese Dong), an 11-fold increase. The capital increase is one of the strong premises to help the Company improve its competitive position, deploy more

attractive financial products and especially further promote derivative securities products, covered warrants and bond trading.

In addition, the Company became a member of the Vietnam Securities Business Association in 2017 and a member of the Vietnam Bond Market Association in 2022.

c. Awards

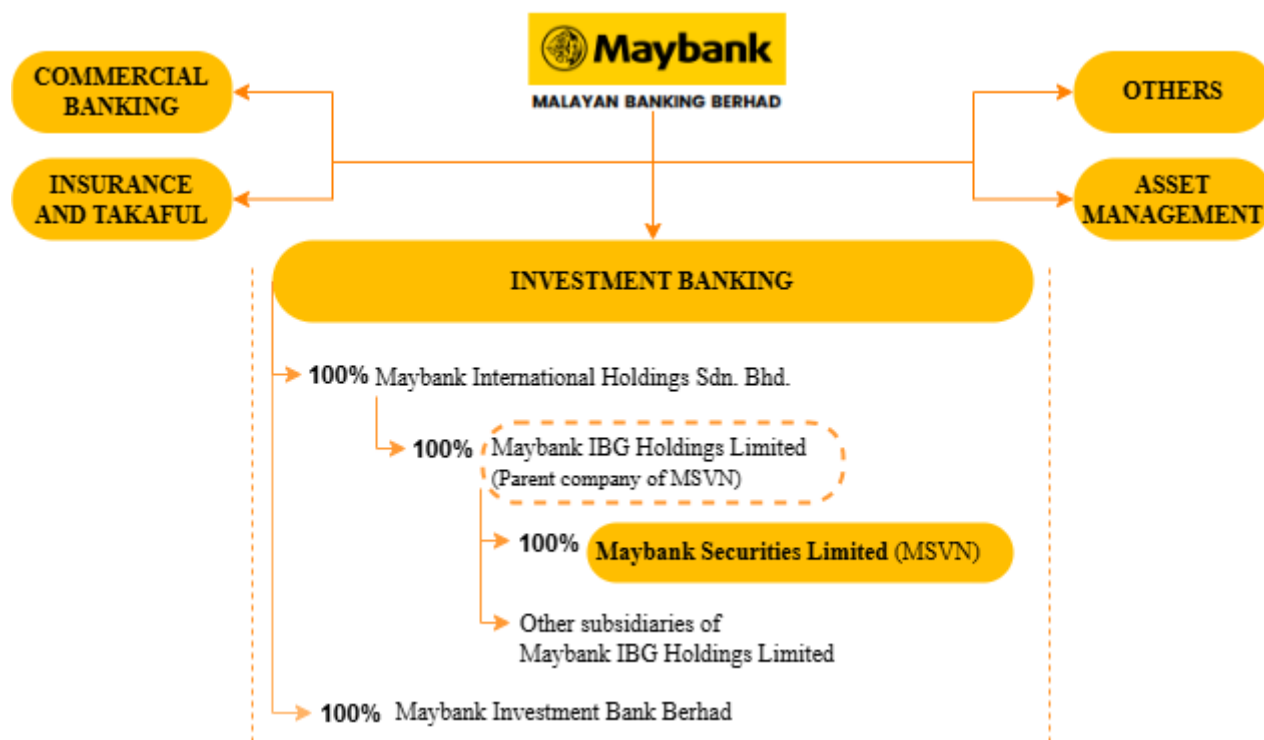
Over the past 18 years of operation in the Vietnamese market, MSVN has taken pride in its continuous efforts to build trust with both domestic and international investors and partners. We firmly believe that trust from our investors and partners serves as a vital foundation for the company’s sustainable growth.

Over the years, the Company has been continuously honored with many prestigious awards across various business segments such as:

Business segments	Awards
Company-wide	<ul style="list-style-type: none"> • Top 50 Outstanding FDI Enterprises in Vietnam in Golden Dragon Award for “Top Securities Company in Vietnam” voted by Vietnam Economic Times (VnEconomy), in the years from 2011 – 2025. • “Top 10 Trusted & Used Products & Services in 2023 - Banking & Finance Industry” voted by Tap chi Tu van Tieu & Dung (Consumption Consulting Magazine), from 2012 to 2023. • Ranked No. 2 for the Best Foreign Securities Company in Vietnam by Asiamoney Brokers Poll 2023.
Retail Clients	<ul style="list-style-type: none"> • Award “Best Retail Broker in Asia” voted by Alpha Southeast Asia Magazine, in the years 2013 – 2021, 2023. • Award “Best Retail Broker in Vietnam” voted by Alpha Southeast Asia Magazine, in the years 2011 – 2016, 2021, 2023. • Award “Best Broker in Vietnam” by Asiamoney Brokers Poll 2023. • Ranked No. 2 for the Best Foreign Securities Company

Business segments	Awards
	<p>in Vietnam for Brokerage Services by Asiamoney Brokers Poll 2023.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Award “Brokerage Award of the year 2024” by the Vietnam Investment Review and the Vietnam Financial Advisors Community. • Award “Outstanding Technology and Digital Transformation Product of 2025”, presented by the Finance & Investment Newspaper in collaboration with the Vietnam Financial Advisors Community, at the Vietnam Wealth Advisor Summit (VWAS) 2025.
Institutional Clients	<ul style="list-style-type: none"> • Ranked No. 1 in Asia for “Securities Company Providing Services to Frontier Markets” voted by Institutional Investor Magazine, in 2023.
Research & Analysis	<ul style="list-style-type: none"> • Ranked No. 3 for the Best Securities Company for ESG Analysis and Research in Vietnam by Asiamoney Brokers Poll 2023. • Ranked No. 2 for the Asia Research Team 2024 in the Local Brokerage Rankings voted by Institutional Investor Research.
Investment Banking and Advisory	<ul style="list-style-type: none"> • Award “Top Syndicated Lender in Vietnam” voted by Asia Pacific Loan Market Association (APLMA), in the years 2021 – 2024. • Award “Best Bond Deal in Vietnam” in the Sustainable Finance category, under the Triple A Awards 2025 system organized by The Asset magazine (Hong Kong).

ii. Corporate structure of Maybank Group



Malayan Banking Berhad

Malayan Banking Berhad is the holding company and listed entity for Maybank Group. The Group, through its subsidiaries, offers an extensive range of products and services, which includes consumer and corporate banking, investment banking including stock broking, Islamic banking, insurance and takaful, trustee and nominee services and asset management.

Maybank International Holdings Sdn. Bhd

Maybank International Holdings Sdn. Bhd., a company incorporated in Malaysia, is a holding company of Maybank IBG Holdings Ltd. vested with regional oversight function over MIBGH and its subsidiaries, which includes MSVN.

Maybank Investment Bank Berhad

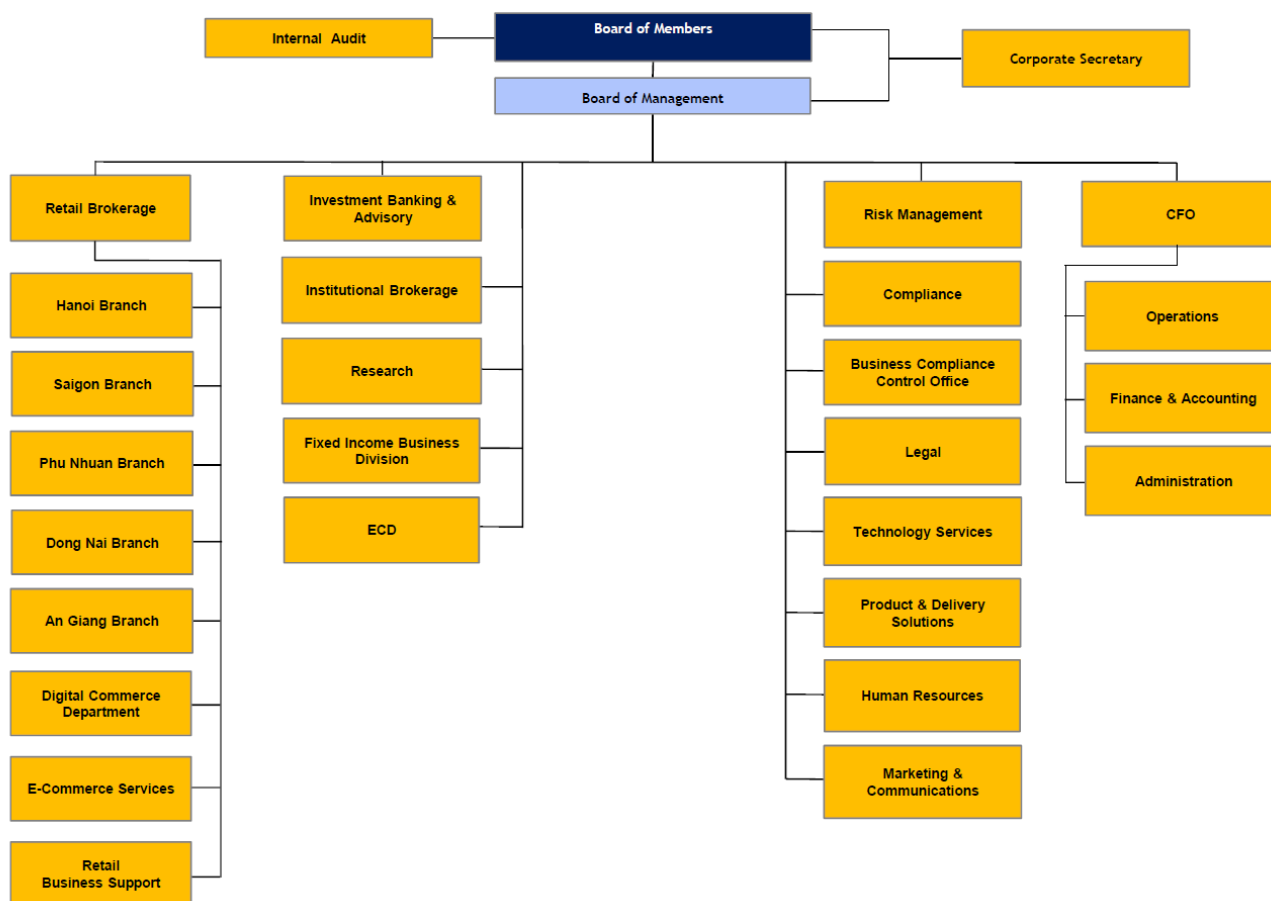
Maybank Investment Bank Berhad is a wholly-owned subsidiary of Malayan Banking Berhad. Maybank Investment Bank Berhad’s services include corporate finance and advisory, debt markets, equity capital markets, stockbroking, share margin financing, equity and commodity derivatives, institutional dealing services and research.

Maybank IBG Holdings Limited

Maybank IBG Holdings Limited is the parent company of Maybank Securities Limited (MSVN) and its member companies across six (06) Southeast Asian countries, as well as in

Hong Kong, India, and the United Kingdom. Through its network of subsidiaries, MIBGH offers a comprehensive range of financial services, including advisory and debt arrangement via Sukuk/bonds, project financing, leveraged and syndicated lending, corporate finance, equity capital markets, mergers and acquisitions (M&A) advisory, equity derivatives, and institutional & retail securities brokerage and research.

iii. Organizational and management structure of the Company



Board of Members

The Board of Members consists of Members appointed by the Company’s owner. The Board of Members exercises the rights and obligations of the Company’s owner in the owner’s name, except where the law or the Company Charter requires approval from the Company’s owner; exercises the rights and obligations of the Company on behalf of the Company, except for the rights and obligations of the Chief Executive Officer; takes responsibilities to

the law and the Company's owner for the performance of the delegated rights and obligations.

Board of Management

The Board of Management comprises the Chief Executive Officer as Chairman, Chief Financial Officer, Head of Risk Management (currently vacant) and Heads of Business Pillar(s). The Chief Executive Officer manages day-to-day business activities under the supervision of the Board of Members and performs delegated rights and obligations in accordance with law.

Corporate Secretary

The primary function of the Corporate Secretary is to support the Board of Members to ensure that its operations and decisions comply with the Company Charter and current regulations. It also serves as a communication bridge to convey decisions of the Board of Members to the relevant parties responsible for implementation.

Internal Audit

The Internal Audit Department operates based on principles of independence, integrity, objectivity, and confidentiality. Its key functions include:

- Independently assessing compliance with legal policies, the Company Charter, and decisions of the Owner and Board of Members.
- Reviewing the adequacy, effectiveness, and efficiency of the internal control system.
- Evaluating business compliance with internal policies and procedures; advising on the establishment of internal policies and processes.
- Assessing compliance with laws and safeguarding measures for asset protection.
- Conducting internal audits through financial information and business processes.

Retail Brokerage

a) Head Office and Branches:

The Retail Brokerage at Head Office and the Branches are responsible as follows:

- **Securities Brokerage:** Provide market analysis reports and investment strategies from the Research team; executing buy/sell orders as requested.
- **Account Management:** Help clients manage portfolios and update risk ratios, corporate actions, and promotional programs.
- **Margin Trading:** Provide margin trading services as per legal and SSC regulations.

b) Digital Commerce Department:

Digital Commerce Department is responsible for:

- Cultivating self-directed clients, handling inquiries about products/services, and customer care via digital and in-office channels.
- Develop business based on digital platforms.
- Research into customer experience and suggest improvements across all company-provided platforms.

c) E-Commerce Services:

Manage and enhance MSVN's online trading platforms: KE Trade (web) and Maybank Trade VN (mobile):

- Develop and deploy new features.
- Improve user interfaces.
- Coordinate with IT to ensure stable, accurate, and secure system operations.
- Integrate features from other departments (market info, new products, promotions).

d) Retail Business Support:

Retail Business Support is responsible as follows:

- Handle in-person client inquiries at company's offices and branches.
- Provide requested documents and support deposit/withdrawal/transfer services.
- Assist with custody services, deposits, withdrawals, and transfers of funds and securities at the counter at the Company's offices and branches.
- Assist with account opening, information updates, complaints, product/service registrations.
- Manage client data and call center.
- Distribute research and internal updates via email.
- Support marketing activities through multiple communication channels.

Institutional Brokerage

- Brokerage and trading services for institutional clients: equity, bond, and block trades.
- Tailored transaction solutions including trading, settlement, custody, and clearing.
- Corporate access services: connecting clients with corporates, ministries, and investment opportunities in Vietnam.

Investment Banking & Advisory

- Corporate finance advisory (M&A, restructuring, conversions).
- Capital arrangement via financial and securities market instruments.
- Advisory on listing, share offerings, and strategic partner negotiations.

Research

- Analyze listed companies, securities codes, and issuance plans.
- Produce company analysis reports for other departments.
- Develop models for evaluating stocks/bonds for brokerage, investment advisory, margin trading, and risk management.
- Create macroeconomic research reports for strategic planning.
- Publish industry and stock reports for periodic investment updates.

Fixed Income Business Division

- Conduct proprietary investments and trading in fixed income instruments.
- Offer financial product packages.
- Develop new financial products aligned with market and regulatory changes.
- Manage all business related to fixed income instruments.

Equity and Commodity Derivatives (ECD) Department

- Plan the Covered Warrant issuance according to company strategy.
- Operate lifecycle functions (market making, hedging, reporting) of issued Covered Warrants.
- Propose and execute trading strategies based on market analysis and quantitative models.

Risk Management

- Establish risk identification, assessment, control, mitigation, and reporting frameworks.
- Recommend risk appetite and limits to the Board of Members.
- Monitor and report MSVN's risk exposure.
- Evaluate risk control performance of 1st Line of Defense.
- Promote organizational risk awareness.

Compliance

- To check and supervise compliance with applicable laws and regulations, the Company's Charter, the decisions of the owner, the Board of Members, professional

rules and risk management procedures of the relevant departments and securities practitioners of the Company.

- To monitor the implementation of internal regulations, potential conflict of interest situations within the Company with regards to the business activities and personal transactions of employees of the Company; and supervise the performance of responsibilities of employees and partners in respect of authorized activities.
- To review and ensure proper implementation of the code of ethics and conduct.
- To ensure compliance with the regulations on financial prudence.
- To ensure effective separation of the Company and clients' assets.
- To ensure preservation and safe custody of clients' assets.
- To ensure compliance with the relevant rules and regulations on anti-money laundering.
- Other compliance tasks requested by Board of Members and CEO.

Business Compliance Control Office (BCCO)

- Support business units on regulatory compliance issues.
- Analyze regulatory changes and assess required adjustments.
- Conduct product-related compliance risk assessments.
- Report violations to Compliance.

Legal

- Draft and review legal documents and contracts to ensure legal validity and protect company interests.
- Provide legal advice.
- Support litigation and licensing procedures.

Technology Services

- Develop and maintain IT systems for stable, secure, and efficient securities trading.
- Prevent cybersecurity risks and ensure regulatory compliance.
- Integrate new tools and propose tech solutions aligned with company strategy.

Product & Delivery Solution

- Design and deploy core digital products for operations.
- Build online trading systems (mobile and web).
- Develop internal management systems and connect with exchange platforms.
- Research and apply new technologies to optimize operations and enhance user experience while supporting digital transformation strategy.

Human Resources (HR)

- Develop recruitment plans and ensure high-quality human resources.
- Implement compensation and benefits policies.
- Organize training to improve staff performance.
- Evaluate staff performance and suggest improvements.
- Foster professional working culture and internal engagement.
- Ensure legal compliance in labor, insurance, and HR policies.
- Handle labor relations and disputes.

Marketing & Communications

- Develop and manage overall brand strategy.
- Lead internal/external communication, PR, media, and corporate culture initiatives.
- Plan and execute marketing campaigns for branding, products, and services.
- Support all departments in tailored marketing and communications for key transactions.

Operations

a. Settlement Department:

- Process client money transfers, deposits, and internal transfers.
- Monitor transactions and coordinate account balance reconciliations with the Finance and Accounting Department.

b. Securities Custody Department:

- Handle custody services as per MSVN and VSDC procedures.
- Manage exercising options as per MSVN and VSDC procedures.
- Supervision of clearing activities: Ensure that clearing activities related to securities comply with the clearing regulations issued by VSDC.
- Prepare regulatory reports as required by VSDC.

Finance and Accounting Department

- Structure the accounting system in line with state regulations.
- Monitor financial resource use and advise on financial planning.
- Manage MSVN's capital and debt utilisation and propose capital structure solutions.
- Handle tax declarations and ensure tax compliance.
- Archive accounting documents per local regulations and prescribed laws.

Administration

- Manage company seal and official document handling.

- Oversee office expenses and asset maintenance.
- Provide office equipment, procurement, and facilities management.
- Support procurement and sourcing processes.

iv. List of capital contributors holding 5% or more of the Company's contributed capital and related persons; List of founding shareholders and their respective shareholding ratios

a. List of capital contributors holding 5% or more of the Company's contributed capital

As of the date of this Prospectus, MSVN is wholly owned by Maybank IBG Holdings Limited, with the following information:

Member's name (Owner)	Address	Ownership percent
Maybank IBG Holdings Limited	50 North Canal Road #03-01 Singapore 059304, Singapore	100%

List of founding shareholders and their respective shareholding ratios: None.

(Maybank Securities Limited operates as a single-member limited liability company; therefore, it has no founding shareholders and the provisions on restrictions on the transfer of shares under the Law on Enterprises do not apply.)

b. List of related persons

No.	Name	Title/Relationship with the Company
A	INDIVIDUAL	
I	BOARD OF MEMBERS	
1	Philip Tan Puay Koon	Chairman of the Board of Members (Independent member of the Board of Members)
2	Lok Eng Hong	Member of the Board of Members
3	Tengku Ariff Azhar Bin Tengku Mohamed	Member of the Board of Members
4	Nguyen The Tho	Independent member of the Board of Members
5	Nguyen Chi Dung	Independent member of the Board of Members

No.	Name	Title/Relationship with the Company
II BOARD OF MANAGEMENT		
1	Kim Thien Quang	Chief Executive Officer
2	Nguyen Bao Toan	Head, Retail Brokerage
3	Nguyen Vo Van Ha	Chief Financial Officer
III CHIEF ACCOUNTANT		
1	Tran Thi Ngoc Huong	Chief Accountant
IV PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION		
1	Nguyen Vo Van Ha	Chief Financial Officer
V OTHER MANAGERS APPOINTED BY THE BOARD OF MEMBERS		
1	Mac Thi Man	Phu Nhuan Branch Director
2	Hoang Thanh Tuan	Hanoi Branch Director
3	Nguyen Thi Ha Linh	Dong Nai Branch Director
4	Nguyen Ho Bao Tran	An Giang Branch Director
5	Luu Van Hai	Sai Gon Branch Director
6	Tran Ngoc Anh Dao	Head, Internal Audit Department
7	Nguyen Ninh Phuong Thao	Head, Compliance Department
B ORGANIZATION		
1	MAYBANK IBG HOLDINGS LIMITED	Parent company
2	Malayan Banking Berhad	The owner of Parent company

v. List of parent companies and subsidiaries of the Issuer, companies controlling or holding controlling shares of the Issuer, and companies which the Issuer controls or in which the Issuer holds controlling shares

a. List of parent companies of the Issuer and/or companies controlling or holding controlling shares of the Issuer

Parent company owning 100% charter capital of the Issuer: Maybank IBG Holdings Limited, with details as mentioned in Section V.1.4.a) above.

b. List of subsidiaries of the Issuer and/or companies which the Issuer controls or in which the Issuer holds controlling shares

Nil.

vi. Information about the Board of executive (Board of Management and Chief Accountant) of the Issuer

a. Structure of the Board of executive

No	Name	Title
A	BOARD OF MANAGEMENT	
1	Mr. Kim Thien Quang	Chief Executive Officer
2	Mr. Nguyen Bao Toan	Head, Retail Brokerage
3	Ms. Nguyen Vo Van Ha	Chief Financial Officer
B	CHIEF ACCOUNTANT	
1	Ms. Tran Thi Ngoc Huong	Chief Accountant

b. Information about members of the board of executive (Board of Management and Chief Accountant)

i. Chief Executive Officer - Mr. Kim Thien Quang

Educational background: Master's degree in Business Administration in International Finance and Banking granted by European University.

Work Experience:

- **2015 – Present:** Chief Executive Officer – Maybank Securities Limited
- **2014 – 2015:** Deputy Chief Executive Officer – Maybank Kim Eng Securities Co., Ltd. (Single Member Limited Liability Company)
- **2010 – 2014:** Head of Retail Clients Division – Kim Eng Securities Vietnam
- **2009 – 2010:** Head of Brokerage, Head Office – Kim Eng Securities Vietnam
- **2007 – 2009:** Head of Brokerage Department – Kim Eng Securities (Vietnam) JSC
- **2006 – 2007:** Senior Investment Consultant & Brokerage Specialist – ACB Securities Co., Ltd.

ii. Head, Retail Brokerage - Mr. Nguyen Bao Toan

Educational background: Bachelor's degree in Economics from the University of Economics and the University of Marketing, majoring in Business Administration.

Work Experience:

- **2021 – Present:** Director, Retail Clients Division – Maybank Securities Limited

- **2020 – 2021:** Deputy Director, Retail Clients Division – Southern Region – Maybank Kim Eng Securities Co., Ltd. (Single Member Limited Liability Company)
- **2012 – 2020:** Branch Director, Phu Nhuan Branch – Maybank Kim Eng Securities Co., Ltd. (Single Member Limited Liability Company)
- **2011 – 2012:** Deputy Branch Director, Phu Nhuan Branch – Maybank Kim Eng Securities Co., Ltd. (Single Member Limited Liability Company)
- **2008 – 2009:** Head of Brokerage Department – Vincom Securities JSC
- **2006 – 2008:** Deputy Head of Brokerage Department – Sao Viet Securities JSC

iii. Chief Financial Officer - Ms. Nguyen Vo Van Ha

Educational background: Master’s Degree in Economics, Finance and Banking, Paris Dauphine University.

Work Experience:

- **2023 – Present:** Chief Financial Officer – Maybank Securities Limited
- **2016 – 2023:** Senior Director, Head of Financial Analysis, Budgeting & Planning Franchise – Citibank Vietnam
- **2016:** Head of Financial Planning & Analysis, Budgeting & Planning – Prudential Assurance Private Company Vietnam
- **2009 – 2016:** Financial Controller cum ALCO Secretary – Hong Leong Bank Vietnam
- **2005 – 2009:** Audit Supervisor, Financial Services – PricewaterhouseCoopers (PwC) Vietnam

iv. Chief Accountant - Ms. Tran Thi Ngoc Huong

Educational background: Bachelor’s Degree in Economics – Accounting Major, Ho Chi Minh City University of Economics.

Work Experience:

- **2021 – Present:** Chief Accountant – Maybank Securities Limited
- **2018 – 2021:** Chief Accountant – Maybank Kim Eng Securities Co., Ltd. (Single Member Limited Liability Company)
- **2012 – 2017:** Chief Accountant – Maybank Kim Eng Securities (Vietnam) JSC

- **2011 – 2012:** Deputy Head, Finance & Accounting Department – Kim Eng Securities (Vietnam) JSC
- **2008 – 2010:** Accounting Officer – Kim Eng Securities (Vietnam) JSC
- **2004 – 2007:** Accountant – Viet Thai Plastchem Joint Venture Co., Ltd.

c. Information about risk management personnel in relation to the warrants issuance

i. Deputy Head, Risk Management Department – Mr. Nguyen Anh Tuan

Educational background: Ph.D. in Economics – Warsaw School of Economics (SGH), Poland.

Professional Certification: Fund Management License issued by the State Securities Commission.

Work Experience:

- **2023 – Present:** Deputy Director, Risk Management Department – Maybank Securities Limited
- **2020 – 2023:** Head of Risk Management – Maybank Kim Eng Securities Co., Ltd. (Single Member Limited Liability Company)
- **2019 – 2020:** Head of Enterprise Risk Management – Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB)
- **2015 – 2019:** Head of Risk and Compliance – IB Securities Company
- **2011 – 2014:** Board Secretary cum Deputy CEO / Acting CEO – Vietnam International Securities Company
- **2007 – 2011:** Director of Risk & Internal Control / ISO Director / Board Secretary – Vietnam International Securities Company
- **2006 – 2007:** Internal Auditor – Vietnam International Bank (VIB)
- **2006:** Commercial Secretary – Embassy of Poland in Hanoi

Mr. **Nguyễn Anh Tuấn** is a highly respected expert in financial risk management. Holding a Ph.D. in Economics from the Warsaw School of Economics (SGH) in Poland and over 17 years of leadership experience at major financial institutions such as Maybank, OCB, and IB Securities, he has served in key positions including Risk Director, Deputy CEO, and Board Secretary. His deep expertise in risk management, regulatory compliance, and risk governance affirms his capability and credibility in

building robust and effective risk frameworks for complex financial instruments like covered warrants.

ii. Senior Executive, ECD – Ms. Hoang Ngoc Tram

Educational background: Bachelor of Economics and Finance – RMIT University.

Certification: Chartered Financial Analyst (CFA)

Professional Certification: Fund Management License issued by the State Securities Commission

Work Experience:

- **2023 – Present:** Senior Associate, Equity and Commodity Derivatives (ECD) Department – Maybank Securities Limited

- **2020 – 2023:** Proprietary Trading Officer – BIDV Securities Joint Stock Company

Ms. **Hoàng Ngọc Trâm** is a senior specialist in structured products and financial investment. She holds a Bachelor's degree in Economics and Finance from RMIT University, along with the prestigious Chartered Financial Analyst (CFA) designation and a fund management license issued by the State Securities Commission of Vietnam. With prior experience in proprietary trading at BIDV Securities and her current role at Maybank Securities, Ms. Trâm demonstrates strong expertise in financial markets and in designing and managing complex investment products. Her solid professional background and internationally recognized certifications establish her credibility in developing, operating, and effectively managing risks for structured financial products.

2. Information about business operations of the covered warrant Issuer

i. Business operations

MSVN is licensed to operate in a broad range of securities business activities, including:

- Securities brokerage;
- Securities investment advisory;
- Proprietary trading;
- Underwriting of securities offerings.

In addition to the above core operations, the Company also provides securities custody, margin trading, corporate finance advisory services, mergers and acquisitions advisory, capital raising advisory services in domestic and international capital markets and other financial services in accordance with applicable regulations.

Market Share Information:

Out of the business lines, the Company only has the Securities Brokerage segment with market share information, specifically as follows:

Quarter 1 – 2026:

- Brokerage of listed stocks, fund certificates, and covered warrants on HSX: 1.50% (outside the top 10);
- Brokerage of listed stocks on HNX: outside the top 10;
- Brokerage of UPCoM stocks: outside the top 10;
- Derivatives brokerage on HNX: outside the top 10.

Year 2025:

- Brokerage of listed stocks, fund certificates, and covered warrants on HSX: 1.34% (outside the top 10);
- Brokerage of listed stocks on HNX: outside the top 10;
- Brokerage of UPCoM stocks: outside the top 10;
- Derivatives brokerage on HNX: outside the top 10.

ii. Disputes/ lawsuits

At the time of issuing this Prospectus, MSVN has no dispute/lawsuit with any organizations or individuals that may affect the interests of MSVN.

iii. Statement of profit or loss for the last two (02) years and accumulated to the most recent quarter

(Unit: VND)

Indicator	2024	2025	% of increase or decrease	Accumulative Q1 - 2026
Total assets	5,702,270,772,034	6,812,860,503,252	19.48%	6,777,012,954,976
Revenue from business activities	815,624,849,656	897,349,259,627	10.02%	289,292,395,965

PROSPECTUS
COVERED WARRANTS OFFERING



Investment Bank

Profit from business activities	272,214,270,116	228,681,293,749	(15.99)%	56,035,518,235
Other profits	(625,091)	(32,574,542)	5111.17%	-
Pre-tax profit	272,213,645,025	228,648,719,207	(16.00)%	56,035,518,235
After-tax profit	221,044,401,150	179,066,233,903	(18.99)%	45,013,766,583

(Source: Audited Financial Statements for 2024 and 2025 of MSVN and Q1/2026 Financial Statements of MSVN)

iv. Warrants issued by the Company

No	Warrant name	Warrant code	Warrant type	Tenure	Expiry date	Conversion rate*	Exercise price* (VND)	Total number offered	Status	Listed quantity
1st Issuance										
1	Warrant FPT/0125/C/EU/Cash/MSVN	CFPT2525	Call	06 months	25/03/2026	10:1	103,000	10,000,000	Matured	-
2	Warrant HPG/0125/C/EU/Cash/MSVN	CHPG2535	Call	06 months	25/03/2026	2:1	29,700	10,000,000	Matured	-
3	Warrant MWG/0125/C/EU/Cash/MSVN	CMWG2521	Call	06 months	25/03/2026	5:1	91,000	10,000,000	Matured	-
4	Warrant STB/0125/C/EU/Cash/MSVN	CSTB2529	Call	06 months	25/03/2026	2:1	65,500	10,000,000	Matured	-
5	Warrant VPB/0125/C/EU/Cash/MSVN	CVPB2525	Call	06 months	25/03/2026	2:1	31,700	10,000,000	Matured	-

PROSPECTUS
COVERED WARRANTS OFFERING



Investment Bank

6	Warrant FPT/0225/ C/EU/Cash /MSVN	CFPT2526	Call	09 months	25/06/2026	10:1	115,300	10,000,000	Being listed	10,000,000
7	Warrant HPG/0225/ C/EU/Cash /MSVN	CHPG2536	Call	09 months	25/06/2026	2:1	32,900	10,000,000	Being listed	10,000,000
8	Warrant MWG/022 5/C/EU/Ca sh/MSVN	CMWG2522	Call	09 months	25/06/2026	5:1	87,100	10,000,000	Being listed	10,000,000
9	Warrant STB/0225/ C/EU/Cash /MSVN	CSTB2530	Call	09 months	25/06/2026	2:1	67,800	10,000,000	Being listed	10,000,000
10	Warrant VPB/0225/ C/EU/Cash /MSVN	CVPB2526	Call	09 months	25/06/2026	2:1	32,600	10,000,000	Being listed	10,000,000

**Conversion rate and Exercise price at the IPO time*

3. Financial conditions

- Payment of due debts: Paid fully in a timely manner.
- Payable amounts stipulated by law: In accordance with law.
- Total outstanding borrowings (including financial loans, bonds, other borrowings) as of 31 March, 2026: VND 3,266,407,700,000
 - Overdue debt: None
 - Total guaranteed obligations: None
- Debt position as of 31 March, 2026:
 - Total receivables and loans granted: VND 5,570,693,010,816
 - Total liabilities (including outstanding borrowings): VND 3,367,938,962,955

• **Main financial indicators:**

Indicators	2024	2025
1. Indicators of financial safety		
- Value of available capital (VND)	3,141,488,367,217	3,107,014,924,355
- Risks (Market risk, settlement risk, operational risk, incremental risk) (VND)	341,773,658,969	364,032,657,260
- Available capital ratio	919%	853%
2. Indicators of solvency		
- Current ratio: Current assets/Current liabilities	2.29	1.94
- Quick ratio: (Current assets – Inventory)/Current liabilities	2.29	1.94
3. Indicators of capital structure		
- Debt/Total assets ratio	0.43	0.51
- Debt/Equity ratio	0.75	1.03
4. Indicators of profitability		
- After-tax profit/Net revenue ratio	27.10%	19.96%
- After-tax profit/Average Equity ratio	6.96%	5.41%
- After-tax profit/Average Total assets ratio	4.09%	2.86%
- Profit from business activities/Net revenue ratio	33.37%	25.48%
- Earnings per share (EPS)*	N/A	N/A

*as MSVN is a limited company, EPS consideration is not applicable.

(Source: Audited Financial Statements for 2024 and 2025 of MSVN)

VI. INFORMATION ABOUT THE COVERED WARRANTS

1. General information about the covered warrant

i. Details of the issued warrants

Name of warrant	Warrant STB/MSVN/7M/0126
Name (code) of the Underlying securities	STB
Issuer of the underlying securities	Sai Gon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
Type of warrant	Call warrant
Exercise style	A warrant in which the holder can only exercise the right only on the expiry date
Exercise method	The covered warrant is cash-settled
Tenure	7 months
Expected issuance date	In May 2026 (<i>Ensure that it is within 15 days from the date that SSC grants the Certificate of Registration for the offering of covered warrants. The official issuance date will be announced in the Covered Warrant Issuance Notification of MSVN</i>)
Last trading date	Two (02) working days before the Expiry date
Expected expiry date	In December 2026 (<i>7 months after the official issuance date</i>)
Conversion Ratio	6:1 (6 warrants exchanged for 01 underlying share)
Exercise Price	In the range of 20% lower to 20% higher than the reference price of the Underlying securities on the date of disclosure of the MSVN Covered Warrants Issuance Notification. The specific exercise price will be announced in the MSVN Covered Warrants Issuance Notification.
Offering price	VND 1,000 – 3,000. The specific offering price will be announced in the MSVN Covered Warrants Issuance Notification.

Total expected number of Warrants offered 8,000,000 warrants offered

Total expected value of Warrants offered VND 8,000,000,000 – 24,000,000,000.

Collateral asset Money, certificates of deposit or depository agreement legally owned by the Issuer and deposited at the Depository Bank

Calculation of the offering price

The Offering price of the warrants is calculated using the Black-Scholes formula as follows:

Theoretical price of call warrants:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

With

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

In which:

- C : theoretical price of call warrants
- N(d₁), N(d₂) : cumulative normal distribution probability
- X : exercise price of warrants
- S : price of the underlying securities
- T : The remaining time to maturity (calculated in years), being the number of days from the calculation date to the warrant's expiry date divided by 365.
- r_c : risk-free rate (per annum)
- σ : expected price volatility of underlying securities calculated by year
- k : conversion ratio of warrants.

Detailed examples of the parameters applied in the formula:

Price of the underlying securities (S)	STB price at the valuation time
Exercise price ¹ (X)	VND 48,000
Risk free rate ² (as determined by the issuer) (r _c)	In the range 3%-6%
Expected price volatility of underlying securities ³ (as determined by the issuer) (σ)	20% - 100%
Time to maturity (T)	0.583 (year)
Conversion rate ⁴ (k)	6

Black-Scholes model delta value of call warrants

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

In which:

Delta_{CALL}: delta value of call warrants;

N(d₁): cumulative normal distribution probability, with d₁ determined by the Black-Scholes pricing formula.

ii. Information about previous issuances of the same warrants

Nil.

¹ This is for reference only. The exercise price will be determined by the issuer on the official offering date, after the issuer receives the Certificate of Warrant Offering Registration from the State Securities Commission of Vietnam (SSC), and will be specified in the Warrant Offering Notification. The exercise price will be within a range of 20% below to 20% above the reference price of the underlying security on the announcement date.

² Risk-free rate: determined by the issuer based on the yield of 10-year Vietnamese government bonds. This parameter may vary within a margin of 1% to account for potential future interest rate changes.

³ Expected price volatility of the underlying security: determined by the issuer based on the historical price volatility of the underlying security over the past 12 months, with an additional buffer to account for operational and funding costs related to the warrant issuance (including settlement collateral and capital used for purchasing the underlying security for hedging purposes), as well as potential risks that may arise during the warrant hedging process.

⁴ Conversion ratio: the ratio of warrants an investor must hold to convert into one unit of the underlying security. For example, if the conversion ratio of an STB warrant is 6, it means that an investor must hold 6 warrants to have the right to purchase 1 STB share at the exercise price on the exercise date.

2. Information about the underlying securities

2.1 General information on the underlying securities

Name of underlying security	Shares of Sai Gon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
Ticker symbol	STB
Market capitalization as of 15/04/2026 (VND billion)	121,219.37
Average trading volume over the past 12 months	11,369,930 shares/day
Highest closing price in the last 52 weeks (VND)	67,800
Lowest closing price in the last 52 weeks (VND)	38,300
Initial listing date	12/7/2006
P/E as of 15/04/2026	20.41
Average price volatility over the last 6 months (%)	42.200%

Adjusted closing price on the last trading day of each month over the past 12 months:

Month	Adjusted closing price on the last trading day (VND)
05/2025	40,700
06/2025	46,700
07/2025	49,950
08/2025	55,600
09/2025	56,900
10/2025	55,500
11/2025	48,600
12/2025	58,000
01/2026	63,000

Month	Adjusted closing price on the last trading day (VND)
02/2026	65,500
03/2026	62,200
04/2026	67,500

(Source: HSX)

2.2 Information on the Issuer of the Underlying Securities

- Name of the issuer of the underlying securities: Sai Gon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
- Main business sector: Banking
- Number of outstanding shares: 1,885,215,716

Business performance of the issuer of the underlying securities

(Unit: VND billion)

Indicators	2024	2025	% of increase or decrease	Quarter 1 - 2026
Total assets	748,095	917,120	22.59%	859,572
Equity	54,972	59,867	8.90%	61,477
Net interest income	24,532	26,681	8.76%	6,042
Corporate income tax	2,633	1,689	(35.85)%	522
Pre-tax profit	12,720	7,628	(40.03)%	2,106
After-tax profit	10,087	5,939	(41.12)%	1,584
After-tax profit/ Average Equity	20.03%	10.34%	-	-

(Source: Audited Financial Statements for 2024 and 2025, Financial Statements for Q1-2026 of STB, compiled by MSVN)

- Financial indicators of the Issuer of the underlying securities in the last two (02) years.

Indicators	2024	2025
1. Indicators of solvency		
- Customer Loans Outstanding / Total Liabilities	0.77	0.71
- Customer Loans Outstanding / Total Assets	0.71	0.66
2. Indicators of capital structure		
- Debt/Total assets ratio	0.93	0.93
- Debt/Equity ratio	12.61	14.32
3. Indicators of profitability		
- After-tax profit/ Net interest income ratio	41.12%	22.26%
- After-tax profit/Average Equity ratio	20.03%	10.34%
- After-tax profit/Average Total assets ratio	1.42%	0.71%
- After-tax profit/ Total Operating Income	35.18%	18.53%
- Earnings per share (EPS)	4,751	3,150

(Source: Audited Financial Statements for 2024 and for 2025 of STB, compiled by MSVN)

The Issuer commits not to be a related person of the underlying securities issuer according to the provisions of relevant laws.

3. Warrants distribution period

The expected distribution timeline is as follows:

Step	Description	Timeline
1	SSC issues the Certificate of Public Offering of Covered Warrants	T
2	MSVN publishes the Certificate on the websites of the Company, HOSE, and VNX	Within T + 24h
3	MSVN publishes the Issuance Announcement and Prospectus on the websites of the Company, HOSE, and VNX. MSVN publishes the Warrant Offering Announcement in one online or printed newspaper for three consecutive issues.	Within T + 7 working days

4	MSVN begins distributing Covered Warrants to investors, in which the offering time is at least 3 days	Within 03 working days from Step 3
5	MSVN completes distribution of Covered Warrants to investors	At least 03 working days from Step 4
6	MSVN submits the distribution report to SSC	Within 10 days from Step 5

Notes:

- The specific distribution schedule will be announced in MSVN’s Covered Warrants Issuance Notification.
- The collateral will be deposited by MSVN at the custodian bank throughout the effective period of the Covered Warrants and must be maintained at a minimum of 50% of the value of the outstanding warrants (excluding delisted warrants). This collateral must not be pledged, mortgaged, or used as security for any loans or financial obligations of MSVN or any third party.
- Distribution of Covered Warrants to investors may only commence after the Company ensures that investors have access to the Prospectus and the instructions set out in MSVN’s Covered Warrants Issuance Notification.

4. Covered warrants subscription

i. Warrants issuance notification

Within 7 working days from the effective date of the Certificate of Warrant Offering, the issuer must publish the Warrant Offering Notification in one online or printed newspaper for three consecutive issues in accordance with Clause 3, Article 25 of the Law on Securities, and disclose the information on the issuer’s website as well as on the stock exchange’s website. The official prospectus must be simultaneously published on both the issuer’s website and the stock exchange’s website.

ii. Place of registration for warrants purchase

Investors may register to purchase covered warrants at the Head Office and all Branches of the Company and/or via the Company’s trading application after the Company has been granted the Certificate of Covered Warrant Offering by the State Securities Commission of Vietnam (SSC), and after having reviewed the Warrant Offering Prospectus and the instructions provided in MSVN’s Covered Warrant Offering Notification.

The minimum subscription quantity is 1,000 warrants.

iii. *Payment method to buy warrants*

Upon registering to buy warrants, investors must simultaneously pay for the warrants by transferring 100% of the buying value to the following designated blocked account:

- Account holder: Maybank Securities Limited
- Account number: 8640059540
- At: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Nam Ky Khoi Nghia Branch.

The entire proceeds from the offering must be transferred to the above-mentioned blocked account for receiving the purchase of warrants. The issuer commits to only use the money from the above-mentioned blocked account after the State Securities Commission has issued a written confirmation of the results of the distribution of covered warrants, or the State Securities Commission has posted on its website that it has received sufficient documents reporting the results of the above-mentioned issuance of warrants.

iv. *Treatment of Unsubscribed Covered Warrants*

In the event that the total number of Covered Warrants subscribed by investors is less than the total number of warrants offered, the issuing organization is allowed to transfer the unsubscribed warrants to its proprietary trading account. These warrants may then be further distributed through market-making activities on the trading system of the Stock Exchange after the warrants are officially listed.

v. *Plan for distribution of the warrants in case the number of the warrants subscribed is more than the number of the warrants offered for sale*

The number of warrants purchased by each investor shall be determined as follows:

$$\begin{array}{l} \text{Number of} \\ \text{warrants to be} \\ \text{bought by investor} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Number of} \\ \text{warrants offered} \\ \text{for sale} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Number of warrants} \\ \text{subscribed by each investor} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Total number of warrants} \\ \text{subscribed by investors} \end{array}}$$

The number of warrants calculated according to the above formula shall be rounded down to the unit of 100 Warrants for each investor, based on the principle that the total number of warrants distributed to all investors should not exceed the number of the warrants offered

for sale. In the event that, after allocation in accordance with the above principles to all investors, there are any remaining unallocated Covered Warrants, such remaining warrants will be allocated to MSVN's proprietary trading account.

vi. *Confirmation of warrant allocation results.*

Within 3 working days after the end of the offering period, MSVN will send a confirmation notice of the warrant subscription results to investors based on the information provided by them. The official warrant allocation will be carried out by VSDC, with the warrants being directly credited to the securities accounts of investors as registered in the Covered Warrants Subscription Form.

5. Cancellation of the offering of covered warrants

- Covered warrants shall be subject to mandatory delisting in the following cases:
 - The underlying security is delisted or the securities index cannot be determined;
 - The registration dossier for the offering of covered warrants contains misleading information or omits material information that may affect investment decisions and cause damage to investors; or where it is discovered that the issuer has failed to provide the required payment security deposit or does not have a payment guarantee from a bank;
 - The issuer violates risk-hedging obligations or seriously violates market-making obligations, resulting in the termination of its market-making activities in accordance with the regulations of the Stock Exchange;
 - The listed organization has its operating license in the relevant specialized field revoked;
 - The warrants have completed the exercise of rights or have reached maturity.
- Covered warrants may be voluntarily delisted in the following case:
 - The listed organization owns all outstanding covered warrants after a minimum of 30 days from the listing date.

6. Exercise of the covered warrants

i. *In the case of payment in cash*

a. Exercising process

The cash payment process is applied according to VSDC's Regulations and HOSE's regulations, and is carried out as follows (T = expiry date):

- **T – 15:** The Issuer discloses information on the record date for delisting and for making payments to warrant holders and submits it to HOSE. Based on the disclosure of the Issuer, HOSE issues a decision on the delisting of the warrants.
- **T – 2:** Is the last trading date of warrants. HOSE will delist warrants after this day.
- **T (the expiry date – the last registration date):**
 - The Issuer sends Warrants Settlement Price Notice to VSDC (price announced by HOSE on date T).
 - VSDC receives the notification of settlement price, compares it with the Exercise Price:
 - If the settlement price \leq Exercise Price: VSDC sends a Notice of cancellation of the closing list to HOSE and depository members. The process stops here.
 - If the settlement price $>$ Exercise Price: VSDC automatically creates a list of profitable warrant holders (ITM) and sends it to depository members no later than 01 working day after day T.
- **T + 1 to T + 2:** VSDC sends a notice of closing the list of owners to exercise the warrants to HOSE and depository members. VSDC, depository members and the Issuer coordinate to create and confirm the list of warrant owners.
- **T + 3:** The Issuer confirms the list of warrant owners with VSDC, and transfers the payment to the cash account according to VSDC's notification.
- **T + 4:** VSDC notifies the depository members to confirm the allocation of money due to the exercise of the warrants, and allocates the payment to the account of the relevant depository member.
- **T + 5:** Payment date for the warrant holder. The depository member directly allocates the payment amount to the account of the warrant holder.

b. Method for calculating the payment amount to the warrant holder

In the case of exercising warrants upon maturity, cash payment to the warrant holder shall only apply in the case where the warrants are In-the-money.

In the event that the Cash settlement amount is less than or equal to 0, all the warrants shall be deemed to have matured and all rights of the warrant holders as well as obligations of the Issuer with respect to such warrants will be terminated. Warrant holders shall not be entitled to receive any payment from the Issuer with respect to the warrants.

The settlement amount for one unit of a call warrant is the amount paid when the settlement price is higher than the exercise price, in case the warrants are the in-the-money, is calculated as follows:

$$\text{Cash settlement amount} = \left[\frac{\text{Payment price} - \text{Exercise price}}{\text{Conversion ratio}} \right] - \text{Cost of exercising (if any)}$$

The settlement price of the covered warrants is determined as the average of the closing prices of the underlying security over the last five (05) trading days prior to the expiration date, excluding the expiration date itself.

Example:

- **Exercise Price of the Covered Warrants:** VND 80,000
- **Settlement Price:** Average of the closing prices of the underlying security during the last five (05) trading days prior to the expiration date, excluding the expiration date
- **Last Trading Day of the Covered Warrants:** 10/12/2025
- **Expiration Date:** 12/12/2025
- **Pricing Dates for Settlement Calculation:** 05/12, 08/12, 09/12, 10/12, and 11/12

Date	Closing Price of Underlying Stock (VND)
05/12	80,500
08/12	81,000
09/12	82,000
10/12	81,500
11/12	82,000
5-Day Average	81,400

- **Settlement Price of the Covered Warrants:** VND 81,400
- **Conversion Ratio:** 8 : 1 (8 warrants entitle the holder to 1 underlying share)
- **Gross Cash Settlement Amount:** $(81,400 - 80,000) / 8 = \text{VND } 175$ per warrant
- **Net Cash Settlement Amount:** Gross amount less any applicable execution fees (if any)

If the investor does not submit an exercise order, the Covered Warrant will be automatically exercised in cash on the expiration date, provided it is in-the-money.

ii. Measures to handle in case of the Issuer's insolvency

In case the Issuer is insolvent, the Issuer shall ensure the use of resources to pay and fulfill obligations to the warrant holders as follows:

- Assets to hedge risks for warrants on the Company's proprietary trading account, specifically; securities to hedge risks in the proprietary trading account will be sold on the market, collecting cash to repay to investors; and
- Collateral assets that have been deposited by the Company at the Depository bank: According to current regulations, the Issuer must maintain payment security assets in the form of cash, certificate of deposit, depository contract or bank guarantee statement at the Depository Bank throughout the validity period of the warrant, with a value of 50% of the value of the issued or registered to be issued warrant, excluding the number of warrants that have been delisted. This asset cannot be used as collateral, mortgage, or as collateral for loans or other financial obligations of the Issuer or any other third party.

In case there are not enough assets to perform the obligations of the Issuer under the Certificate of warrant offering, the warrant holders shall be considered a partially secured creditor of the Issuer. The handling will be carried out in accordance with relevant legal provisions applicable to partially secured creditors.

7. Rights of the covered warrant holders

- Rights of the call warrant holder: The call warrant holders shall receive the difference when the Settlement price is higher than the Exercise price of the corresponding Warrants at the time of exercise.
- In the event where there are not enough assets to pay for the exercise of the warrants, the settlement of benefits for the warrant holders shall be carried out in accordance with

relevant legal provisions applicable to partially secured creditors.

- In case the Issuer is merging, consolidating, dissolving, going bankrupt, the rights and interests of warrant holders shall be exercised in accordance with the relevant laws on enterprise consolidation, merger, dissolution, and bankruptcy.
- In the event that the covered warrants are delisted due to:
 - (a) the issuer has its operating license in the relevant specialized field revoked;
 - (b) the registration dossier for the offering of warrants is considered to contain false information, omitting important content that may affect investment decisions and cause damage to investors;
 - (c) the underlying security is delisted;

Procedure for exercising warrants in the above-mentioned delisting cases:

- Within 24 hours from the date of the decision on the delisting of the warrants, the issuer shall disclose information on the delisting of the warrants and the method for determining the warrant settlement price for warrant holders from the effective date of the delisting.
- From the date of the above disclosure to the day immediately preceding the effective date of the delisting, the Issuer shall repurchase the outstanding Covered Warrants through market-making activities. The repurchase price shall be determined based on the market price and in compliance with the regulations of the Stock Exchange.
- From the effective delisting date, for any remaining outstanding Covered Warrants, the Issuer will coordinate with the VSDC to settle payments to investors holding the warrants. Payment shall be made in accordance with the regulations of VSDC.

Method for calculating the warrant Settlement price for the warrant holder from the effective date of delisting is applied according to the Black-Scholes formula:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

With

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$
$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Where:

C	:	Settlement price of the call warrant on the delisting date
$N(d_1), N(d_2)$:	Cumulative standard normal distribution
X	:	Exercise price of the warrant
S	:	Price of the underlying security
T	:	Time remaining until maturity (in years), calculated as the number of days from the calculation date to the warrant's maturity date divided by 365
r_c	:	Risk-free interest rate (per year)
σ	:	Expected price volatility of the underlying security (per year)
k	:	Conversion ratio of the warrant

Delta value of call warrants under the Black-Scholes model

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Where:

Δ_{CALL}	:	Delta value of the call warrant
$N(d_1)$:	Cumulative standard normal distribution, with d_1 determined according to the Black-Scholes pricing formula

- In cases where special handling measures are required at the request of the Stock Exchange, the settlement of rights and interests for warrant holders shall be made from the following sources of assets:

- Risk-hedging assets and other assets in the issuer's proprietary trading account;
- Assets in the depository account at the custodian bank.

Payments to warrant holders under such special handling measures shall be determined based on the number of warrants held and the value of the warrants. The warrant value shall be calculated based on the closing price on the date the payment-triggering event occurs, or the nearest closing price to that date (if the closing price on the event date cannot be determined), in accordance with relevant legal regulations.

- Other rights as prescribed by law.

8. Adjustment of the warrants

i. Cases of adjustment of the warrants

The Issuer must adjust the warrants when the price of the underlying securities is adjusted due to the following events of the Issuer of the underlying securities:

- (a) payment of cash dividends;
- (b) issuance of shares to pay dividends;
- (c) issuance of shares to increase share capital from equity;
- (d) issuance of new shares.

ii. Adjustment method

The method of adjusting the Exercise price and Conversion ratio when the underlying securities have a corporate event is as follows:

- Timing of adjustment: Ex-rights trading date of the underlying securities.
- New exercise price = Old exercise price x (Adjusted reference price of the Underlying securities on the ex-rights trading date/Unadjusted reference price of the Underlying securities on the ex-rights trading date).
- New conversion ratio = Old conversion ratio × (Adjusted reference price of the Underlying securities on the ex-rights trading date/Unadjusted reference price of the Underlying securities on the ex-rights trading date).

Rounding principle: The adjusted new exercise price shall be rounded to the nearest whole unit.

The adjusted exercise ratio must be rounded to 4 decimal places.

Other events will be based on the adjustment decision of the Stock Exchange; the Issuer will make the adjustment.

9. Taxes, fees, charges and service fees arising from the transaction or exercise of warrants

i. Fees, charges and service fees

When investing in Warrants, investors may have to pay fees including but not limited to the following fees:

- Brokerage fees;
- Transaction fees;
- Depository, exercise and transfer fees; and
- Exercise costs.

Service fees in the securities sector applied at the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries, as well as the VSDC, are stipulated in Circular No. 83/2024/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 26 November 2024 and Decision No. 1541/QD-BTC issued by the Ministry of Finance on 29 April 2025. Based on the prescribed fee levels, securities service providers shall determine specific service fees appropriate to actual service provision and in compliance with price regulations and other relevant laws.

ii. Taxes

According to Document No. 1468/BTC-CST dated 05 February 2018 of the Ministry of Finance on tax policies for warrants, investors shall have to pay taxes when trading warrants as follows:

a. Value Added Tax (“VAT”)

Pursuant to Clause 2, Article 3 of Circular No. 77/2025/TT-BTC dated 30 July 2025 issued by the Ministry of Finance, activities related to investing, issuing, offering covered warrants, trading, market making are not subject to VAT.

b. Corporate Income Tax (“CIT”)

i. For domestic enterprises

Income from warrants of domestic enterprises is subject to CIT at a rate of 20% according to the law.

The difference between the increase/decrease due to the revaluation of the warrants and Underlying securities at the end of the fiscal year is not included in income/expenses when determining taxable income for CIT.

ii. For foreign organizations doing business in Vietnam not under the Law on Investment or Law on Enterprises (foreign contractors)

Income from the transfer of warrants is subject to CIT at a rate of 0.1% on the price of each security transfer. The calculation of the price of each warrant transfer is similar to the calculation of personal income tax stated below.

The securities company and depository bank where foreign organizations open depository accounts are responsible for deducting this tax amount before paying them.

The above tax rates may be changed according to the applicable law at the time the investor transfers or exercises the rights.

c. Personal Income Tax (“PIT”)

i. In case of the investor transferring the warrant before the expiry date

The tax amount is determined by multiplying the warrant transfer price each time by the tax rate of 0.1%.

In which: The warrant transfer price each time is the order matching price of the warrant on the Stock Exchange multiplied by (x) the number of warrants.

ii. In case of the Warrant being delisted before expiration

Income tax from transferring the warrant is determined by multiplying the warrant transfer price (x) by the tax rate of 0.1%.

The warrant transfer price is calculated as follows:

- The redemption price according to the market price of the Issuer through market making activities multiplied by (x) the number of warrants (before the effective date of delisting); or
- The warrant settlement price announced by the Issuer multiplied by (x) the number of warrants (after the effective date of delisting).

iii. At the time the investor exercises the right

At the time the investor exercises the right to transfer in cash, the investor's income is subject to a tax rate of 0.1% on the price of each warrant transfer.

In which, the price of each warrant transfer is equal to the payment price of the Underlying securities multiplied by (x) (the number of warrants divided (/) by the Conversion ratio).

The securities company and the depository bank where the individual opens a depository account are responsible for deducting this tax before paying them.

The above tax rates may be changed according to the applicable law at the time the investor transfers or exercises the rights.

10. Market making activities

In order to ensure liquidity for the outstanding warrants, the Issuer is obliged to act as a market maker for the warrants it issues, specifically:

The Issuer must participate in placing a market making order within five (05) minutes upon occurrence of any one of the following events:

- There are only orders to buy or sell the Warrants;
- There is no order to buy and sell the Warrants; or

- The market spread exceeds five percent (5%), the spread is the percentage of (lowest ask price - highest bid price)/highest bid price.

When participating in placing an order, the market maker must comply with:

- The minimum volume of each order is 100 Warrants;
- The used order type is a limit order;
- The order price must not exceed the market spread (5%);
- In case there are no orders to buy and sell Warrants, the market maker must quote two-way prices (place both buy and sell orders); and
- The duration of an order on the trading system is at least one (01) minute.

Exemption from the obligation to quote market-making price

In the following cases, the Issuer is not required to perform market making activities:

- Periodic order matching session to determine the opening price, the first five (05) minutes after the end of the periodic order matching session to determine the opening price and the periodic order matching session to determine the closing price;
- The Underlying securities of the warrant are suspended from trading;
- When the theoretical price of the warrant is calculated according to the formula stated in the Prospectus of the Issuer is less than or equal to VND 10;
- When the number of warrants in the market-making account does not meet the minimum number of 100 warrants, the Issuer is exempted from placing a sell order;
- When there are no outstanding warrants (in case the Issuer has not sold any warrants to investors), the Issuer is exempted from placing a buy order;
- In case of delisting of the warrant, the Issuer is exempted from placing a sell order;
- When the price of the warrant hits the ceiling (overbought ceiling), the Issuer is exempted from placing a sell order, or when the price of the Warrant drops to the floor (oversold floor), the Issuer is exempted from placing a buy order;
- When the price of the underlying securities hits the ceiling (overbought ceiling), the Issuer is exempted from placing a sell order for the call warrant;
- When the price of the underlying securities drops to the floor (oversold floor), the Issuer is exempted from placing a buy order for the call warrant;
- When the warrant is in-the-money by 30% or more (i.e. the call warrant's underlying securities price is 30% higher than the Exercise price), the Issuer is exempted from placing

a sell order;

- During fourteen (14) days before the warrants expire;
- When force majeure events occur such as natural disasters, fires, wars, etc.;
- Other cases applied by the Stock Exchange after receiving approval from the SSC.

VII. PAYMENT GUARANTEE PLAN FOR HOLDERS OF COVERED WARRANTS

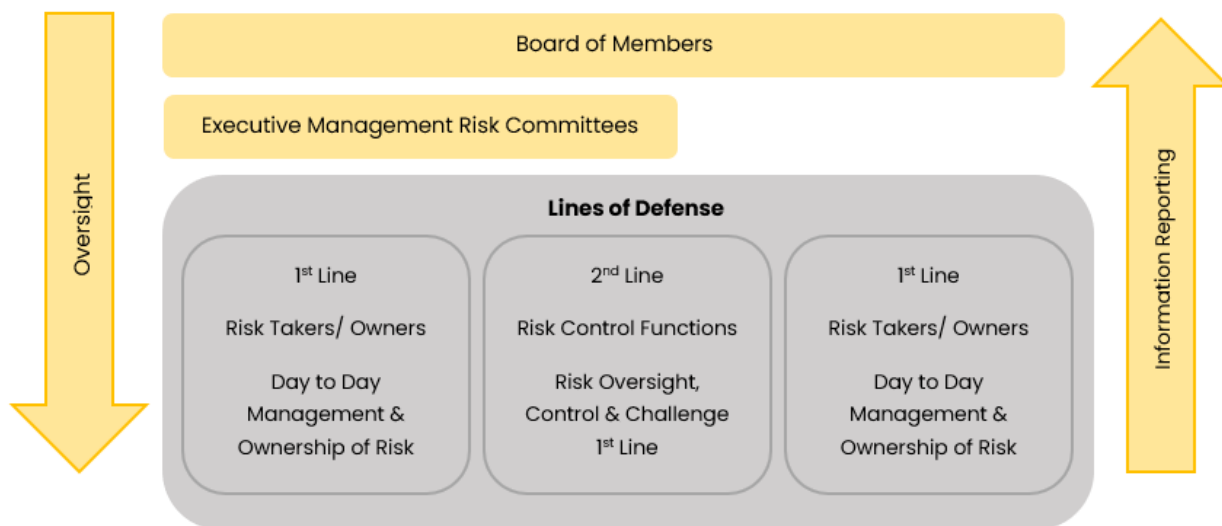
1. Payment to warrant holders shall be secured by the following sources of assets:
 - Risk-hedging assets and other assets in the proprietary trading account;
 - Assets in the depository account at the custodian bank;
 - Payment guarantees or other assets (if any).
2. In the event that the assets are insufficient to fulfill payments for the exercise of warrants, the settlement of rights and interests of warrant holders shall be carried out in accordance with the relevant laws applicable to partially secured creditors.

VIII. COVERED WARRANTS RISK MANAGEMENT

1. Risk Management Process at MSVN

A governance structure should be clear, effective as well as robust and includes the role of the Board of Members, Board of Management and Senior Management with well-defined, transparent and consistent lines of responsibility. The organisational structure of risk management includes:

- Board of Members
- Board of Management
- 1st line of defense: Departments, units that directly own risks or units that receive risks.
- 2nd line of defense: The Risk Management Department and the Compliance Department are responsible for monitoring, controlling risks and evaluating the effectiveness of risk control at the 1st line of defense to improve risk management in the Company.
- 3rd line of defense: The Internal Audit Department is responsible for independently assessing the suitability, adequacy, effectiveness and efficiency of established risk policies and procedures as well as compliance and risk control at the 1st and 2nd line of defense.



a) Roles & Responsibilities

Functions	Roles & Responsibilities
<p>Board of Members (“BOM”)</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ To set the risk appetite based on the strategies, growth targets and committed capital. ▪ To ensure MSVN maintains an appropriate level and quality of capital for its risk profile and business plan. ▪ To approve the plans and performance targets that are consistent with the risk appetite and risk-taking activities of MSVN. ▪ To review and approve risk management strategies, risk frameworks, risk policies, risk tolerance and risk appetite limits. ▪ To review and assess adequacy of risk management policies and framework in identifying, measuring, monitoring and controlling risks and the extent to which they operate effectively. ▪ To review management’s periodic reports on risk exposure, risk portfolio composition and risk management activities. ▪ To support or object to all credit and trading limits or capital market transactions within the authority of the Board of Members.

Board of Management	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Review, monitor and assess the risk exposures at MSVN level and evaluate risk tolerance, encompassing all major types of organisational risks (including but not limited to credit, market, asset liability management, funding, operational, legal, cyber/information technology, reputational, regulatory capital, strategic risks and other emerging risk) of MSVN, where applicable. ▪ Set appropriate risk acceptance standards for the businesses of MSVN. ▪ Review periodic risk reports to assess the various risk exposures arising from MSVN’s businesses and develop appropriate action plans, where applicable. ▪ To support or object to all capital market transactions within MSVN for levels defined in MSVN Credit Delegation of Authority (CDOA). ▪ To ensure that credit approvals are compliant with the relevant regulatory and internal policies. ▪ To assess capital requirement and commitment, prior to facilitating the granting of credit facilities and capital market transactions as well as ensuring that incremental credit facilities and capital market transactions are within both the regulatory and internal policies of MSVN.
---------------------	---

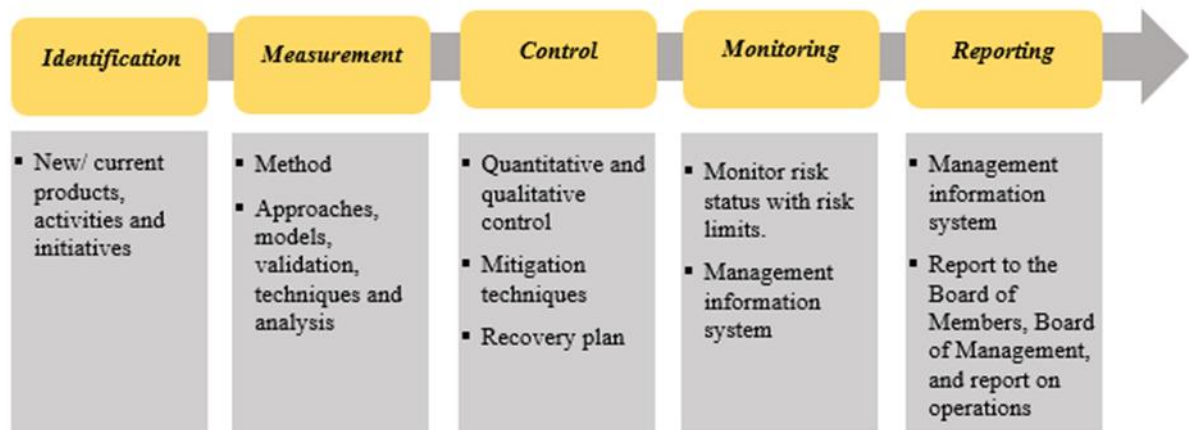
b) Lines of Defense

Functions	Key roles and responsibilities
1st Line	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Owns and manages day-to-day risks inherent in its business and / or activities, including that of risk taking. This includes identifying, assessing, controlling, mitigating, monitoring and reporting its risk exposures and ensuring that these activities are within the established risk strategies, risk tolerance, risk appetite, internal control frameworks, policies and procedures. ▪ Executes activities within the end-to-end process, in accordance with the process design and controls. ▪ Drives and facilitates the management of risk by ensuring effective

	<p>implementation and adherence to internal control framework, policies, procedures and controls, including the monitoring and reporting of risk exposures of the business / function.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Provides clarity to risk owners in relation to risk management practices.
<p>2nd Line</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Establishes and owns internal control frameworks, policies and procedures to identify, assess, control, mitigate, monitor and report a particular risk that the function is entrusted to govern. ▪ Provides overall risk governance and oversight over the internal control framework including monitoring and reporting overall risk exposures of MSVN. ▪ Reviews, analyses and challenges the 1st line’s risk assessments and effectiveness in managing risk. ▪ Supports sustainable and quality asset growth with optimal returns through specific credit management functions such as credit evaluation, approval and monitoring. ▪ Communicates risk strategies and creates risk awareness within the organisation. ▪ Ensures compliance to the applicable laws, regulations, internal policies, procedures, and limits (including risk limits). This includes maintaining policies and procedures to detect and minimize risk of non-compliances and to assess the adequacy and effectiveness of such policies and procedures on an on-going basis.
<p>3rd Line</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Provide reasonable assurance via independent assessment, review and validation, which includes the following: <ul style="list-style-type: none"> - Internal control frameworks, policies and tools are sufficiently robust and consistent with regulatory standards. - Controls to mitigate risks are adequate and effectively executed by the 1st line. - Adequate oversight by the 2nd line over the 1st line.

c) Covered Warrants Risk Management Process at MSVN

The risk management process for warrants in MSVN is carried out in the following steps:



i. *Risk identification*

The following are the key risks related to the issuance and trading of warrants that have been identified:

- **Capital risk:** Risk when MSVN fails to meet the capital requirements as prescribed by law when trading warrants.
- **Liquidity risk:** Risk when MSVN does not have enough financial resources to fulfill financial obligations in warrant trading activities.
- **Market risk:** Risk from fluctuations in the price of warrants and the price of securities that are the underlying assets for warrants.
- **Market liquidity risk:** Risk from the ownership limit of foreign investors for some listed securities that are the underlying assets for warrants issued by MSVN. The ownership limit of foreign investors may prevent MSVN from being able to buy additional underlying shares to meet its warrant risk hedging needs, making risk hedging ineffective.
- **Legal risk:** The risk occurs when MSVN violates or does not comply with the regulations and rules of current laws, leading to fines, warnings, suspension of operations or revocation of business licenses and business registrations.
- **Operational risk:** Risks of loss resulting from inadequate or failed internal processes, people and systems or from external events.

ii. *Risk analysis and measurement*

MSVN determines the materiality of each risk based on two criteria:

- The impact on the Company's reputation, finances, service delivery capability, compliance, and personnel when each risk occurs;
- The probability of occurrence of each risk.

iii. *Risk control*

a. **Capital risk control:**

- **Principle:** Maintain a capital adequacy ratio higher than the legal requirement for warrant business activities.
- **Implementation:** The Finance and Accounting Department calculates the capital adequacy ratio and ensures compliance with the limits approved by the Board of Members.

b. **Market risk control**

- **Principle:** Maintain market risks within the approved risk limits.
- **Implementation:**
 - The Risk Management Department seeks approval from the Board of Members for market risk limits.
 - ECD monitors market risks within the limits approved by the Board of Members.
 - ECD tracks the Delta ratio, ensuring its compliance with the minimum ratio set by the SSC. ECD executes buy/sell transactions of warrants and underlying securities when necessary to maintain the ratio.

c. **Liquidity risk control:**

- **General Principle:** Maintain liquidity reserves sufficient to meet MSVN's payment obligations.
- **Implementation:** The Finance and Accounting Department maintains liquidity reserves at levels approved by the Board of Members.

d. **Market liquidity risk control**

- **Implementation:**
 - No issuance of warrants where the underlying securities have reached the foreign ownership limit.

- ECD monitors the remaining foreign ownership ratio for underlying securities of issued warrants.
- ECD conducts liquidity analysis to ensure the ability to hedge during the intraday fluctuation of the underlying securities of the issued warrants.

e. Legal risk control:

- **Implementation:** All issuance documents must be reviewed by relevant business departments involved in warrant issuance and obtained internal approval before submission.

f. Operational risk control

- **Implementation:** ECD complies with risk management regulations and processes, including the Non-Financial Risk Management Framework, Non-Financial Risk Management Policy, and Non-Financial Risk Management Procedure. As part of these guidelines ECD adheres and maintains the following course of action:
 - **Risk & Control Self –Assessment (RCSA):** Maintain an annual self-assessment of potential risks, the effectiveness of risk management tools, and residual risks to develop appropriate hedging strategies.
 - **Key Risk Indicator (KRI):** Apply Key Risk Indicators (KRIs) to monitor and track fluctuations in risks that have medium and high residual risk levels.
 - **Incident Management and Data Collection (IMDC):** Promptly and fully report any operational risks arising during daily operations into the operational risk data collection system.
 - **Business Continuity Plan (BCP):** Develop and maintain an effective business continuity plan for the warrant product. The department’s plan must align with the company’s overall business continuity plan, including annual drills.

iv. Risk monitoring

In the event of a risk occurrence, relevant departments and individuals shall comply with the applicable risk management regulations, including:

- **Market risk:** Market and Liquidity Risk Management Framework, Trading Book Policy and Trading Book Procedure.
- **Legal risk:** Legal Risk Management Framework.

- **Operational risk:** Non-Financial Risk Management Framework, Non-Financial Risk Management Policy, Non-Financial Risk Management Procedure and Business Continuity Management Procedure.
- **Compliance risk:** Compliance Framework.
- **Other risks:** Enterprise Risk Management Framework.

v. Risk reporting

ECD is responsible for day-to-day monitoring market risk exposures, market fluctuations, and providing relevant data to the Risk Management Department. The Risk Management Department is responsible for periodic or ad-hoc reporting on risk occurrences, independent monitoring of market risk exposures, and risks related to warrant activities to:

- The Risk Management of the Maybank Group,
- The Board of Management,
- The Board of Members of MSVN.

d) Control transactions, credit Limits and deposits:

ECD coordinates with relevant departments to control risks within the limits approved by the Board of Members.

e) Credit rating organisation

None

2. Hedging Plan

i. Purpose

The purpose of hedging is to ensure the Issuer's ability to fulfill payment obligations to Covered Warrant holders and to effectively minimize potential losses arising from associated risks.

ii. Hedging implementation structure

Duties of relevant departments:

a. Approval authority:

- The authority to decide on MSVN's risk content is fully regulated in the enterprise risk management Framework, the market and liquidity risk management

Framework, the trading book management Policy and other relevant regulations. The approval levels at MSVN include:

- Board of Members
- Board of Management
- Head of Risk Management (or the designated officer in charge)
- Competent authorities shall carry out approval in accordance with their authority, legal regulations and be responsible for decisions involving risks in the offering and trading of Covered Warrants.
- Other powers and responsibilities as prescribed by law, the Company Charter and MSVN's enterprise risk management Framework, the market and liquidity risk management Framework, the trading book management Policy and other relevant regulations.

b. Risk Management Department:

- Acting as the second line in the warrant risk management structure, responsible for monitoring, controlling risks and evaluating the effectiveness of risk control of the first line to improve risk management at the Company.
- Responsible for reporting periodically or upon request on risks that occur, market risk positions, risks related to warrant operations to:
 - The Risk Management of Maybank Group,
 - The Board of Management,
 - The Board of Members of MSVN.
- Independently evaluate and give opinions on the risks of the underlying stocks selected by ECD for each warrant issuance.
- Independently monitor and coordinate with ECD to propose solutions when there are violations of risk prevention ratios.

c. Legal Department:

- Coordinate with relevant units such as ECD and Risk Management Department to assess, advise and identify legal risks arising during the issuance of Covered Warrants.
- Actively coordinate with functional units to update, analyze and evaluate changes in the legal system from time to time, related to the issuance and implementation of

Covered Warrant products at MSVN, to ensure compliance and limit legal risks in implementation practice.

d. Compliance Department:

- Acting as the second line in the warrant risk management structure, responsible for monitoring, controlling compliance risks and evaluating the effectiveness of compliance risk control of the first line to improve risk management at the Company.
- Monitoring compliance with current legal regulations and internal policies, processes of warrant business activities.
- Assessing the suitability and effectiveness of warrant operating procedures to ensure that warrant business activities are carried out transparently, consistently and in accordance with legal regulations.

e. Equity and Commodity Derivatives (ECD) Department:

- It is the first line in the warrant risk management structure, directly owns and accepts risks.
- Proactively research, propose and implement plans for issuing Covered Warrants in specific stages, to ensure business efficiency, meet the Company's strategic goals, and fully comply with current legal regulations and internal procedures and regulations.
- Early identification of potential risks in business operations; develop and propose timely and effective measures to control, prevent and minimize risks.
- Coordinate with relevant units in handling situations arising during product deployment; advise on appropriate solutions to ensure that warrant products are deployed safely and optimally.
- Participate in coordinating and handling when risks arise in trading activities or providing products and services related to Covered Warrants. Ensure proper implementation of assigned functions and responsibilities.
- When detecting signs or risks during operations, ECD is responsible for promptly informing and reporting to relevant units for coordination in handling.
- Proactively implement risk prevention activities in accordance with legal regulations, internal procedures and instructions of specialized functional units.

- Carry out complete, accurate and proper storage of all records and documents related to the issuance of Covered Warrants.
- Fully perform other roles and responsibilities in accordance with the provisions of the law, the Company's Charter and internal regulations of MSVN.

Personnel Directly Responsible for Hedging Activities for Covered Warrants

(i) Mr. Nguyễn Anh Tuấn – Deputy Director, Risk Management Department

- **Education:** Ph.D. in Economics – Warsaw School of Economics (SGH), Poland
- **Professional License:** Fund Management License No. 001030/QLQ issued by the State Securities Commission of Vietnam (SSC)
- **Work Experience:**
 - 2023 – Present: Deputy Director, Risk Management Department – Maybank Securities Limited
 - 2020 – 2023: Head of Risk Management – Maybank Kim Eng Securities Limited
 - 2019 – 2020: Head of Corporate Risk Management – Orient Commercial Bank (OCB)
 - 2015 – 2019: Director of Risk & Compliance – IB Securities
 - 2011 – 2014: Board Secretary cum Deputy CEO/Acting CEO – Vietnam International Securities
 - 2007 – 2011: Director of Risk and Internal Control / ISO Director / Board Secretary – Vietnam International Securities
 - 2006 – 2007: Internal Audit Officer – VIB Bank
 - 2006: Commercial Secretary – Embassy of Poland in Hanoi

(ii) Ms. Hoàng Ngọc Trâm – Senior Executive, ECD

- **Education:** Bachelor of Economics and Finance – RMIT University
- **Certificates:** Chartered Financial Analyst (CFA)
- **Professional License:** Fund Management License No. 002467/QLQ issued by the SSC
- **Work Experience:**
 - 2023 – Present: Senior Executive, Equity and Commodity Derivatives Department – Maybank Securities Limited

- 2020 – 2023: Officer, Proprietary Trading Department – BIDV Securities Joint Stock Company

iii. General Hedging Principles

MSVN applies a **delta-neutral hedging strategy**, meaning that alongside the issuance of Covered Warrants, MSVN simultaneously executes transactions in the underlying securities to maintain a **delta-neutral position** (i.e., total delta = 0) when the underlying price fluctuates.

iv. Hedging securities:

The issuer carries out risk hedging for the issued warrants by:

- Buying or selling the underlying securities of the warrants; and/or
- Buying or selling other warrants with the same underlying securities issued by other organizations.

v. Hedging position:

- **Method for calculating the risk-hedging ratio:**

The risk-hedging ratio applied by the issuer is the Delta ratio.

Delta: the value representing the change in the price of a warrant corresponding to a change in the price of the underlying security. Delta is calculated based on the Black-Scholes formula as follows:

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Where:

- $Delta_{CALL}$: the delta value of the call warrant
- $N(d_1)$: cumulative standard normal distribution, where d_1 is derived from the Black-Scholes pricing model

In which:

Delta: delta value of the call warrant;

$N(d_1)$: cumulative normal distribution probability, with d_1 determined according to the Black Scholes valuation formula.

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

In which:

- X : exercise price of the warrant
- S : price of the underlying security
- r_c : risk-free rate
- σ : expected price volatility of the underlying security calculated per year
- T : remaining time to maturity of the warrant (in years)

Detailed explanation of how the parameters used in the formula:

Parameter	Basis of calculation	Example
Price of the underlying security (S)	Is a variable value.	VND 46,500
Exercise price (X)	Is a fixed value, determined based on the exercise price announced by the issuer in the Warrant Offering Notification. This exercise price shall be adjusted in the event of any corporate action by the issuer of the underlying security.	VND 48,000
Risk free rate (r_c)	Is a fixed value but may be adjusted if the Government bond yield is changed of more than 1%.	In the range 3%-6%
Expected price volatility of the underlying security (determined by Issuer) (σ)	Is a fixed value but may be adjusted in the event of significant changes in the price volatility of the underlying security. It is determined based on the historical price volatility of the underlying security over the past 12 months, with an additional adjustment reflecting future expectations of the underlying security's price movements.	20% - 100%
Time to maturity (T)	Is a variable value. This value is calculated on an annual basis and decreases over the remaining life of the warrant. It becomes zero at the time of maturity.	0.583 (year)

- **Theoretical risk-hedging position**

The theoretical risk-hedging position is the expected number of underlying securities that need to be held to hedge risks for the warrants, as determined in accordance with the issuer's risk-hedging plan.

- **Formula for calculating the theoretical risk-hedging position:**

$$P = \text{Delta}_{\text{CALL}} \times \text{OI} / k$$

In which:

- P : The expected number of underlying securities to be held for hedging.
- Delta_{CALL} : The Delta risk-hedging ratio of a call warrant is the value representing the change in the warrant price corresponding to a change in the price of the underlying security, calculated based on the Black–Scholes formula.
- OI : Calculated as the number of warrants outstanding from the issuance plus the number of warrants sold from the issuer's proprietary trading account but not yet book-entered by the VSDC into investors' accounts, minus the number of warrants pending transfer back to the issuer's proprietary trading account.
- k : Conversion rate of a warrant

The theoretical price of a call warrant according to the Black–Scholes formula:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

With

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

In which

- C : Theoretical price of a call warrant
- N (d1), N(d2) : Cumulative normal distribution
- X : Exercise price
- S : Underlying spot price
- T : The remaining time to maturity (calculated in years), being the number of days from the calculation date to the warrant's expiry date divided by 365.
- r_c : Risk-free rate (Per annum)

- σ : Expected volatility of underlying
 k : Conversion rate of warrant

Delta value of a call warrant under the Black-Scholes model:

$$Delta_{CALL} = N(d_1)$$

In which:

- $Delta_{CALL}$: Delta value of the call warrant
 $N(d_1)$: Cumulative standard normal distribution, with d_1 determined according to the Black-Scholes pricing formula

Conversion formula when using warrants issued by other issuers as hedging assets for the Covered Warrant:

$$Q_{actual} = Q_s + Q_{cwo}/K_{cwo}$$

In which:

- Q_{actual} : Number of converted hedging shares
 Q_s : Number of hedging shares
 Q_{cwo} : the number of warrants with the same underlying security issued by another issuer
 K_{cwo} : Conversion ratio of warrants with the same underlying security issued by another issuer

3. Experience in Covered Warrants Issuance

ECD MSVN is responsible for organizing and implementing all activities related to covered warrant products, including the selection of underlying securities, daily market-making operations, and coordination with the Risk Management Department to establish, monitor, and operate risk management measures for each issued warrant. The personnel in charge possess relevant expertise and are professionally trained in valuation, portfolio management, and structured product operations in compliance with legal regulations and market practices.

MSVN maintains a stable financial capacity, with capital adequacy and financial safety ratios consistently at high levels as required by regulatory authorities, ensuring its ability to fully meet all payment obligations related to warrants for investors. In addition, the Company's modern technology infrastructure supports large-scale market-making and warrant trading operations, ensuring liquidity provision for investors throughout the life of the warrants.

The covered warrant issuances from MSVN:

- 1st issuance: Issued 10 warrants based on underlying securities FPT, HPG, MWG, STB, and VPB in September 2025, with a total offering volume of 100,000,000 warrants (Details in part 2.4V above).

IX. PARTNERS RELATED TO THE OFFERING

1. DEPOSITORY BANK

Depository bank	:	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Nam Ky Khoi Nghia Branch
Certificate of securities depository registration	:	Decision No. 16/GPHDLK issued by the State Securities Commission of Vietnam on 14 May 2003
Address	:	No. 56 (rear), 58, 60, 62, 64 and Ground floor, 10th floor, 11th floor, TASCOCO building No. 66, 68 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City
Telephone	:	028.38218812
Representative signing under Decision	:	Authorization decision No. 3825/QD-BIDV dated 30 May 2025 by the General Director – Legal representative of Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam

The Issuer commits that the Issuer is not a related person of the Depository bank pursuant to the securities law.

2. AUDIT FIRM

Company	:	Ernst & Young Viet Nam Limited
Head office	:	No. 2, Hai Trieu Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Telephone	:	+84 28 3824 5252
Website	:	https://www.ey.com/vi_vn

X. CONFLICT OF INTEREST

We and our branches are involved in investment, brokerage, advisory and other activities and may have material information about the Company and/or the Underlying securities or issue or update

research reports about the Company and/or the Underlying securities. Such activities, information and/or research reports may relate to or affect the Company and/or the Underlying securities and may cause adverse consequences to investors or create conflicts of interest in connection with the issuance of warrants. We are not obliged to disclose such information and may issue research reports and engage in any such activities unrelated to the issuance of warrants.

We undertake that we are not related party to the Issuer of the underlying securities, the Depository bank, the Bank opening payment account and the Auditing organization.

XI. COMMITMENT

The Issuer undertakes to take full responsibility for the accuracy and truthfulness of the information content and attached documents in this Prospectus.

Ho Chi Minh City, 06 May 2026

DEPOSITORY BANK
JOINT STOCK COMMERCIAL
BANK FOR INVESTMENT AND
DEVELOPMENT OF VIETNAM – NAM
KY KHOI NGHIA BRANCH

(signed and stamped)

ISSUER
CHIEF EXECUTIVE OFFICER

(signed and stamped)

Kim Thien Quang

XII. APPENDICES

- The Establishment and Operation License of the Issuer;
- Decision of the Board of Members approving the offering plan and listing Covered Warrants;
- Decision of the CEO on changing of the information of the Covered Warrants;
- Decision of the CEO on changing in the issuance time, listing and expiry date of the Covered Warrants;
- Depository agreement;
- The Charter of the Issuer;
- The Issuer's audited financial statements for the years 2025.